



## **THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ** **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

### **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

(Giấy phép hoạt động số: 0060/NH-GP do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 25/01/1996;  
Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100233488 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14  
tháng 2 năm 1996, cấp thay đổi lần 30 ngày 10 tháng 11 năm 2016)

#### **TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**



#### **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

**Địa chỉ:** Tầng 1, tầng 6, tầng 7 tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh,  
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội

**Điện thoại:** (84-4) 6276 0068      **Fax:** (84-4) 6276 0069

**Website:** [www.vib.com.vn](http://www.vib.com.vn)

#### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**



#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

**Địa chỉ:** Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà  
Trung, Hà Nội

**Điện thoại:** (84-4) 3972 45 68      **Fax:** (84-4) 3972 46 00

**Website:** [www.vndirect.com.vn](http://www.vndirect.com.vn)

#### **Phụ trách công bố thông tin:**

Chị: Nguyễn Thùy Dương

Chức vụ: Chuyên viên chính – Ban Pháp chế & Quản trị doanh nghiệp

Số điện thoại: 04. 62760068. Máy lẻ: 4483

Hà Nội, tháng 12 năm 2016



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT .....</b>	<b>8</b>
<b>I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH .....</b>	<b>8</b>
<b>1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....</b>	<b>8</b>
1.1 Giới thiệu chung .....	8
1.2 Giới thiệu về Chứng khoán Đăng ký giao dịch.....	9
1.3 Giới hạn về tỉ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	9
1.4 Lịch sử hình thành và phát triển .....	9
1.5 Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Ngân hàng.....	11
<b>2. Cơ cấu bộ máy quản lý Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam .....</b>	<b>20</b>
<b>3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của ngân hàng và những người có liên quan; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại, Danh sách cổ đông sáng lập .....</b>	<b>29</b>
3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại ngày 08/11/2016 .....	29
3.2 Cổ đông sáng lập .....	29
3.3 Cơ cấu cổ đông tại ngày 08/11/2016 .....	29
<b>4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng, những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng .....</b>	<b>30</b>
4.1 Công ty mẹ/nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối với VIB.....	30
4.2 Công ty con do VIB nắm giữ cổ phần chi phối .....	30
<b>5. Hoạt động kinh doanh.....</b>	<b>31</b>
5.1. Ngành nghề kinh doanh chính .....	31
5.1.1. Hoạt động huy động vốn.....	31
5.1.2. Hoạt động sử dụng vốn.....	35
5.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại hối .....	41
5.1.4. Hoạt động thanh toán quốc tế .....	41
5.1.5. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn .....	41
5.2. Thị trường hoạt động .....	43
5.2.1 Mạng lưới chi nhánh của VIB .....	43
5.2.2. Mạng lưới khách hàng.....	49
5.3. Sản phẩm/dịch vụ cung ứng.....	49
5.3.1. Sản phẩm khối Ngân hàng bán lẻ.....	49

5.3.2. Sản phẩm khối Khách hàng Doanh nghiệp .....	52
5.3.3. Sản phẩm Khối Ngân hàng Công nghệ số.....	55
<b>6. Hoạt động kinh doanh.....</b>	<b>56</b>
6.1. Cơ cấu doanh thu .....	56
6.2. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện.....	59
<b>7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hai năm gần nhất .....</b>	<b>60</b>
7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh .....	60
7.2. Những thuận lợi và khó khăn trong năm báo cáo .....	62
<b>8. Vị thế của VIB so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành .....</b>	<b>63</b>
8.1. Vị thế của VIB trong ngành .....	63
8.1.1. Chất lượng lợi nhuận và khả năng sinh lời .....	63
8.1.2. Hệ thống quản trị rủi ro .....	66
8.1.3. Xếp hạng tín nhiệm Quốc tế.....	67
8.2. Triển vọng phát triển của ngành Ngân hàng.....	67
<b>9. Chính sách đối với người lao động.....</b>	<b>70</b>
9.1 Số lượng người lao động trong Ngân hàng .....	70
9.2 Chính sách với người lao động.....	71
<b>10. Chính sách cổ tức .....</b>	<b>72</b>
<b>11. Tình hình tài chính .....</b>	<b>72</b>
11.1. Trích khấu hao TSCĐ .....	72
11.2. Mức lương bình quân .....	72
11.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng .....	72
<b>12. Tài sản.....</b>	<b>74</b>
<b>13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....</b>	<b>75</b>
<b>14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Ngân hàng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất.....)</b>	<b>77</b>
<b>15. Chiến lược định hướng phát triển kinh doanh của Ngân hàng.....</b>	<b>77</b>
<b>16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng .....</b>	<b>78</b>
<b>II. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG.....</b>	<b>79</b>
<b>1. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....</b>	<b>79</b>
1.1 Danh sách HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát .....	79
1.2 Hội đồng quản trị.....	80

---

1.3	<i>Ban Điều hành</i> .....	89
1.4	<i>Ban kiểm soát</i> .....	101
2.	<b>Kế hoạch tăng cường quản trị Ngân hàng</b> .....	<b>103</b>

**DANH MỤC HÌNH ẢNH**

Hình 1. Cơ cấu bộ máy quản lý Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.....	20
Hình 2. Cơ cấu tiền gửi giai đoạn 2012-2015 .....	33
Hình 3. Tỷ lệ nợ xấu của VIB (dự kiến đến 31/12/2016).....	38
Hình 4. Tỷ lệ nợ xấu một số ngân hàng trong 9 tháng đầu năm 2016 .....	64
Hình 5. ROE và ROA ngành ngân hàng năm 2015 .....	64
Hình 6. Chỉ số biên lợi nhuận lãi vay ròng năm 2015.....	66
Hình 7. Tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng GDP qua các năm.....	67
Hình 8. Tỷ lệ tín dụng nền kinh tế so với GDP (%) của một số quốc gia Đông Nam Á .....	68
Hình 9. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm của Việt Nam qua các năm .....	69

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tại ngày 08/11/2016 .....	29
Bảng 2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 08/11/2016.....	29
Bảng 3. Cơ cấu vốn huy động và VIB phân theo đối tượng huy động (Ngân hàng mẹ) .....	31
Bảng 4. Cơ cấu vốn huy động và VIB phân theo đối tượng huy động (Hợp nhất) .....	31
Bảng 5. Phân loại tiền gửi khách hàng theo đối tượng huy động (Ngân hàng mẹ) .....	32
Bảng 6. Phân loại tiền gửi khách hàng theo đối tượng huy động (Hợp nhất) .....	32
Bảng 7. Phân loại tiền gửi khách hàng theo loại hình tiền gửi (Ngân hàng mẹ) .....	34
Bảng 8. Phân loại tiền gửi khách hàng theo loại hình tiền gửi (Hợp nhất) .....	34
Bảng 9. Cơ cấu dư nợ tín dụng theo thời hạn vay của VIB (*) .....	35
Bảng 10. Cơ cấu dư nợ tín dụng theo ngành kinh tế (*) .....	36
Bảng 11. Cơ cấu dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (*) .....	37
Bảng 12. Cơ cấu dư nợ theo chất lượng tín dụng(*) .....	38
Bảng 13. Hoạt động liên kết và đầu tư tài chính (Ngân hàng mẹ) .....	39
Bảng 14. Hoạt động liên kết và đầu tư tài chính (Hợp nhất) .....	40
Bảng 15. Cơ cấu thu nhập của VIB năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Ngân hàng mẹ) .....	56
Bảng 16. Cơ cấu thu nhập của VIB năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Hợp nhất) .....	56
Bảng 17. Cơ cấu thu nhập thuần của VIB trong năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Ngân hàng mẹ) .....	57
Bảng 18. Cơ cấu thu nhập thuần của VIB trong năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Hợp nhất).....	58
Bảng 19. Danh sách các sản phẩm công nghệ hoặc tài chính trong năm 2016.....	59
Bảng 20. Kết quả kinh doanh giai đoạn 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Ngân hàng mẹ) .....	60
Bảng 21. Kết quả kinh doanh giai đoạn 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Hợp nhất).....	61
Bảng 22. Số lượng lao động tại ngày 30/09/2016 .....	70
Bảng 23. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần nhất .....	72
Bảng 24. Chỉ tiêu tài chính của Ngân hàng (Ngân hàng mẹ).....	72
Bảng 25. Chỉ tiêu tài chính của Ngân hàng (Hợp nhất) .....	73

---

Bảng 26. Cơ cấu tài sản tại ngày 30/09/2016 (Ngân hàng mẹ).....	74
Bảng 27. Cơ cấu tài sản tại ngày 30/09/2016 (Hợp nhất).....	75
Bảng 28. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	75

**CÁC KHÁI NIỆM TỪ VIẾT TẮT**


Cụm từ, nhóm từ được viết tắt	:	Diễn giải
<b>BKS</b>	:	Ban kiểm soát
<b>CBCNV</b>	:	Cán bộ công nhân viên
<b>CĐHH</b>	:	Cổ đông hiện hữu
<b>CN</b>	:	Chi nhánh
<b>CNTT</b>	:	Công nghệ thông tin
<b>DN</b>	:	Doanh nghiệp
<b>ĐHĐCĐ</b>	:	Đại hội đồng cổ đông
<b>ĐTCL</b>	:	Đối tác chiến lược
<b>HĐQT</b>	:	Hội đồng quản trị
<b>HĐTD</b>	:	Hội đồng tín dụng
<b>KCN</b>	:	Khu công nghiệp
<b>L/C</b>	:	Tín dụng thư (Letter of Credit)
<b>NĐT</b>	:	Nhà đầu tư
<b>NHNN</b>	:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
<b>NHTM</b>	:	Ngân hàng thương mại
<b>NHTMCP</b>	:	Ngân hàng thương mại cổ phần
<b>NVCSH</b>	:	Nguồn vốn chủ sở hữu
<b>TTS</b>	:	Tổng tài sản
<b>VCSH</b>	:	Vốn chủ sở hữu
<b>TCTD</b>	:	Tổ chức tín dụng
<b>TCKT</b>	:	Tổ chức kinh tế
<b>TNDN</b>	:	Thu nhập doanh nghiệp
<b>TSĐB</b>	:	Tài sản đảm bảo
<b>TTQT</b>	:	Thanh toán Quốc tế
<b>TV BKS</b>	:	Thành viên Ban kiểm soát
<b>VĐL</b>	:	Vốn điều lệ
<b>VIB/Ngân hàng</b>	:	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt nam
<b>UBND</b>	:	Ủy ban nhân dân
<b>UBCKNN</b>	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

## **NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT**

### **I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

#### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

##### **1.1 Giới thiệu chung**

Tên doanh nghiệp	: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
Tên giao dịch quốc tế	: VIETNAM INTERNATIONAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
Tên viết tắt	: VIB
Trụ sở chính	: Tầng 1, tầng 6, tầng 7 Toà nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	: (84-4) 6276 0068
Fax	: (84-4) 6276 0069
Website	: <a href="http://www.vib.com.vn">www.vib.com.vn</a>
Logo	: 
Giấy phép hoạt động	: Giấy phép hoạt động số: 0060/NH-GP do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 25/01/1996
Giấy CNĐKKD	: Giấy đăng ký kinh doanh số 0100233488 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 1996, cấp thay đổi lần 30 ngày 10 tháng 11 năm 2016
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Hàn Ngọc Vũ – Tổng Giám đốc
Tài khoản giao dịch	: 0101.100.0001171 – Hội sở Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Vốn điều lệ đăng ký	: 5.644.425.000.000 (năm nghìn sáu trăm bốn mươi bốn tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu) đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 5.644.425.000.000 (năm nghìn sáu trăm bốn mươi bốn tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu) đồng
Năm trở thành công ty đại chúng	: 2007 (được UBCKNN chấp thuận)
Ngành nghề kinh doanh chính	: <ul style="list-style-type: none"><li>• Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam;</li><li>• Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước;</li><li>• Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước và của các tổ chức tín dụng khác;</li></ul>



- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; Cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh ngân hàng;
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Thực hiện hoạt động bao thanh toán;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Thực hiện sản phẩm đầu tư gắn với rủi ro tín dụng dựa trên trái phiếu ngoại tệ của Chính phủ Việt Nam phát hành trên thị trường quốc tế;
- Hùn vốn, liên doanh và mua cổ phần theo quy định của pháp luật;
- Làm dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế;
- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và cung ứng các dịch vụ ngoại hối theo thông lệ quốc tế và phù hợp với quy định của pháp luật; Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật.

(Nguồn: VIB, theo các quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

### **1.2 Giới thiệu về Chứng khoán Đăng ký giao dịch**

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: VIB
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 564.442.500 (năm trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) cổ phiếu
- Tổng số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: 59.594.835 (năm chín triệu năm trăm chín tư nghìn tám trăm ba lăm) cổ phiếu. Lý do bị hạn chế chuyển nhượng là do theo quy định tại khoản 7 điều 17 Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, các cá nhân hiện đang là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của VIB không được chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ
- Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong ngân hàng là 30% vốn điều lệ theo Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của Tổ chức tín dụng Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tại ngày 08/11/2016 là 114.102.475 cổ phần, tương ứng với 20,215%.

### **1.3 Lịch sử hình thành và phát triển**

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, tên viết tắt là Ngân hàng Quốc (VIB) được thành lập ngày 18 tháng 09 năm 1996; hiện tại, trụ sở VIB đặt tại 16 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đến hết quý III/2016, sau gần 20 năm hoạt động, VIB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với vốn chủ sở hữu đạt hơn 8.500 tỷ đồng, vốn điều lệ 5.644 tỷ đồng. VIB hiện có gần 4.000 cán bộ nhân viên phục vụ khách hàng tại 151 chi nhánh và phòng giao dịch tại trên 27 tỉnh/thành trọng điểm trong cả nước.

Năm 1996	18/9/1996, Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam được thành lập với số vốn ban đầu 50 tỷ đồng và 23 nhân viên. Trụ sở đầu tiên đặt tại số 5 Lê Thánh Tông, Hà Nội;
Năm 2006	Sau 10 năm thành lập và phát triển, vốn điều lệ của VIB đã tăng lên là 1.000 tỷ đồng. Cũng trong năm 2006, VIB nhận được bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam trao tặng;
Năm 2007	Vốn điều lệ tăng là 2.000 tỷ đồng với 82 chi nhánh & phòng giao dịch trên toàn quốc. Xếp hạng 3 trên 500 doanh nghiệp tư nhân hàng đầu tại Việt Nam do báo Vietnamnet và Tổ chức Đánh giá Việt Nam đánh giá;
Năm 2009	VIB ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Ngân hàng CBA (Úc). Vốn điều lệ tăng là 3.000 tỷ đồng và triển khai Chiến lược phát triển kinh doanh trong việc tái nhận diện thương hiệu 2009 -2013;
Năm 2010	Ngân hàng CBA chính thức trở thành cổ đông chiến lược của VIB với tỷ lệ sở hữu 15% vốn điều lệ là 4.000 tỷ đồng, với 130 chi nhánh và phòng giao dịch tại 27 tỉnh thành trên toàn quốc;
Năm 2011	Vốn điều lệ của VIB tăng là 4.250 tỷ đồng. VIB nhận cờ thi đua do Thủ tướng và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trao tặng. Ngân hàng CBA nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần lên 20% vốn điều lệ của VIB;
Năm 2012	VIB nhận giải thưởng Ngân hàng phát hành tốt nhất khu vực Đông Á và Thái Bình Dương trong chương trình Tài trợ thương mại toàn cầu (GTFP) do IFC - thành viên của nhóm Ngân hàng quốc tế trao tặng;
Năm 2013	VIB nhận giải thưởng Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm An sinh xã hội và trách nhiệm cộng đồng do Bộ Kế hoạch & Đầu tư , tạp chí Kinh tế & Dự báo trao tặng. Giải thưởng Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ thanh toán quốc tế xuất sắc do HSBC toàn cầu trao tặng. VIB chuyển trụ sở sang tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. VIB nhận giải thưởng Ngân hàng phát hành tốt nhất khu vực Đông Á và Thái Bình Dương 2013 trong chương trình Tài trợ thương mại toàn cầu (GTFP) do IFC - thành viên của nhóm Ngân hàng Quốc Tế trao tặng. VIB nhận giải thưởng Thương hiệu mạnh 2013 do Thời Báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến trao tặng;
Năm 2014	Xếp hạng 135/1000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam năm 2014 do báo Vietnamnet và Tổ chức Đánh giá Việt Nam đánh giá. VIB nhận giải thưởng Thương hiệu mạnh 2014 do Thời Báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến trao tặng. Giải thưởng "Lãnh đạo công nghệ thông tin tiêu biểu khu vực Đông Nam Á" do Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG, các tổ chức công nghệ thông tin, các Bộ, Ngành trong nước và khu vực Đông Nam Á trao tặng. Giải thưởng "Ngân hàng phát hành tốt nhất khu vực Châu Á - TBD" do Tổ chức tài chính thế giới IFC trao tặng. VIB là ngân hàng TMCP có chỉ số sức mạnh tài chính cao nhất Việt Nam theo báo cáo phát hành bởi Hãng xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's

Investors Service ngày 22/09/2014;

Năm 2015

The Banker trao giải Bank of the Year 2015 tại Việt Nam cho VIB. Ngân hàng bán lẻ phát triển nhanh nhất và Thương vụ tốt nhất do Tổ chức Global Banking & Finance Review trao tặng. Ứng dụng ngân hàng di động MyVIB- đạt giải thưởng sản phẩm ngân hàng sáng tạo tiêu biểu Việt Nam 2015 do Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG tổ chức. VIB giữ vững vị trí dẫn đầu trong bảng xếp hạng tín nhiệm mới nhất của Moody's đối với các ngân hàng Việt Nam.



#### **1.4 Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Ngân hàng**

*Đơn vị: triệu đồng*

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 1	Năm 1999	25.190	70.730	Phát hành cho CĐHH	Quyết định số 36/1999/QĐ-NHNN5 ngày 16/01/1999
Lần 2	Năm 2001	5.080	75.810	Phát hành cho 30 cổ đông	- Quyết định số 13/QĐ-NHNN ngày 10/01/2001 - Nghị quyết/Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 ngày 11/02/2000
Lần 3	Năm 2003	99.190	175.000	Phát hành cho 28 cổ đông	- Quyết định số 614/NHNN-HAN7 ngày 12/11/2003 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi mức vốn điều lệ năm 2003 - Biên bản ĐHĐCĐ ngày 01/11/2003 - Công văn số 2757/2003/VIB ngày 16/12/2003 về Báo cáo việc thực hiện thay đổi vốn điều lệ lên 175 tỷ đồng.
Lần 4	Năm 2004	75.000	250.000	Phát hành 53 cổ đông	- Quyết định số 419/NHNN-HAN7 ngày 14/07/2004 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi mức VĐL năm 2004 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/03/2004 - Công văn số 2928/2004/VIB ngày 22/11/2004 v/v Báo cáo thực hiện thay đổi VĐL lên 250 tỷ đồng năm 2004
Lần 5	Năm 2005	260.000	400.000	Phát hành cho CĐHH và CBCNV	- Quyết định số 196/NHNN-HAN7 ngày 23/03/2005 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi mức VĐL năm 2005 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/03/2005- - Nghị quyết HĐQT số 772/2005/VIB ngày 28/03/2005 v/v tăng vốn điều lệ Đợt 1 từ 250 tỷ đồng lên 325 tỷ đồng.
5-1	• Đợt 1/2005	75.000	325.000		

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
-----	------------------------------------	---------------	-------------------	---------------------	---------------

- Công văn số 1173/2005/VIB v/v Báo cáo thực hiện thay đổi VĐL đợt 1 năm 2005

5.2	• Đợt 2/2005	75.000	400.000	Phát hành cho CĐHH	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 196/NHNN-HAN7 ngày 23/03/2005 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi mức VĐL năm 2005</li> <li>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/03/2005</li> <li>Nghị quyết HĐQT số 2078A/2005/VIB ngày 20/06/2005 v/v tăng vốn điều lệ Đợt 2 từ 325 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng.</li> <li>Công văn số 2540/2005/VIB ngày 04/08/2005 v/v Báo cáo thay đổi VĐL đợt 2 năm 2005</li> </ul>
-----	--------------	--------	---------	--------------------	--

5.2	• Đợt 3/2005	110.000	510.000	Phát hành cho CĐHH và CBCNV	<ul style="list-style-type: none"> <li>Biên bản số 3345A/2005/VIB ngày 20/10/2005 về việc tăng VĐL đợt 3/2005</li> <li>Công văn số 758/NHNN-HAN7 ngày 08/11/2005 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi mức VĐL trong năm 2005</li> </ul>
-----	--------------	---------	---------	-----------------------------	--

Lần	Năm	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
-----	-----	---------------	-------------------	---------------------	---------------

6.1	• Đợt 1/2006	85.000	595.000	Phát hành cho CĐHH	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 247/NHNN-HAN7 ngày 10/04/2006 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi VĐL năm 2006</li> <li>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 10/2006/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/03/2006</li> <li>Công văn số 1184/2006/VIB ngày 09/05/2006 v/v Báo cáo thực hiện thay đổi VĐL Đợt 1 năm 2006</li> </ul>
-----	--------------	--------	---------	--------------------	---

6.2	• Đợt 2/2006	116.025,43	711.025,43	Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 247/NHNN-HAN7 ngày 10/04/2006 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi VĐL năm 2006</li> </ul>
-----	--------------	------------	------------	---	--

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
6-3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đợt 3/2006</li> </ul>	288.974,57	1.000.000	Phát hành cho CĐHH VĐL và thặng dư VĐL cho Cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 10/2006/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/03/2006</li> <li>Biên bản HĐQT số 1168A ngày 08/05/2006 và Nghị quyết số 1201A/2006/VIB ngày 11/05/2006 v/v tăng VĐL đợt 2/2016</li> <li>Công văn số 02/2006/VIB-TV ngày 22/05/2006 v/v Báo cáo thực hiện thay đổi VĐL Đợt 2 năm 2006</li> <li>Quyết định số 247/NHNN-HAN7 ngày 10/04/2006 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi VĐL năm 2006</li> <li>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 10/2006/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/03/2006</li> <li>Nghị quyết HĐQT số 2900/2006/NQ-HĐQT ngày 26/09/2006 v/v tăng VĐL đợt 3/2006</li> <li>Công văn số 3781A/2006/VIB ngày 25/11/2006 v/v Báo cáo thực hiện thay đổi VĐL Đợt 3 năm 2006</li> </ul>
Lần 7	Năm 2007	1.000.000	2.000.000		
7-1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tháng 8/2007</li> </ul>	500.000	1.500.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trả cổ tức bằng cổ phiếu</li> <li>Phát hành cho HĐQT, BKS và CBCNV</li> <li>Phát hành cho Cổ đông hiện hữu</li> <li>Phân phối cho NĐT khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 344/NHNN-HAN7 ngày 13/04/2007 v/v chấp thuận thay đổi mức VĐL năm 2007</li> <li>Nghị quyết số 662A/2007/NQ-HĐQT ngày 05/03/2007 V/v tăng VĐL năm 2007</li> <li>Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11/2007/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2007 và Phương án phát hành cổ phiếu chi tiết kèm theo</li> <li>Nghị quyết HĐQT số 1280/2007/QĐ-VIB ngày 21/04/2007 v/v thông qua Phương án phát hành chi tiết</li> <li>Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số</li> </ul>

Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
------------------------------------	---------------	-------------------	---------------------	---------------

7.2	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tháng 12/2007</li> </ul>	500.000	2.000.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành cho HĐQT, BKS và CBCNV</li> <li>- Phát hành cho Cổ đông hiện hữu</li> <li>- Phân phối cho NĐT khác</li> </ul>	<p>113/UBCK-ĐKCB ngày 25/06/2007</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy ĐKKD số 055772 thay đổi lần 16 ngày 15/08/2007</li> <li>- Công văn số 3204/2007/VIB ngày 20/08/2007 v/v Báo cáo thực hiện thay đổi VĐL lên 1500 tỷ đồng năm 2007</li> <li>- Báo cáo KO chào bán cổ phiếu ra công chúng gửi UBCKNN</li> </ul>
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 961/NHNN-HAN7 ngày 24/10/2007 v/v chấp thuận tăng VĐL lên 2.000 tỷ đồng</li> <li>- Công văn chấp thuận tăng vốn điều lệ của UBCKNN</li> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2007 thông qua tăng vốn điều lệ</li> <li>- Biên bản tổng hợp ý kiến cổ đông ngày 15/10/2007 về việc tăng VĐL từ 1.500 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 4142/2007/QĐ-VIB ngày 16/10/2007 v/v tăng VĐL từ 1.500 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng</li> <li>- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 28/12/2007</li> <li>- Giấy ĐKKD số 055772 thay đổi lần 17 ngày 25/12/2007</li> <li>- Công văn số 5152/2007/VIB ngày 31/12/2007 v/v Báo cáo thay đổi VĐL lên 2.000 tỷ đồng năm 2007</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 4355/2007/NQ-HĐQT ngày 17/10/2007 v/v phân phối cổ phiếu cho CBCNV</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 4788/2007/VIB ngày 22/11/2007 v/v thông qua thời gian tăng VĐL năm 2007</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 5081/2007/VIB ngày 21/12/2007 v/v bán cổ phần còn lại trong đợt tăng vốn năm 2007</li> </ul>	

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
<b>Lần 8</b>	<b>Năm 2009</b>	1.000.000	3.000.000		
<b>8.1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Năm 2009</b></li> </ul>	200.000	2.200.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thường từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ dự trữ bổ sung VĐL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn chấp thuận tăng vốn điều lệ của UBCKNN</li> <li>- Quyết định số 1235/NHNN-HAN7 ngày 08/07/2009 v/v chấp thuận tăng VĐL năm 2009</li> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/07/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/07/2007 v/v tăng VĐL đợt 1 năm 2009 từ 2.000 tỷ đồng lên 2.200 tỷ đồng.</li> <li>- Biên bản tổng hợp ý kiến TV HĐQT về v/v Chia cổ tức, phát hành cổ phiếu thường năm 2009 và Phương án xử lý cổ phiếu lẻ.</li> <li>- Công văn số 0149/2009/VIB-TK ngày 27/07/2009 v/v Báo cáo thực hiện tăng VĐL lên 2.200 tỷ đồng năm 2009</li> </ul>
<b>8.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Tháng 2/2010</b></li> </ul>	200.000	2.400.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành cho Cổ đông hiện hữu</li> <li>- Phân phối cho NĐT khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định chấp thuận tăng vốn điều lệ của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận chào bán số 473/UBCK-GCN ngày 18/12/2009</li> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1112/2009/VIB-NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/12/2009</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 0273/2009/VIB-TK ngày 11/12/2009 về việc tăng VĐL đợt 3 năm 2009</li> <li>- Nghị quyết HĐQT về việc xử lý cổ phiếu lẻ số 263 ngày 03/02/2010</li> <li>- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 06/02/2010</li> <li>- Công văn số 363 ngày 12/2/2010 v/v Báo cáo thực hiện tăng VĐL đợt 3 năm 2009 gửi NHNN</li> </ul>



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
<b>8.3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tháng 2/2010</li> </ul>	600.000	3.000.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát hành cho Cổ đông hiện hữu</li> <li>Phân phối cho NĐT khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giấy chứng nhận chào bán số 473/UBCK-GCN ngày 18/12/2009</li> <li>Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1112/2009/VIB-NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/12/2009</li> <li>Nghị quyết HĐQT số 0273/2009/VIB-TK ngày 11/12/2009 về việc tăng VĐL đợt 3 năm 2009</li> <li>Nghị quyết HĐQT về việc xử lý cổ phiếu lẻ số 263 ngày 03/02/2010</li> <li>Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 06/02/2010</li> <li>Công văn số 363 ngày 12/2/2010 v/v Báo cáo thực hiện tăng VĐL đợt 3 năm 2009 gửi NHNN</li> </ul>
<b>Lần 9</b>	<b>Năm 2010</b>	1.000.000	4.000.000		
<b>9.1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tháng 07/2010</li> </ul>	400.000	3.400.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát hành cho Cổ đông hiện hữu</li> <li>Phân phối cho NĐT khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 4582/NHNN-TTGSNH ngày 17/6/2010 v/v tăng vốn điều lệ năm 2010 của VIB</li> <li>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 0109/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010</li> <li>Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0110/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010 và Phương án phát hành chi tiết kèm theo</li> <li>Nghị quyết HĐQT số 0172B/2010/NQ-VIB-HĐQT ngày 22/04/2010 v/v Thông qua Phương án tăng vốn chi tiết</li> <li>Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 599/UBCK-GCN ngày 25/06/2010</li> <li>Nghị quyết HĐQT số 0270/2010/NQ-VIB-HĐQT ngày 29/06/2010 v/v thực hiện tăng vốn Đợt 1 năm 2010 (lên 3.400 tỷ</li> </ul>

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
9.2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tháng 9/2010</li> </ul>	600.000	4.000.000	Phát hành cho Đối tác chiến lược	đồng) - Nghị quyết HĐQT số 0254/2010/NQ-VIB-HĐQT ngày 22/06/2010 v/v Thông qua Phương án xử lý cổ phiếu lẻ - Nghị quyết HĐQT số 1355/2010/NQ-VIB-HĐQT v/v phân phối cổ phiếu lẻ và từ chối mua - Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán ra công chúng - Công văn số 2423/2010/BC-VIB ngày 30/07/2010 v/v Báo cáo thực hiện tăng VĐL đợt 1 năm 2010 gửi NHNN  - Công văn chấp thuận tăng vốn điều lệ của UBCKNN - Quyết định số 4582/NHNN-TTGSNH ngày 17/6/2010 v/v tăng vốn điều lệ năm 2010 của VIB - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 0109/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0110/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010 và Phương án phát hành chi tiết kèm theo - Nghị quyết HĐQT số 0172B/2010/NQ-VIB-HĐQT ngày 22/04/2010 v/v Thông qua Phương án tăng vốn chi tiết - Nghị quyết HĐQT số 0171/2010/NQ-VIB-HĐQT v/v Phê duyệt giá bán cho DTCL - Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ ngày 26/04/2010 - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ ngày 03/09/2010
Lần 10	Tháng 10/2011	250.000	4.250.000	Phát hành cho Đối tác chiến lược	- Công văn chấp thuận tăng vốn điều lệ của UBCKNN - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 0109/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 11	Tháng 12/2015	595.000	4.845.000	<p><i>Trả cổ tức/tặng vốn cổ phần từ NVCSH cho Cổ đông hiện hữu</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 0172B/2010/NQ-VIB-HĐQT ngày 22/04/2010 v/v Thông qua Phương án phát hành</li> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 3439/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 11/10/2010 v/v gia hạn Phương án phát hành lên 4.250 tỷ đồng</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 0512/2010/NQ-VIB-HĐQT ngày 28/12/2010 v/v Thông qua danh sách CDCL và giá phát hành</li> <li>- Quyết định số 5328/NHNN-TTGSNH ngày 08/07/2011 v/v bán cổ phần cho NĐT Chiến lược của VIB</li> <li>- Giấy đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ</li> <li>- Báo cáo kết quả chào bán cổ phần riêng lẻ nộp UBCKNN</li>   <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 548/2015/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 27/03/2015</li> <li>- Quyết định số 5922/NHNN-TTGSNH ngày 06/08/2016 v/v chấp thuận VIB tăng VĐL lên 4.845 tỷ đồng</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 050/2015/NQ-HĐQT ngày 16/10/2015 v/v Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh</li> <li>- Công văn số 6670/UBCK-QLPH ngày 22/10/2010 v/v nhận đủ tài liệu Báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ NVCSH</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 1917/2015/NQ-CTHĐQT ngày 04/12/2015 v/v thời điểm chốt danh sách</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn từ NVCSH ngày 15/12/2015</li> <li>- Giấy ĐKKD số 0100233488 thay đổi lần 29 ngày 24/12/2015</li> <li>- Công văn số 2081/2015/HĐQT ngày 21/12/2015 v/v Báo cáo thực hiện thay đổi VĐL gửi NHNN</li> </ul>

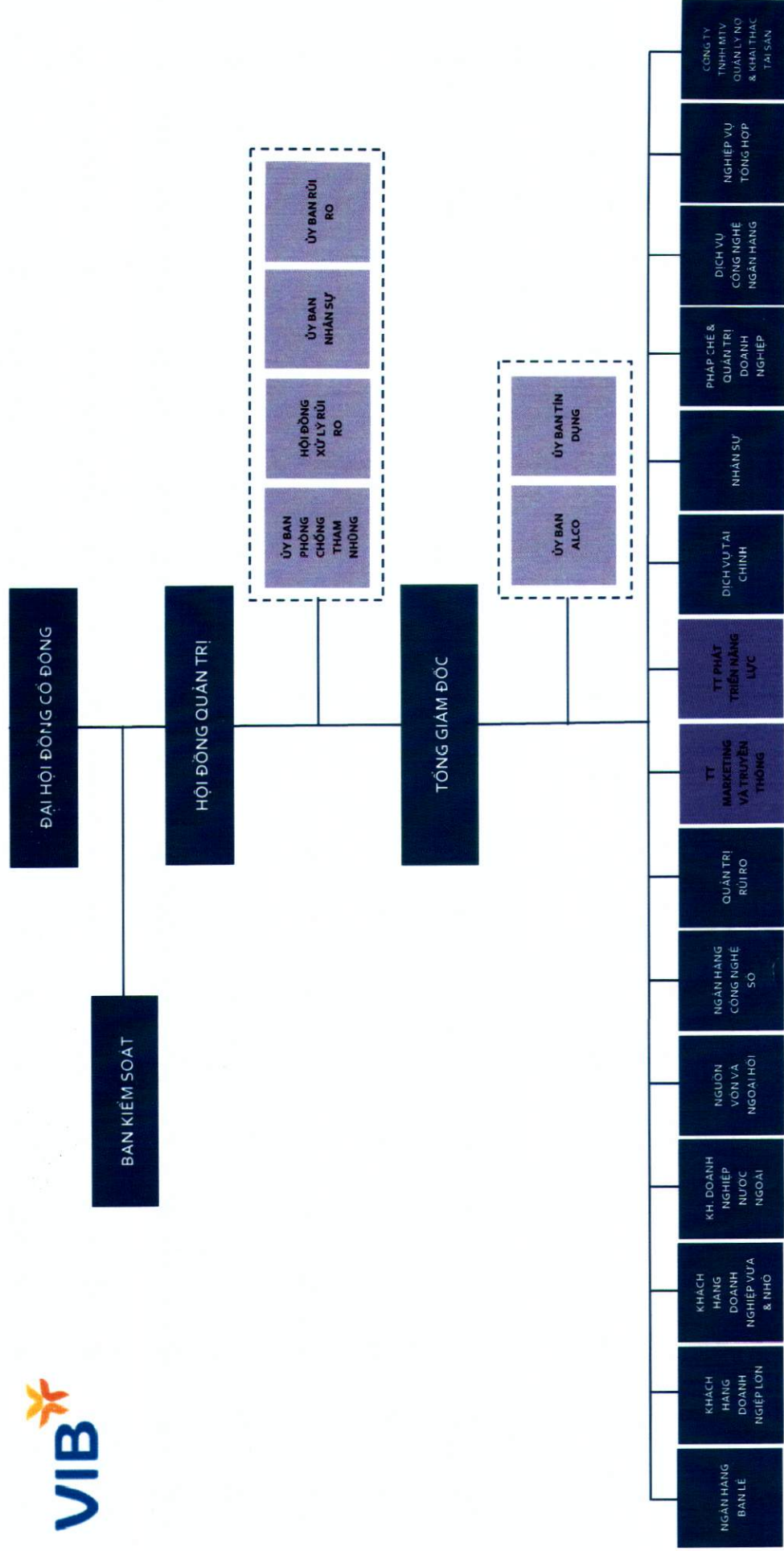
Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 12	Tháng 10/ 2016	799.942,5	5.644.425	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 054.16.3 ngày 22/09/2016 V/v thực hiện Phương án tăng Vốn điều lệ năm 2016</li> <li>- Công văn số 7541/NHNN-TTGSNH ngày 05/10/2016 v/v chấp thuận tăng vốn điều lệ của VIB</li> <li>- Công văn số 6813/UBCK-QLCB ngày 11/10/2016 v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu</li> <li>- Báo cáo về kết quả thực hiện tăng vốn điều lệ số 4.1212.16 ngày 01/11/2016</li> <li>- Công văn số 7243/UBCK-QLCB ngày 31/10/2016 v/v xác nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu</li> </ul>

Tại thời điểm 30/09/2016, VIB đã huy động vốn thực góp của cổ đông là: 5.644.425.000.000 (năm nghìn sáu trăm bốn mươi bốn tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

(Nguồn: VIB)

**2. Cơ cấu bộ máy quản lý Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam**

Hình 1. Cơ cấu bộ máy quản lý Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam



(Nguồn: VIB)

- **Đại hội đồng Cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Ngân hàng theo Pháp luật và Điều lệ. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông (hoặc đại diện của cổ đông) có quyền biểu quyết của Ngân hàng. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành hoạt động của Ngân hàng.

ĐHĐCĐ thường niên và bất thường quyết định các vấn đề quan trọng nhất của Ngân hàng như:

- Thông qua định hướng phát triển của VIB;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số thành viên HĐQT và BKS cho mỗi nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho VIB và các Cổ đông;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành của VIB;
- Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán Cổ phần, chia Cổ phiếu thưởng. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác của VIB;
- Thông qua các hợp đồng có giá trị trên hai mươi phần trăm (20%) Vốn điều lệ của VIB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa một bên là VIB với bên kia là thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Cổ đông Lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, Cổ đông Lớn của VIB; công ty con, công ty liên kết của VIB. Trong trường hợp này, các Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết;
- Quyết định đầu tư, mua bán tài sản, góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên so với Vốn điều lệ của VIB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định thành lập công ty con, quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản VIB.

- **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thẩm quyền trong các lĩnh vực sau:

- Hoạch định khung và phê duyệt các chiến lược tổng thể, chiến lược kinh doanh, chiến lược hoạt động và các chính sách chính của Ngân hàng, bao gồm: Chiến lược dài/trung/ngắn hạn, chiến lược kinh doanh và chính sách trọng yếu;
- Các hoạt động và hiệu quả kinh doanh;
- Quản trị Doanh nghiệp, Các vấn đề về nhân sự chủ chốt và văn hóa doanh nghiệp; Tình hình tài chính và tuân thủ;
- Báo cáo về khẩu vị rủi ro và các vấn đề trọng yếu về rủi ro;

- Hỗ trợ các mối quan hệ trọng yếu của Ngân hàng, bao gồm mối quan hệ với các cơ quan Nhà nước, các tổ chức tài chính Việt Nam và quốc tế, các khách hàng quan trọng, Cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam/thế giới và Cộng đồng xã hội;
- Hình ảnh và thương hiệu của Ngân hàng.

Các thành viên Hội đồng Quản trị hiện nay của VIB bao gồm:

Ông Đặng Khắc Vỹ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Vũ Sơn	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Xuân Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Hàn Ngọc Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Michael John Venter	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Coenraad Johannes Jonker	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Ian Park	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
Ông Trần Tuấn Phong	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

• **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát mọi hoạt động và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc và có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Giám sát kết quả hoạt động tài chính và tính tuân thủ;
- Cải thiện môi trường và hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng;
- Củng cố và phát huy tăng bảo vệ thứ ba: Tăng cường năng lực hoạt động đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và Bảo đảm vai trò độc lập của Ban Kiểm soát, Kiểm toán Nội bộ và Điều tra nội bộ & Phòng chống gian lận;
- Duy trì mối quan hệ với các bên liên quan trong các vấn đề, rủi ro vi phạm, giám sát và khắc phục chỉnh sửa sau kiểm toán; các hoạt động kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, vi phạm và tham nhũng;
- Xây dựng hoạt động kiểm toán nội bộ theo thông lệ quốc tế;
- Hoạt động ngăn chặn tham nhũng và phòng chống tham nhũng tại Ngân hàng.

Các thành viên Ban Kiểm soát hiện nay của VIB bao gồm:

Ông Trịnh Thanh Bình	Trưởng Ban Kiểm soát (chuyên trách)
Bà Nguyễn Lương Thị Bích Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách
Ông Anthony Michael Greenhill	Thành viên Ban Kiểm soát

• **Ủy ban Phòng chống Tham nhũng**

Ủy ban Phòng chống Tham nhũng là một bộ phận nghiệp vụ do Hội đồng Quản trị trực tiếp quản lý, có chức năng đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng tại Ngân hàng đảm bảo

tuân thủ các Quy định của Pháp luật và Ngân hàng. Các quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban Phòng chống Tham nhũng bao gồm: (i) Tổ chức triển khai, chỉ đạo các công tác liên quan đến phòng/chống tham nhũng; (ii) Tiếp nhận thông tin, tổng hợp tình hình tham nhũng; Thực hiện xử lý nội bộ và chuyển hồ sơ/thông báo đến cơ quan có thẩm quyền (nếu cần) để xem xét, xử lý các trường hợp có dấu hiệu vi phạm quy định của Pháp luật về phòng, chống tham nhũng; (iii) Báo cáo tình hình thực hiện của Ủy ban với Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan Nhà nước theo quy định; và (iv) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật.

- **Hội đồng Xử lý Rủi ro**

Hội đồng Xử lý Rủi ro là một bộ phận nghiệp vụ trực thuộc Hội đồng Quản trị, có trách nhiệm hỗ trợ, tham mưu, báo cáo cho Hội đồng Quản trị và trực tiếp quản lý và quyết định trong các vấn đề liên quan đến xử lý rủi ro trong phạm vi thẩm quyền, bao gồm: (i) Phân loại nợ; (ii) Trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro hệ thống; (iii) Chính sách xử lý rủi ro và (iv) quản lý tổng thể công tác xử lý rủi ro (biện pháp xử lý, phân cấp/ủy quyền cá nhân, đơn vị thực hiện và kết quả thu hồi khoản nợ đã sử dụng dự phòng, khoản rủi ro có giá trị dưới 10% vốn chủ sở hữu và các khoản rủi ro đặc biệt khác).

- **Ủy ban Nhân sự**

Ủy ban Nhân sự là một bộ phận nghiệp vụ do Hội đồng Quản trị trực tiếp quản lý, có trách nhiệm hỗ trợ, tham mưu và báo cáo trực tiếp cho Hội đồng Quản trị trong các vấn đề về nhân sự liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành, các nhân sự cấp cao và các chính sách, chế độ nhân sự tổng thể, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức, các quy định của pháp luật và Điều lệ VIB, đóng góp vào việc xây dựng một bầu không khí tin cậy lẫn nhau trong Ngân hàng. Các lĩnh vực nằm trong quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban Nhân sự bao gồm: (i) Chế độ lương, thưởng, thù lao; (ii) Tuyển dụng, bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm; (iii) Đào tạo; (iv) Mục tiêu, kế hoạch và đánh giá hiệu quả làm việc; và (iv) Hiệu quả quản lý nhân sự tổng thể của Ngân hàng.

- **Ủy ban Rủi ro**

Ủy ban Rủi ro là một bộ phận nghiệp vụ do Hội đồng Quản trị trực tiếp quản lý, có trách nhiệm hỗ trợ, tham mưu và báo cáo trực tiếp cho Hội đồng Quản trị trong các vấn đề liên quan đến kiểm soát, phòng ngừa và quản lý rủi ro. Các quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban Rủi ro bao gồm:

- Rà soát và tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong các quyết định liên quan đến rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và thanh khoản, rủi ro hoạt động, pháp chế tuân thủ;
- Rà soát các đề xuất về chiến lược quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro, khung quản trị rủi ro và hạn mức rủi ro và các tài liệu báo cáo khác gửi lên Hội đồng Quản trị; Tư vấn và báo cáo Hội đồng Quản trị danh sách các đề xuất từ chối định kỳ hàng quý;
- Rà soát và tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các khoản giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro;
- Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong các quyết định bổ nhiệm Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro.

- **Tổng Giám đốc.**



Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có các quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Chỉ đạo thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện các nghị quyết và các chiến lược, kế hoạch kinh doanh đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Xây dựng, chỉ đạo quá trình xây dựng chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch kinh doanh dài/trung/ngắn hạn và ngân sách của Ngân hàng trình Hội đồng Quản trị phê duyệt; Quản lý việc thực hiện;
  - Nhận định các mục tiêu chủ chốt và các ưu tiên, các chỉ tiêu đo lường hiệu quả tài chính và các chỉ tiêu khác cũng như yêu cầu về nhân sự và các nguồn lực khác của Ngân hàng;
  - Xây dựng đội ngũ quản lý cao cấp và văn hóa Ngân hàng;
  - Liên tục cập nhật những phát triển của thị trường và tìm kiếm cơ hội kinh doanh/sáp nhập;
  - Đóng vai trò lãnh đạo Ban Điều hành và là Chủ tịch Ủy ban ALCO;
  - Phê duyệt các hoạt động, dự án, các vấn đề về ngân sách/chi phí và nhân sự trong phạm vi thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tối ưu hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro; Tham vấn Hội đồng Quản trị trong các vấn đề liên quan trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
  - Đề xuất, chỉ đạo các sáng kiến cải thiện kết quả kinh doanh, hoạt động và quản lý của Ngân hàng;
  - Đại diện Ngân hàng trước các mối quan hệ trọng yếu của Ngân hàng, bao gồm các mối quan hệ với các cơ quan Nhà nước, các tổ chức tài chính Việt Nam và quốc tế, các khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân quan trọng, Cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam/thế giới và Cộng đồng xã hội.
  - Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc gồm các Phó Tổng Giám đốc được giao nhiệm vụ phụ trách các Khối/Ban và các Khối/Ban chức năng đứng đầu là Giám đốc Khối/Ban.
- **Ủy ban ALCO (Ủy ban tài sản nợ – tài sản có)**

ALCO là cơ quan trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng:

    - Quản lý và tối đa hóa thu nhập của bảng tổng kết tài sản, tăng giá trị doanh nghiệp cho các cổ đông của Ngân hàng;
    - Quản lý rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường gắn với các hoạt động của Ngân hàng; Báo cáo Ủy ban Rủi ro các vấn đề quan trọng về rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, an toàn vốn trong hoạt động của Ngân hàng;
    - Định kỳ rà soát và đề xuất với Ủy ban Rủi ro trong các vấn đề về khẩu vị rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, an toàn vốn; cấu trúc phân quyền phê duyệt, rà soát các giới hạn rủi ro thị trường;
    - Khuyến nghị về các rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường đối với các sản phẩm mới, sản phẩm sửa đổi để Hội đồng Sản phẩm phê duyệt;
    - Đảm bảo tuân thủ chính sách Pháp luật về tỷ lệ an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
  - **Ủy ban Tín dụng**

Ủy ban Tín dụng là cơ quan trực thuộc Ban Điều hành, bao gồm các Tiểu Ủy ban Tín dụng (Tiểu Ủy ban Tín dụng Chính sách, Tiểu Ủy ban Tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp, Tiểu Ủy ban Tín dụng Khách hàng Cá nhân). Ủy ban Tín dụng có các trách nhiệm sau:

- Giúp Hội đồng Quản trị xác định khẩu vị rủi ro, chính sách tín dụng, khung giới hạn và hệ thống xếp hạng tín dụng của Ngân hàng; Tư vấn cho các đơn vị nội bộ trong các phê duyệt có liên quan;
  - Quản trị cơ cấu dư nợ, chất lượng tín dụng toàn Hệ thống;
  - Phê duyệt hệ thống quy định, quy trình, hướng dẫn về tín dụng và rủi ro tín dụng, các giới hạn tín dụng cụ thể để quản lý rủi ro tín dụng trên toàn hệ thống;
  - Phê duyệt các khoản cấp tín dụng, đầu tư trong thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban Tín dụng;
  - Đưa ra các khuyến nghị về định hướng tín dụng trong tương lai;
  - Quyết định thẩm quyền phê duyệt tín dụng của các cấp phê duyệt trên toàn hệ thống.
- **Các Khối/Ban chức năng**

#### ***Khối Ngân hàng Bán lẻ***

Khối Ngân hàng Bán lẻ (NHBL) là Khối kinh doanh thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc tạo ra và tối ưu hóa lợi nhuận cho Ngân hàng thông qua việc phát triển và phân phối các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng tới nhóm Khách hàng cá nhân (KHCC<sup>a</sup>) và Khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ (DNSN<sup>b</sup>) theo tiêu chuẩn dịch vụ hướng tới khách hàng thông qua hệ thống các kênh kinh doanh trực tiếp<sup>c</sup> và kênh hỗ trợ kinh doanh<sup>d</sup> (bao gồm mạng lưới chi nhánh, điểm ATMs và các điểm giao dịch khác của Ngân hàng).

#### ***Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn***

Khối Khách hàng Doanh nghiệp (KHDN) là Khối kinh doanh thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành và phát triển hoạt động kinh doanh đối với các khách hàng doanh nghiệp và định chế tài chính trong nước trên toàn hệ thống VIB, với chiến lược phát triển quan hệ, marketing, khai thác và kinh doanh đối với các phân khúc khách hàng quy mô lớn, đảm bảo cạnh tranh với các đối thủ trong ngành, tối ưu hóa lợi nhuận và quản trị rủi ro cho Ngân hàng.

<sup>a</sup> Khách hàng cá nhân (KHCC): là các cá nhân, cá thể có quốc tịch Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

<sup>b</sup> Khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ trong nước (DNSN): là doanh nghiệp đáp ứng đồng thời các điều kiện sau (Số liệu được xác định trên báo cáo tài chính năm liền kề trước đó. Việc xác định doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất, thương mại hay dịch vụ căn cứ vào tỷ trọng doanh thu lớn nhất trong tổng doanh thu của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất, thương mại hay dịch vụ.):

- i. Doanh thu nhỏ hơn 20 tỷ đồng/năm;
- ii. Tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính nhỏ hơn 20 tỷ đồng đối với doanh nghiệp sản xuất và nhỏ hơn 10 tỷ đồng đối với doanh nghiệp thương mại dịch vụ;
- iii. Số lao động có nộp bảo hiểm xã hội từ 10 người trở xuống;
- iv. KHDN siêu nhỏ theo Quy định này bao gồm các loại hình sau:
  - a. Doanh nghiệp tư nhân;
  - b. Công ty TNHH hai thành viên trở lên;
  - c. Công ty TNHH một thành viên;
  - d. Công ty cổ phần.

<sup>c</sup> Kênh kinh doanh trực tiếp: là kênh kinh doanh chính tại Khối NHBL và trực tiếp tạo ra lợi nhuận cho Khối (VD: Hệ thống mạng lưới chi nhánh, các điểm giao dịch, kênh Kinh doanh trực tiếp). Một số kênh kinh doanh trực tiếp cũng tham gia hỗ trợ các Khối/Ban khác thuộc VIB.

<sup>d</sup> Kênh hỗ trợ kinh doanh: có chức năng hỗ trợ các kênh kinh doanh trực tiếp đạt mục tiêu tài chính và phi tài chính

***Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ***

Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) là một Khối kinh doanh thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành và phát triển hoạt động kinh doanh đối với các khách hàng SME với chiến lược phát triển quan hệ, marketing, khai thác và kinh doanh đối với các phân khúc khách hàng quy mô vừa và nhỏ khác nhau, đảm bảo cạnh tranh với các đối thủ trong ngành, tối ưu hóa lợi nhuận và quản trị rủi ro cho Ngân hàng.

***Khối Khách hàng Doanh nghiệp nước ngoài***

Khối Khách hàng Doanh nghiệp Nước ngoài (KHDNNN) là một Khối kinh doanh thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành và phát triển hoạt động kinh doanh đối với các khách hàng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên toàn hệ thống VIB, với chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ cho từng phân khúc khách hàng theo quy mô và thời điểm thích hợp nhằm trực tiếp tạo ra và tối ưu hóa kết quả kinh doanh và lợi nhuận, mở rộng danh mục khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh, nhận diện thương hiệu của Ngân hàng trước các đối thủ cạnh tranh trong thị trường.

***Khối Nguồn vốn và Ngoại hối***

Khối Nguồn vốn và Ngoại hối (NVNH) là Khối kinh doanh thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý nguồn vốn, ngoại hối, phát triển kinh doanh vốn, ngoại hối và các loại giấy tờ có giá trên toàn hệ thống của Ngân hàng. Các hoạt động chính của Khối Nguồn vốn và Ngoại hối bao gồm: Dự báo biến động lãi suất, tỷ giá, kinh tế vĩ mô và đưa ra các đề xuất, kiến nghị liên quan đến hoạt động của ngân hàng cho Hội đồng Quản trị, ALCO, Ban Điều hành và các bộ phận liên quan; Quản lý và kinh doanh Ngoại hối, Tài sản Nợ - Có, Tiền tệ, các sản phẩm Vốn (trái phiếu, cổ phiếu, sản phẩm cấu trúc và phái sinh) và Kinh doanh/hỗ trợ phát triển kinh doanh với khách hàng là tổ chức kinh tế, các định chế tài chính phi ngân hàng.

***Khối Ngân hàng Công nghệ số***

Khối Ngân hàng Công nghệ số (NHCNS) là Khối kinh doanh thuộc hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc triển khai hoạt động kinh doanh ngân hàng công nghệ số của Ngân hàng, thu hút và phục vụ những khách hàng mới đến với Ngân hàng thông qua các kênh công nghệ số, hướng những khách hàng sẵn có của Khối Ngân hàng Bán lẻ sang sử dụng dịch vụ qua các kênh công nghệ số, và số hóa các quy trình kinh doanh của Ngân hàng.

***Khối Quản trị Rủi ro***

Khối Quản trị Rủi ro (QTRR) là bộ phận nghiệp vụ của Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc thiết lập, quản lý, điều hành, giám sát các hoạt động quản trị rủi ro ngân hàng, bao gồm xây dựng chính sách tín dụng, thẩm định và phê duyệt cấp tín dụng, quản lý và thu hồi nợ, giám sát/ cảnh báo rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, quản lý rủi ro hoạt động, kiểm soát nội bộ và các rủi ro khác (không bao gồm rủi ro tuân thủ pháp luật) phù hợp với chiến lược, định hướng kinh doanh, khẩu vị rủi ro của VIB.

***Trung tâm Marketing và Truyền thông***

Trung tâm Marketing và Truyền thông (Marcom) là một bộ phận thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành lĩnh vực quản lý thương

hiệu và truyền thông cả bên trong và bên ngoài VIB. Trung tâm Marketing và Truyền thông có quyền hạn và nghĩa vụ trong những lĩnh vực sau: phát triển chiến lược thương hiệu và truyền thông toàn hàng, thông điệp truyền thông, đối tượng truyền thông; xây dựng kế hoạch truyền thông cho thương hiệu và các sản phẩm, dịch vụ trên các kênh truyền thông phù hợp; marketing các sản phẩm, dịch vụ cho các Khối Khách hàng doanh nghiệp, Khối Khách hàng doanh nghiệp nước ngoài, Khối Nguồn vốn và Ngoại hối.

***Trung tâm Phát triển Năng lực***

Trung tâm Phát triển Năng lực (Corporate Transformation Centre - CTC) là một bộ phận thuộc Hội sở chính, có chức năng báo cáo cho Tổng Giám đốc và trực tiếp hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong những công việc sau:

- Chuyển đổi hệ thống VIB thông qua việc thiết kế và triển khai chiến lược phát triển thích hợp cho Ngân hàng, ứng dụng mô hình hoạt động tốt nhất trong ngành Ngân hàng tài chính và cải thiện năng lực cũng như văn hóa ngân hàng;
- Theo đuổi mô hình tăng trưởng bền vững để đạt được mục tiêu tối thượng: Tăng trưởng khách hàng cá nhân, Tổng Dư nợ, Tổng tiền gửi, Tổng Lợi nhuận hoạt động, Lợi nhuận trước thuế đều đạt 20 – 30%/năm trong 5 năm tới, duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 3%.

***Ban Dịch vụ Tài chính***

Ban Dịch vụ Tài chính là một bộ phận nghiệp vụ của Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành và giám sát hoạt động hệ thống tài chính kế toán của VIB, phát triển và cung cấp các báo cáo hiệu quả làm việc, báo cáo quản trị hỗ trợ ra quyết định kinh doanh, và hỗ trợ chiến lược cho toàn ngân hàng và Khối kinh doanh trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

***Ban Nhân sự***

Ban Nhân sự là một bộ phận nghiệp vụ của Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc thiết lập, quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trên toàn hệ thống trong lĩnh vực quản lý và phát triển con người phù hợp với chiến lược, định hướng, mục tiêu phát triển kinh doanh của VIB.

***Ban Pháp chế và Quản trị Doanh nghiệp***

Ban Pháp chế và Quản trị Doanh nghiệp (PC&QTDN) là một bộ phận nghiệp vụ của Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý các hoạt động bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm soát tuân thủ, tư vấn quản trị điều hành doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp, tham gia tố tụng và quản lý quan hệ đối ngoại với các cơ quan nhà nước.

***Khối Dịch vụ Công nghệ Ngân hàng***

Khối Dịch vụ Công nghệ Ngân hàng (DV CNNH) là một bộ phận nghiệp vụ của Hội sở chính, có chức năng tham mưu và hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành các hoạt động liên quan tới phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) trong ngân hàng, bao gồm xây dựng chiến lược, kế hoạch, năng lực CNTT; triển khai các dự án, giải pháp CNTT; vận hành, hỗ trợ các hệ thống công nghệ; quản lý, phát triển nguồn lực CNTT.

***Khối Nghiệp vụ Tổng hợp***

Khối Nghiệp vụ Tổng hợp là một bộ phận nghiệp vụ của Hội sở chính, có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành và giám sát hoạt động xử lý giao dịch tập trung, hoạt động giao dịch tín dụng, hoạt động thẩm định và phê duyệt phát hành thẻ tín dụng, hoạt động hành chính và cung ứng, hoạt động sửa chữa và xây dựng cơ bản, hoạt động quản lý và cải tiến quy trình.

**Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản (VIB AMC)**

VIBAMC là Công ty TNHH 1 thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, có chức năng chính là: quản lý nợ và khai thác các TSBĐ của VIB, góp phần xử lý nợ và quản trị rủi ro cho VIB. VIBAMC hoạt động trên 03 lĩnh vực chính:

- Quản lý, khai thác cho thuê hoặc bán các tài sản là Tài sản bảo đảm (TSBĐ) của VIB góp phần xử lý nợ cho VIB;
- Quản lý TSBĐ là hàng hóa của VIB trong suốt quá trình Khách hàng thế chấp để vay vốn tại VIB;
- Thẩm định các tài sản sử dụng làm TSBĐ của VIB, góp phần quản trị rủi ro cho hoạt động tín dụng của VIB.

**3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của ngân hàng và những người có liên quan; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại, Danh sách cổ đông sáng lập**

**3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại ngày 08/11/2016**

**Bảng 1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tại ngày 08/11/2016**

STT	Tên cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Người đại diện/người có liên quan
1	Commonwealth Bank of Australia	ABN: 48 123 123 124	112.888.500	20%	Stephen Ellis
<b>Tổng cộng</b>			<b>112.888.500</b>	<b>20%</b>	

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 8/11/2016 của VIB)

**3.2 Cổ đông sáng lập**

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

**3.3 Cơ cấu cổ đông tại ngày 08/11/2016**

**Bảng 2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 08/11/2016**

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.312</b>	<b>450.340.025</b>	<b>4.503.400.250.000</b>	<b>79,785</b>
1	Tổ chức	10	23.887.054	238.870.540.000	4,232

2	Cá nhân	1.302	426.452.971	4.264.529.710.000	75,553
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>3</b>	<b>114.102.475</b>	<b>1.141.024.750.000</b>	<b>20,215</b>
1	Tổ chức	1	112.888.500	1.128.885.000.000	20,00
2	Cá nhân	2	1.213.975	12.139.750.000	0,215
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>1</b>	<b>1.911<sup>(*)</sup></b>	<b>19.110.000</b>	<b>0.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.315</b>	<b>564.442.500</b>	<b>5.644.425.000.000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 8/11/2016 của VIB)

(\*) Tại thời điểm BCTC gần nhất vào Quý III/2016, VIB có 1.196 cổ phiếu quỹ, tuy nhiên đến thời điểm 28/10/2016, số cổ phiếu quỹ tăng lên đến 1.911 cổ phiếu do mua lại cổ phiếu lẻ làm cổ phiếu quỹ từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu vào tháng 10/2016 theo Báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN số 4.1198.16 ngày 28/10/2016.

**4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng, những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng**

**4.1. Công ty mẹ/nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối với VIB**

Không có

**4.2. Công ty con do VIB nắm giữ cổ phần chi phối**

- Tên Công ty : Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
- Tên viết tắt : VIBAMC
- Trụ sở chính : Tầng 6 toàn nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Phường Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (84-4) 6285 7386
- Fax : (84-4) 6285 7388
- Giấy CNĐKKD : Số 0104009004 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 29/12/2009
- Vốn điều lệ : 66.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VIB : Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) đang nắm giữ 6.650.000 cổ phần của Công ty VIB AMC, giá trị vốn góp là 66.500.000.000 đồng, tương đương 100% VĐL
- Ngành nghề kinh doanh chính :
  - Quản lý, khai thác cho thuê hoặc bán các tài sản là Tài sản bảo đảm (TSBĐ) của VIB góp phần xử lý nợ cho VIB;
  - Quản lý TSBĐ là hàng hóa của VIB trong suốt quá trình Khách hàng thế chấp để vay vốn tại VIB;
  - Thẩm định các tài sản sử dụng làm TSBĐ của VIB, góp phần quản trị rủi ro cho hoạt động tín dụng của VIB.

(Nguồn: VIB)

**5. Hoạt động kinh doanh**

**5.1. Ngành nghề kinh doanh chính**

**5.1.1. Hoạt động huy động vốn**

VIB đã sử dụng nguồn vốn một cách linh hoạt để tạo sự ổn định trong việc thu hút nguồn vốn cá nhân và tổ chức kinh tế. Trong năm 2015, nguồn vốn huy động của VIB có sự tăng trưởng 8,06% so với năm 2014, tại thời điểm 30/09/2016, tổng nguồn vốn huy động ghi nhận gần 80 nghìn tỷ đồng; tiền gửi khách hàng luôn chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu huy động vốn của Ngân hàng (trên 70%).

**Bảng 3. Cơ cấu vốn huy động và VIB phân theo đối tượng huy động (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-	8.472.331	11,31%	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	19.761.129	28,51%	12.699.666	16,96%	18.945.662	23,94%
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>8.596.456</i>	<i>12,40%</i>	<i>6.628.197</i>	<i>8,85%</i>	<i>14.749.750</i>	<i>18,64%</i>
<i>Vay các TCTD khác</i>	<i>11.164.673</i>	<i>16,11%</i>	<i>6.071.469</i>	<i>8,11%</i>	<i>4.195.912</i>	<i>5,30%</i>
Tiền gửi của khách hàng <sup>(1)</sup>	49.486.519	71,41%	53.643.871	71,63%	60.120.097	75,98%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	53.787	0,08%	72.926	0,10%	65.370	0,08%
Phát hành giấy tờ có giá	25	0,00004%	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>69.301.460</b>	<b>100,00%</b>	<b>74.888.794</b>	<b>100,00%</b>	<b>79.131.129</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

**Bảng 4. Cơ cấu vốn huy động và VIB phân theo đối tượng huy động (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
----------	------------	------------	------------

	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-	8.472.331	11,36%	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	19.761.129	28,69%	12.699.666	17,04%	18.945.662	24,05%
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>8.596.456</i>	<i>12,48%</i>	<i>6.628.197</i>	<i>8,89%</i>	<i>14.749.750</i>	<i>18,72%</i>
<i>Vay các TCTD khác</i>	<i>11.164.673</i>	<i>16,21%</i>	<i>6.071.469</i>	<i>8,14%</i>	<i>4.195.912</i>	<i>5,33%</i>
Tiền gửi của khách hàng <sup>(2)</sup>	49.051.909	71,23%	53.303.964	71,50%	59.779.035	75,87%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	53.787	0,08%	72.926	0,10%	65.370	0,08%
Phát hành giấy tờ có giá	25	0,00004%	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>68.866.850</b>	<b>100,00%</b>	<b>74.548.887</b>	<b>100,00%</b>	<b>78.790.067</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2016)

(1), (2) Tiền gửi của khách hàng được phân chia theo 2 nhóm chính là cá nhân và các tổ chức kinh tế:

**Bảng 5. Phân loại tiền gửi khách hàng theo đối tượng huy động (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi cá nhân và các đối tượng khác	25.193.747	50,91%	27.984.745	52,17%	29.939.018	49,80%
Tiền gửi của TCKT	24.292.772	49,09%	25.659.126	47,83%	30.181.079	50,20%
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.486.519</b>	<b>100,00%</b>	<b>53.643.871</b>	<b>100,00%</b>	<b>60.120.097</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

**Bảng 6. Phân loại tiền gửi khách hàng theo đối tượng huy động (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

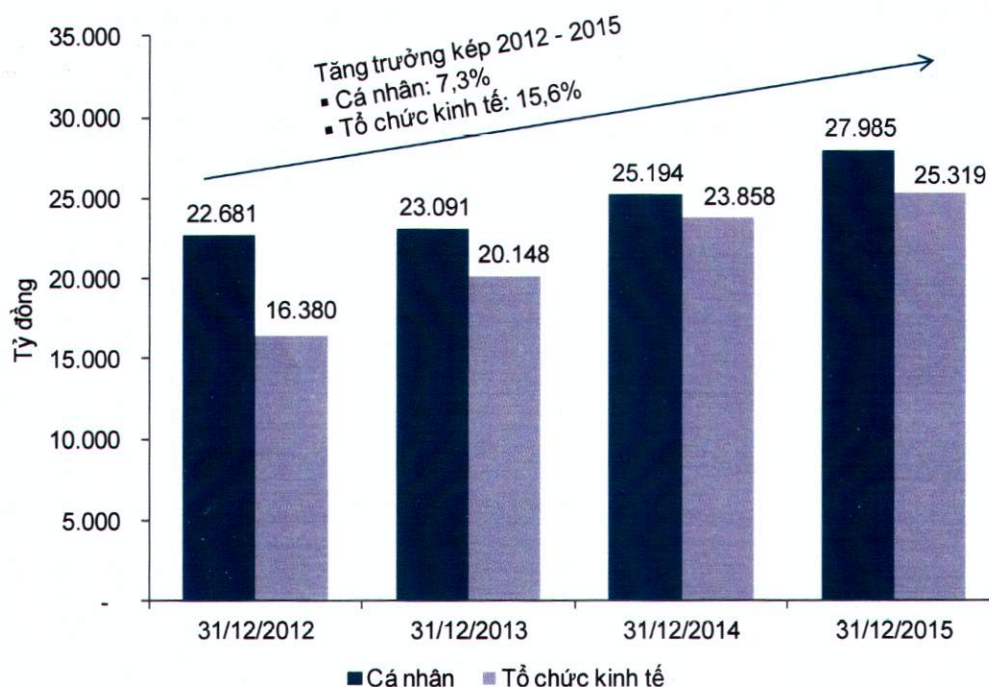
Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
----------	------------	------------	------------



	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi cá nhân và các đối tượng khác	25.193.747	51,36%	27.984.745	52,50%	29.939.018	50,08%
Tiền gửi của TCKT	23.858.162	48,64%	25.319.219	47,50%	29.840.016	49,92%
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.051.909</b>	<b>100,00%</b>	<b>53.303.964</b>	<b>100,00%</b>	<b>59.779.034</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2016)

**Hình 2. Cơ cấu tiền gửi giai đoạn 2012-2015**



(Nguồn: BCTC kiểm toán các năm)

Hoạt động tiền gửi tăng trưởng ổn định qua các năm và xu hướng dịch chuyển tỷ trọng tiền gửi cá nhân và TCKT đã có sự cân bằng hơn trong những năm gần đây. Tiền gửi cá nhân và các đối tượng khác luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tiền gửi của Ngân hàng; trong năm 2015, tiền gửi cá nhân và các đối tượng khác chiếm tỷ trọng 52,5% tổng tiền gửi của khách hàng, tăng trưởng trung bình 7,3% mỗi năm trong giai đoạn 2012 - 2015. Để có mức tăng trưởng ổn định như vậy, VIB đã phát triển nhiều sản phẩm cá nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu khác nhau của khách hàng như tiền gửi thanh toán, tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và có kỳ hạn... Ngoài ra, ngân hàng cũng đẩy mạnh các hoạt động quảng cáo, truyền thông nhằm thu hút hoạt động tiền gửi. Trong năm 2015, VIB liên tiếp đưa ra những chương trình cho vay, huy động hấp dẫn cho khách hàng cá nhân, những chương trình khuyến mại lớn như "**Trọn vẹn ước mơ cùng VIB**", "**Chia sẻ niềm tin – Nhân đôi niềm vui**", "**Cho vay trung hạn lãi suất ưu đãi**", đã đem tới những giải pháp tài chính hoàn hảo cho khách hàng và giúp cho VIB có được tăng trưởng tốt.

Hoạt động tiền gửi của các tổ chức kinh tế trong năm 2015, tăng 6,1% so với 2014, mức tăng trưởng trung bình hàng năm giai đoạn 2012 – 2015 là khoảng 15,6%. Bên cạnh phát triển các hoạt động tiền gửi cá nhân, VIB cũng có các chương trình ưu đãi đặc biệt dành cho các nhà phân phối tiêu dùng (FMCG), chương trình ưu đãi cho các doanh nghiệp sử dụng sản phẩm dịch vụ tại VIB, trong quý cuối năm, VIB đưa ra chương trình khuyến mại nhân dịp Giáng sinh “Đón Giáng Sinh, ai cũng có quà” với tổng giải thưởng lên đến 2 tỷ đồng; bên cạnh đó, nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập, VIB cũng đưa ra chương trình “Hành trình 20 năm gắn kết – Cuộc sống tươi đẹp cùng VIB”, với cơ cấu giải thưởng lên đến gần 3 tỷ đồng, áp dụng đối với các hình thức vay bổ sung vốn kinh doanh, đầu tư tài sản cố định....

Tại thời điểm 30/09/2016, tiền gửi khách hàng ghi nhận 59.779 nghìn tỷ, trong đó tiền gửi cá nhân chiếm 50,1% và tiền gửi TCKT chiếm 49,9%.

Ngoài ra cơ cấu tiền gửi khách hàng còn được phân chia theo loại hình tiền gửi:

**Bảng 7. Phân loại tiền gửi khách hàng theo loại hình tiền gửi (Ngân hàng mẹ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	10.175.618	20,56%	10.743.459	20,03%	11.556.577	19,22%
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	39.178.124	79,17%	42.705.134	79,61%	48.359.503	80,44%
Tiền gửi vốn chuyên dụng	-	-	90.850	0,17%	113.712	0,19%
Tiền ký quỹ	132.777	0,27%	104.428	0,19%	90.305	0,15%
<b>Tổng</b>	<b>49.486.519</b>	<b>100,00%</b>	<b>53.643.871</b>	<b>100,00%</b>	<b>60.120.097</b>	<b>100,00%</b>

*(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)*

**Bảng 8. Phân loại tiền gửi khách hàng theo loại hình tiền gửi (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	8.868.022	18,08%	10.743.451	20,16%	11.556.414	19,33%
Tiền, vàng gửi có	40.051.110	81,65%	42.365.234	79,48%	48.018.603	80,33%

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
kỳ hạn						
Tiền gửi vốn chuyên dụng	-	-	90.850	0,17%	113.712	0,19%
Tiền ký quỹ	132.777	0,27%	104.429	0,20%	90.305	0,15%
<b>Tổng</b>	<b>49.051.909</b>	<b>100,00%</b>	<b>53.303.964</b>	<b>100,00%</b>	<b>59.779.034</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2016)

Huy động tiền, vàng gửi có kỳ hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tiền gửi giúp ngân hàng chủ động được nguồn tiền và làm giảm rủi ro về khả năng thanh toán, từ đó đảm bảo được uy tín của ngân hàng trên thị trường. Cụ thể, trong năm 2015, tiền, vàng gửi có kỳ hạn chiếm khoảng 80% tổng tiền gửi, tăng 5,8% so với năm 2014, trong đó, tiền gửi và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng đồng nội tệ chiếm 91%, tiền gửi bằng ngoại tệ chỉ chiếm 9% tổng tiền gửi có kỳ hạn.

#### 5.1.2. Hoạt động sử dụng vốn

- Hoạt động tín dụng**

Về hoạt động tín dụng, VIB đã có các cải tiến, đổi mới và đơn giản hóa quy trình cho vay:

- Thời gian qua VIB đã vận hành tốt quy trình tập trung hóa công tác thẩm định, phê duyệt tín dụng tại Hội sở chính đối với Khách hàng doanh nghiệp;
- Đối với Khách hàng cá nhân, công tác phê duyệt tập trung đang trong giai đoạn hoàn thiện. Hiện tại, tất cả các sản phẩm tín dụng cá nhân có rủi ro cao đã được tập trung hóa phê duyệt tín dụng tại Hội sở chính (Cho vay cá nhân kinh doanh, Cho bay bất động sản cá nhân với dư nợ lớn, Thẻ tín dụng, Thấu chi,...), chỉ ủy quyền các sản phẩm tín dụng có mức độ rủi ro thấp, dư nợ nhỏ tới các Chi nhánh, Phòng giao dịch;
- Các quy trình liên quan đến hoạt động cấp tín dụng cũng liên tục được cải tiến theo hướng đơn giản hóa, giảm thiểu về mặt thủ tục nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc về kiểm soát và quản trị rủi ro như quy trình thẩm định, quy trình giải ngân, quy trình kiểm soát trong và sau khi cho vay. Song song với đó là hệ thống mẫu biểu, tờ trình tín dụng, check list hồ sơ vay vốn mới cũng được thiết kế lại;
- Đã hoàn thiện hệ thống LOS đảm bảo tối ưu hóa quy trình luân chuyển hồ sơ, tiết kiệm thời gian và nguồn lực trong hoạt động cấp tín dụng.

#### Cơ cấu tín dụng theo thời hạn vay

Tín dụng trong năm 2015 của VIB tăng 25% so với 2014, cơ cấu nợ đã có sự phân chia đồng đều hơn. Trong 3 năm trở lại, hoạt động tín dụng của VIB đang dần chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng cho vay ngắn hạn, tăng tỷ trọng cho vay trung và dài hạn. Chi tiết được thể hiện như sau:

**Bảng 9. Cơ cấu dư nợ tín dụng theo thời hạn vay của VIB (\*)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	16.661.314	43,64%	17.053.419	35,69%	16.375.409	30,68%
Nợ trung hạn	9.987.024	26,16%	15.095.351	31,60%	17.427.597	32,65%
Nợ dài hạn	11.530.448	30,20%	15.628.261	32,71%	19.570.613	36,67%
<b>Tổng</b>	<b>38.178.786</b>	<b>100,00%</b>	<b>47.777.031</b>	<b>100,00%</b>	<b>53.373.619</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

(\*) Cơ cấu dư nợ tín dụng của BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất không có sự thay đổi

**Cơ cấu dư nợ tín dụng theo ngành kinh tế**

Phân theo ngành hình kinh tế, nhìn chung tín dụng các ngành kinh tế đều có sự tăng trưởng đều đặn qua các năm; trong đó, các khoản vay cá nhân và ngành nghề khác chiếm tỷ trọng lớn nhất và ổn định trong tổng cơ cấu dư nợ của VIB, chiếm hơn 46% trong các năm qua.

**Bảng 10. Cơ cấu dư nợ tín dụng theo ngành kinh tế<sup>(\*)</sup>**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nông nghiệp và lâm nghiệp	1.266.368	3,32%	1.464.689	3,07%	1.398.816	2,62%
Thương mại, sản xuất và chế biến	12.675.979	33,20%	14.244.798	29,82%	15.056.140	28,21%
Xây dựng	735.208	1,93%	1.163.937	2,44%	2.288.215	4,29%
Kho bãi vận tải và thông tin liên lạc	5.690.339	14,90%	8.532.452	17,86%	9.893.277	18,54%
Cá nhân và các ngành nghề khác	17.810.892	46,65%	22.371.155	46,82%	24.737.171	46,35%
<b>Tổng</b>	<b>38.178.786</b>	<b>100,00%</b>	<b>47.777.031</b>	<b>100,00%</b>	<b>53.373.619</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

(\*) Cơ cấu dư nợ tín dụng của BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất không có sự thay đổi

**Cơ cấu dư nợ tín dụng theo đối tượng khách hàng vay**

Khách hàng của VIB bao gồm các cá nhân và các doanh nghiệp thuộc loại hình kinh tế khác nhau

**Đối với nhóm khách hàng cá nhân và cho vay khác:** Dư nợ tín dụng chiếm tỷ trọng lớn nhất trên tổng dư nợ (60,7%) trong năm 2015, tăng 24,3% so với năm 2014. Để phục vụ các nhu cầu tín dụng khác nhau, VIB đã phát triển nhiều hình thức cho vay cá nhân: Cho vay mua nhà, sửa chữa nhà, vay kinh doanh cá nhân, tiểu thương chợ và các khoản vay tiêu dùng khác...

**Đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp:** Do là ngân hàng TMCP ngoài quốc doanh nên loại hình doanh nghiệp được chú trọng là Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, chiếm 62,3% trên tổng dư nợ pháp nhân, tăng 26% so với năm 2014, tiếp theo là nhóm doanh nghiệp nhà nước, chiếm 9,6% tổng cơ cấu dư nợ và 24,4% trên tổng dư nợ pháp nhân.

**Bảng 11. Cơ cấu dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (\*)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh nghiệp nhà nước	3.458.432	9,06%	4.583.601	9,59%	4.720.714	8,84%
Công ty TNHH và công ty cổ phần	9.285.228	24,32%	11.701.285	24,49%	20.553.976	38,51%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.395.997	3,66%	1.692.287	3,54%	1.965.834	3,68%
Doanh nghiệp tư nhân	703.111	1,84%	795.987	1,67%	817.738	1,53%
Cho vay cá nhân và cho vay khác	23.336.018	61,12%	29.003.871	60,71%	25.315.356	47,43%
<b>Tổng</b>	<b>38.178.786</b>	<b>100,00%</b>	<b>47.777.031</b>	<b>100,00%</b>	<b>53.373.619</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

(\*) Cơ cấu dư nợ tín dụng của BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất không có sự thay đổi

**Cơ cấu dư nợ theo chất lượng tín dụng**

Bên cạnh việc đẩy mạnh dư nợ tín dụng, VIB cũng đảm bảo chất lượng các khoản vay nhằm giảm thiểu rủi ro cho hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Chất lượng tín dụng của VIB luôn nằm trong giới hạn an toàn; nợ đủ tiêu chuẩn (tỷ lệ trích lập dự phòng 0%) luôn duy trì tỷ lệ lớn nhất trong những năm qua trong cơ cấu nợ cho vay, chiếm 95,8% trong năm 2014 và 96,8% trong năm 2015. Trong khi đó nhóm nợ xấu luôn được hạn chế ở mức thấp, trung bình chỉ khoảng 1% cho mỗi nhóm nợ từ nhóm 3 – 5.

**Bảng 12. Cơ cấu dư nợ theo chất lượng tín dụng<sup>(\*)</sup>**

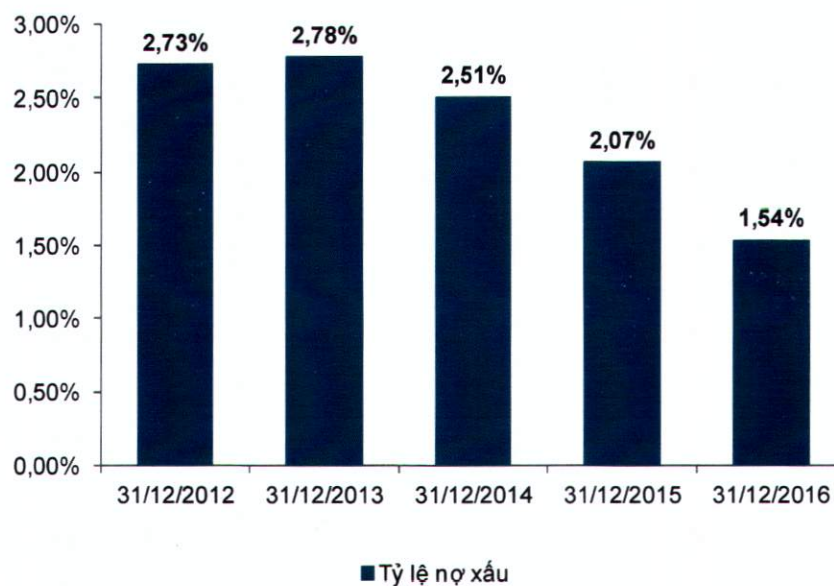
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	36.598.377	95,86%	46.270.139	96,85%	52.065.052	97,55%
Nợ cần chú ý	620.522	1,63%	517.716	1,08%	485.112	0,91%
Nợ dưới tiêu chuẩn	119.226	0,31%	135.250	0,28%	58.889	0,11%
Nợ nghi ngờ	319.623	0,84%	98.039	0,21%	73.977	0,14%
Nợ có khả năng mất vốn	521.038	1,36%	755.887	1,58%	690.589	1,29%
<b>Tổng</b>	<b>38.178.786</b>	<b>100,00%</b>	<b>47.777.031</b>	<b>100,00%</b>	<b>53.373.619</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

(\*) Cơ cấu dư nợ tín dụng của BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất không có sự thay đổi

**Hình 3. Tỷ lệ nợ xấu của VIB (dự kiến đến 31/12/2016)**



Tỷ lệ nợ xấu của VIB được cải thiện rõ rệt trong các năm qua, các khoản cho vay mới phát sinh quá hạn với tỷ lệ rất thấp, tính từ tháng 07/2012 đến 30/09/2016 tỷ lệ nợ quá hạn của các khoản vay mới chỉ ở mức dưới 1% tổng dư nợ. Chất lượng dịch vụ tín dụng cũng từng bước được nâng cao, thể hiện qua việc thời gian phê duyệt khoản vay ngày càng rút ngắn, tạo điều kiện hỗ trợ cho khách hàng nhanh chóng tiếp cận được vốn vay ngân hàng.

Thời gian phê duyệt khoản vay

Năm 2012

Hiện nay

Khách hàng doanh nghiệp	10 ngày - 15 ngày	6 ngày - 7 ngày
Khách hàng cá nhân	7 ngày - 8 ngày	3 ngày - 4 ngày

**• Hoạt động liên kết và đầu tư tài chính**

VIB có các hoạt động liên kết và đầu tư tài chính nhằm sử dụng nguồn vốn huy động một cách hiệu quả là đầu tư trái phiếu chính phủ và trái phiếu công ty, số dư chứng khoán đầu tư chiếm 31,4% tổng tài sản VIB tại thời điểm 31/12/2015, tại thời điểm 30/09/2016, số dư chứng khoán đầu tư chiếm 26,6% tổng tài sản. Phân loại theo thời gian nắm giữ thì chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là trái phiếu, tín phiếu chính phủ và chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là:

- *Trái phiếu do Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam phát hành là trái phiếu chuyển đổi cho các khoản cho vay Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt nam được chính phủ bảo lãnh, có kỳ hạn 10 năm, tại thời điểm 31/12/2015 trái phiếu này có lãi suất là 8,9%.*
- *Trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam phát hành bao gồm các trái phiếu có kỳ hạn 5 năm hoặc 6 năm, các khoản trái phiếu này có lãi suất là 0%. Mệnh giá các trái phiếu này bằng số dư nợ gốc ghi nhận nội bảng trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng tại thời điểm bán nợ. Trong đó số dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng tại thời điểm bán nợ tương ứng với các trái phiếu nêu trên là 650.430 triệu đồng.*

Ngoài ra, tổng giá trị góp vốn và đầu tư dài hạn của VIB đạt 201,5 tỷ đồng trong năm 2015, chỉ chiếm 0,16% tổng tài sản; đầu tư dài hạn là các khoản đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết.

**Bảng 13. Hoạt động liên kết và đầu tư tài chính (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chứng khoán đầu tư	27.459.180	99,22%	26.041.403	99,23%	23.593.357	99,19%
<i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i>	25.378.835	91,71%	22.978.623	87,56%	21.348.415	89,75%
<i>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>	2.348.312	8,49%	3.757.699	14,32%	3.323.460	13,97%
<i>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư</i>	(267.967)	(0,97%)	(694.919)	(2,65%)	(1.078.518)	(4,53%)
Góp vốn, đầu tư dài	215.057	0,78%	201.539	0,77%	192.802	0,81%

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>hạn</b>						
Đầu tư vào công ty con	66.500	0,24%	66.500	0,26%	66.500	0,28%
Đầu tư dài hạn khác	224.172	0,81%	210.654	0,80%	201.917	0,85%
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(75.615)	(0,27%)	(75.615)	(0,29%)	(75.615)	(0,32%)
<b>Tổng</b>	<b>27.674.237</b>	<b>100,00%</b>	<b>26.242.942</b>	<b>100,00%</b>	<b>23.786.159</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

**Bảng 14. Hoạt động liên kết và đầu tư tài chính (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>27.756.930</b>	<b>99,47%</b>	<b>26.451.598</b>	<b>99,49%</b>	<b>23.593.357</b>	<b>99,47%</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	25.678.835	92,02%	23.388.818	87,97%	21.348.415	90,00%
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn <sup>(*)</sup>	2.348.312	8,42%	3.757.699	14,13%	3.323.460	14,01%
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(270.217)	(0,97%)	(694.919)	(2,61%)	(1.078.518)	(4,55%)
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>148.557</b>	<b>0,53%</b>	<b>135.039</b>	<b>0,51%</b>	<b>126.302</b>	<b>0,53%</b>
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	224.172	0,80%	210.654	0,79%	201.917	0,85%



Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(75.615)	(0,27%)	(75.615)	(0,28%)	(75.615)	(0,32%)
<b>Tổng</b>	<b>27.905.487</b>	<b>100,00%</b>	<b>26.586.637</b>	<b>100,00%</b>	<b>23.719.659</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2016)

### 5.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Doanh số mua bán ngoại tệ tại VIB tính đến hết ngày 30/09/2016 đạt 27,5 tỷ USD, cao hơn 30% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó doanh số mua bán ngoại tệ với TCTD chiếm 85% tổng doanh số giao dịch, đáng chú ý doanh số mua bán ngoại tệ với khách hàng cá nhân năm 2016 tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước, mức tăng rủng khoảng 50%.

Cùng với tăng trưởng về doanh số mua bán ngoại tệ, lợi nhuận kinh doanh ngoại tệ của VIB cũng tăng trưởng 50% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó lợi nhuận từ kinh doanh sản phẩm hoán đổi chiếm ưu thế, lợi nhuận thu được từ mảng kinh doanh khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp giữ ổn định và không có đột biến.

Các sản phẩm kinh doanh ngoại hối cơ bản của VIB bao gồm: sản phẩm giao ngay, kỳ hạn và hoán đổi. Đối với TCKT và cá nhân sản phẩm giao ngay vẫn chiếm tỷ trọng lớn, trong khi đó tỷ trọng giao dịch kỳ hạn và hoán đổi chiếm khoảng 50% trong doanh số mua bán với TCTD. Sự chuyển dịch này phản ánh sự thay đổi trong cơ cấu sản phẩm của VIB, phù hợp với thị trường và nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

### 5.1.4. Hoạt động thanh toán quốc tế

Hệ thống mạng lưới của VIB có 8.250 ngân hàng địa lý rộng khắp thế giới (USA, China, Japan, Taiwan, Hongkong, Singapore, South Korea, Switzerland, UAE, ...) và duy trì 12 tài khoản Nostro tại các ngân hàng nhằm phục vụ thanh toán cho tất cả các loại ngoại tệ.

Thêm vào đó, VIB có lực lượng nhân sự chuyên môn tốt với 40% trên tổng nhân viên TTQT đạt các chứng chỉ Chuyên gia Thanh toán quốc tế uy tín (CDCS, CSDG, CITF) do Trường Tài Chính Anh (IFS) và ủy ban ICC quốc tế đồng chứng nhận, có giá trị sử dụng trên toàn cầu.

Tuy nhiên, hoạt động thanh toán quốc tế trong năm 2015 gặp nhiều khó khăn do chưa có tổ chức nào làm đầu mối cập nhật những Thông lệ, thông tin, sản phẩm TTQT mới từ Ủy ban ICC quốc tế cho các NHTM; thêm vào đó, sự thu hẹp chính sách quan hệ đại lý toàn cầu của một số NH nước ngoài đối với các NH TMCP gây khó khăn trong việc thu hút Khách hàng. Các văn bản pháp lý được NH nhà nước ban hành chưa phù hợp thông lệ quốc tế về nghiệp vụ TTQT.

### 5.1.5. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Ngân hàng luôn coi trọng hoạt động quản trị rủi ro và bảo toàn vốn. VIB có Ủy ban Quản lý rủi ro và Hội đồng xử lý rủi ro, đồng thời có các Ủy ban quản lý tài sản Nợ có (ALCO) và Ủy ban tín dụng với nhiệm vụ chính là xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng theo từng

lĩnh vực quản lý và có các báo cáo định kỳ nhằm hướng đến giám sát toàn diện hoạt động của Ngân hàng một cách hiệu quả.

Năm 2016, VIB tiếp tục chú trọng nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản dưới sự kiểm soát chặt chẽ bởi ALCO. Quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản được vận hành theo mô hình ba tầng bảo vệ (Đơn Vị Kinh Doanh, Khối QTRR và Kiểm Toán Nội Bộ), bao gồm:

- Các chính sách và quy trình nội bộ về quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản được rà soát chỉnh sửa phù hợp với chiến lược kinh doanh, yêu cầu quản trị của VIB và tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN);
- Hạn mức nội bộ về quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản thường xuyên được theo dõi và phê duyệt bởi ALCO đảm bảo tuân thủ khẩu vị rủi ro.

Quy định của NHNN về các tỷ lệ an toàn hoạt động ngân hàng luôn được tuân thủ nghiêm ngặt. Thực hiện chặt chẽ quy định nội bộ về quản lý các tỷ lệ an toàn, chú trọng công tác dự báo nhằm có các biện pháp kịp thời đảm bảo tốt thanh khoản của ngân hàng.

#### **Quản trị rủi ro hoạt động**

Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện công tác quản trị rủi ro hoạt động một cách bài bản và chặt chẽ, trong 9 tháng đầu năm 2016, VIB đã bắt đầu triển khai dự án rủi ro hoạt động bao gồm hạng mục trang bị hệ thống phần mềm quản lý rủi ro hoạt động. Việc trang bị hệ thống phần mềm sẽ hỗ trợ công tác hệ thống hóa, tự động hóa các loại báo cáo phục vụ mục đích quản trị nội bộ, tăng tính chính xác và giảm tải cho công tác báo cáo quản lý rủi ro hoạt động của cán bộ nhân viên. Đồng thời cũng xây dựng nền tảng cho việc tiến tới chuẩn hóa kho cơ sở dữ liệu nhằm tuân thủ khuôn khổ/quy định/quy trình quản lý rủi ro hoạt động của VIB cũng như việc quản lý rủi ro hoạt động theo thông lệ/chuẩn mực quốc tế.

Bên cạnh đó, VIB tiếp tục triển khai thực hiện Bảng kiểm soát nội bộ cho từng Khối/Ban nhằm nhận diện rủi ro của các hoạt động/dịch vụ chính của ngân hàng. Diễn đàn kiểm soát nội bộ được tổ chức đều đặn hàng tháng và hiệu quả với cam kết và quyết tâm cao của các Khối/Ban trong việc thực hiện các kế hoạch hành động để phòng ngừa các rủi ro trọng yếu. Việc phối hợp thực hiện quản trị các sự cố liên quan hệ thống công nghệ ngân hàng, xây dựng và hoàn thiện văn bản để xử lý khi đơn vị kinh doanh gặp sự cố nhằm giúp cho ĐVKD hiểu và thực hiện đúng theo các khung truyền thông, khung quản lý để ứng phó khi sự cố xảy ra, đảm bảo tính liên tục trong kinh doanh đồng thời đáp ứng việc yêu cầu tuân thủ công tác phòng chống khủng bố của Ngân hàng nhà nước.

Việc triển khai thành công Dự án 3-D Secure đưa VIB trở thành một trong năm ngân hàng của Việt Nam triển khai thành công tính năng này. Theo đó, chủ thẻ thanh toán Quốc tế của VIB sẽ được bổ sung thêm một lớp xác thực nhằm tăng tính bảo mật đối với các giao dịch thương mại điện tử (e-commerce), ngăn ngừa các giao dịch gian lận, giả mạo, hạn chế tổn thất có thể phát sinh cho Khách hàng trong trường hợp Khách hàng bị lộ thông tin thẻ trong quá trình sử dụng. Đây là dự án quan trọng nhằm nâng cao tính cạnh tranh cũng như tầm ảnh hưởng của VIB đối với thị trường thẻ tại Việt Nam.

Trong năm 2015, dự án FATCA được triển khai thành công với kết quả là ban hành bộ Quy định về tuân thủ FATCA tại VIB, phát triển hệ thống cho mục đích lưu trữ thông tin và báo cáo và thực

hiện truyền thông, đào tạo tới các đơn vị áp dụng. Do đó trong năm 2016, VIB tiếp tục thực hiện việc đẩy mạnh tuân thủ Quy định FATCA thông qua giám sát chặt chẽ. Sau khi có hướng dẫn chính thức của Ngân hàng Nhà nước về việc áp dụng các điều khoản trong IGA (Inter-Governmental Agreement giữa Việt Nam và Mỹ), VIB sẽ rà soát và cập nhật Quy định FATCA cho phù hợp, và tiếp tục hoàn thiện hệ thống báo cáo điện tử theo yêu cầu của NHNN.

### **Chương trình Basel II**

Đánh giá cao mô hình quản trị minh bạch và hiệu quả, VIB là một trong 10 ngân hàng được NHNN lựa chọn, là nhóm ngân hàng đầu tiên để tuân thủ Basel II.

Basel II sẽ giúp dịch chuyển ngành ngân hàng Việt Nam sang tiêu chuẩn quốc tế đối với việc tính toán vốn, thực tiễn quản trị rủi ro và thuyết quản trị thị trường. Là một trong những ngân hàng được chọn cho tuân thủ Basel II, VIB đang phối hợp chặt chẽ với NHNN trong suốt quá trình triển khai nhằm đảm bảo rằng khuôn khổ Basel II ở Việt Nam phù hợp với thị trường VIỆT NAM.

Chương trình Basel II tại VIB được sự hỗ trợ trực tiếp của cố đồng chiến lược, Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia (CBA) - một trong 10 ngân hàng lớn nhất thế giới tính theo vốn hóa thị trường. Ngoài ra, CBA cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên trên thế giới tuân thủ Basel II và III, đây là một trong những điều kiện hết sức thuận lợi giúp VIB tiếp cận với những điểm mạnh, kiến thức và các kỹ năng trong quá trình thực hiện dự án.

Bên cạnh đó, VIB có cơ cấu vốn lành mạnh, khẩu vị rủi ro và chính sách dự phòng minh bạch cộng với một nền tảng công nghệ ổn định; đó là tất cả những thành phần cần thiết để thực hiện Basel II, với cơ cấu vốn và hoạt động kinh doanh lành mạnh, sau khi áp dụng chuẩn Basel II VIB sẽ đạt hệ số an toàn vốn tối thiểu CAR trên 13%. Basel II là ưu tiên quan trọng đối với VIB và sẽ tiếp tục duy trì như vậy trong vòng những năm tới. VIB dự kiến nhiều lợi ích cho hoạt động kinh doanh của mình từ việc đầu tư vào Basel II, bao gồm:

- Tăng cường các phương pháp định giá dựa trên rủi ro;
- Tăng cường báo cáo rủi ro và phân tích danh mục;
- Rõ ràng hơn về việc phân bổ và thực hiện vốn dựa trên chế độ tài sản điều chỉnh theo trọng số rủi ro (RWA) phù hợp;
- Minh bạch và nhất quán trong việc báo cáo ra bên ngoài dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế (là cột trụ thứ III trong 3 cột trụ của Basel II).

## **5.2. Thị trường hoạt động**

### **5.2.1 Mạng lưới chi nhánh của VIB**

Tính đến 30/09/2016, VIB đã có mặt tại các thành phố và tỉnh thành lớn, bao gồm 1 trụ sở chính, 49 chi nhánh và 102 phòng giao dịch:

STT	Ngày thành lập	CN/PGD	Tên	Tỉnh
1	19/08/1996		Trụ sở chính	Hà Nội
<b>Chi nhánh</b>				
2	17/12/1999	Chi nhánh	VIB Hồ Chí Minh	TP. HCM
3	04/05/2005	Chi nhánh	VIB Hà Nội	Hà Nội

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

STT	Ngày thành lập	CN/PGD	Tên	Tỉnh
4	18/06/2004	Chi nhánh	VIB Hải Phòng	Hải Phòng
5	07/12/2004	Chi nhánh	VIB Đà Nẵng	Đà Nẵng
6	11/05/2005	Chi nhánh	VIB Quảng Ninh	Quảng Ninh
7	26/07/2005	Chi nhánh	VIB Cần Thơ	Cần Thơ
8	05/09/2005	Chi nhánh	VIB Nha Trang	Khánh Hòa
9	11/10/2005	Chi nhánh	VIB Bình Dương	Bình Dương
10	18/10/2005	Chi nhánh	VIB Đồng Nai	Đồng Nai
11	08/02/2006	Chi nhánh	VIB Hải Dương	Hải Dương
12	08/02/2006	Chi nhánh	VIB Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc
13	10/10/2006	Chi nhánh	VIB An Giang	An Giang
14	12/10/2006	Chi nhánh	VIB Vũng Tàu	Bà Rịa-VT
15	27/10/2006	Chi nhánh	VIB Vinh	Nghệ An
16	30/01/2007	Chi nhánh	VIB Quảng Ngãi	Quảng Ngãi
17	07/02/2007	Chi nhánh	VIB Hà Đông	Hà Nội
18	09/02/2007	Chi nhánh	VIB Sài Gòn	TP. HCM
19	18/06/2007	Chi nhánh	VIB Thanh Hóa	Thanh Hóa
20	08/08/2007	Chi nhánh	VIB Huế	TT Huế
21	28/08/2007	Chi nhánh	VIB Đắk Lắk	Đắk Lắk
22	20/09/2007	Chi nhánh	VIB Kiên Giang	Kiên Giang
23	16/10/2007	Chi nhánh	VIB Thái Nguyên	Thái Nguyên
24	07/11/2007	Chi nhánh	VIB Quy Nhơn	Bình Định
25	11/06/2008	Chi nhánh	VIB Thái Bình	Thái Bình
26	08/07/2008	Chi nhánh	VIB Tây Ninh	Tây Ninh
27	21/07/2008	Chi nhánh	VIB Cà Mau	Cà Mau
28	23/07/2008	Chi nhánh	VIB Đồng Tháp	Đồng Tháp
29	16/10/2007	Chi nhánh	VIB Việt Trì	Phú Thọ
30	30/07/2008	Chi nhánh	VIB Lâm Đồng	Lâm Đồng
31	08/07/2002	Chi nhánh	VIB Cầu Giấy	Hà Nội
32	26/11/2002	Chi nhánh	VIB Đống Đa	Hà Nội

STT	Ngày thành lập	CN/PGD	Tên	Tỉnh
33	28/10/2003	Chi nhánh	VIB Gò Vấp	TP. HCM
34	21/01/2004	Chi nhánh	VIB Hai Bà Trưng	Hà Nội
35	23/04/2004	Chi nhánh	VIB Quận 5	TP. HCM
36	13/04/2004	Chi nhánh	VIB Ba Đình	Hà Nội
37	01/07/2004	Chi nhánh	VIB Nguyễn Huệ	Hà Nội
38	29/09/2004	Chi nhánh	VIB Quận 2	TP. HCM
39	30/11/2004	Chi nhánh	VIB Tân Bình	TP. HCM
40	09/12/2004	Chi nhánh	VIB Bình Thạnh	TP. HCM
41	27/12/2004	Chi nhánh	VIB Hoàn Kiếm	Hà Nội
42	12/04/2005	Chi nhánh	VIB Thành Đô	TP. HCM
43	27/05/2005	Chi nhánh	VIB Quận 1	TP. HCM
44	21/07/2005	Chi nhánh	VIB Long Biên	Hà Nội
45	04/08/2005	Chi nhánh	VIB Phú Nhuận	TP. HCM
46	16/08/2005	Chi nhánh	VIB Hồng Bàng	Hải Phòng
47	07/11/2005	Chi nhánh	VIB Hải Châu	Đà Nẵng
48	11/11/2005	Chi nhánh	VIB Quận 11	TP. HCM
49	26/03/2008	Chi nhánh	VIB Cẩm Phả	Quảng Ninh
50	18/08/2008	Chi nhánh	VIB Lý Thường Kiệt	Hà Nội
<b>Phòng Giao dịch (PGD)</b>				
1	04/10/2005	PGD	VIB Tây Sơn	Hà Nội
2	06/10/2005	PGD	VIB Lê Thánh Tông	Hà Nội
3	23/12/2005	PGD	VIB Cát Lái	TP. HCM
4	28/02/2006	PGD	VIB Thủy Nguyên	Hải Phòng
5	21/03/2006	PGD	VIB Hào Nam	Hà Nội
6	18/04/2006	PGD	VIB Quận 4	TP. HCM
7	23/05/2006	PGD	VIB Lò Đúc	Hà Nội
8	30/05/2006	PGD	VIB Hồ Nai	Đồng Nai
9	09/06/2006	PGD	VIB Phú Mỹ Hưng	TP. HCM
10	26/06/2006	PGD	VIB Hoàng Quốc Việt	Hà Nội

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM**



STT	Ngày thành lập	CN/PGD	Tên	Tỉnh
11	28/06/2006	PGD	VIB Láng Hạ	Hà Nội
12	30/06/2006	PGD	VIB Quang Trung	TP. HCM
13	26/07/2006	PGD	VIB Mỹ Đình	Hà Nội
14	28/07/2006	PGD	VIB Hùng Vương	TP. HCM
15	26/09/2006	PGD	VIB Huỳnh Thúc Kháng	TP. HCM
16	27/09/2006	PGD	VIB Uông Bí	Quảng Ninh
17	23/10/2006	PGD	VIB Quan Hoa	Hà Nội
18	14/11/2006	PGD	VIB Tân Phú	TP. HCM
19	28/11/2006	PGD	VIB Trảng Bom	Đồng Nai
20	05/12/2006	PGD	VIB Võ Thị Sáu	TP. HCM
21	27/12/2006	PGD	VIB Âu Cơ	TP. HCM
22	19/04/2007	PGD	VIB Nguyễn Chí Thanh	Hà Nội
23	09/05/2007	PGD	VIB Thụy Khuê	Hà Nội
24	10/05/2007	PGD	VIB Quận 3	TP. HCM
25	12/06/2007	PGD	VIB Cửa Ông	Quảng Ninh
26	29/06/2007	PGD	VIB Quận 6	TP. HCM
27	19/07/2007	PGD	VIB Hoàng Thạch	Quảng Ninh
28	08/08/2007	PGD	VIB Trường Tiền	TT Huế
29	28/08/2007	PGD	VIB Bà Rịa	Bà Rịa-VT
30	15/10/2007	PGD	VIB Điện Biên Phủ	Hải Phòng
31	16/10/2007	PGD	VIB Lê Văn Sỹ	TP. HCM
32	02/11/2010	PGD	VIB Liễu Giai	Hà Nội
33	14/11/2007	PGD	VIB Thủ Đức	TP. HCM
34	21/11/2007	PGD	VIB Phan Chu Trinh	Khánh Hòa
35	24/11/2007	PGD	VIB Ninh Kiều	Cần Thơ
36	18/12/2007	PGD	VIB Vân Đình	Hà Nội
37	24/12/2007	PGD	VIB Đình Tiên Hoàng	TP. HCM
38	17/03/2008	PGD	VIB Nguyễn Trãi	TP. HCM
39	24/03/2008	PGD	VIB Hoàng Cầu	Hà Nội

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM**



STT	Ngày thành lập	CN/PGD	Tên	Tỉnh
40	27/03/2008	PGD	VIB Thanh Xuân	Hà Nội
41	16/04/2008	PGD	VIB Văn Thánh	TP. HCM
42	21/04/2008	PGD	VIB Chợ Mơ	Hà Nội
43	22/04/2008	PGD	VIB Đào Tấn	Hà Nội
44	20/05/2008	PGD	VIB Kim Đồng	Hà Nội
45	28/05/2008	PGD	VIB Bãi Cháy	Quảng Ninh
46	28/05/2008	PGD	VIB Trần Phú	Hải Phòng
47	26/07/2008	PGD	VIB Bàu Cát	TP. HCM
48	29/07/2008	PGD	VIB Thủ Dầu Một	Bình Dương
49	08/08/2008	PGD	VIB Chợ Lớn	TP. HCM
50	09/10/2008	PGD	VIB Hàng Bạc	Hà Nội
51	01/10/2008	PGD	VIB Diễn Châu	Nghệ An
52	15/10/2008	PGD	VIB Nhiều Lộc	TP. HCM
53	23/10/2008	PGD	VIB Tây Hồ	Hà Nội
54	29/10/2008	PGD	VIB Trung Hòa	Hà Nội
55	14/10/2009	PGD	VIB Thành Công	Đắk Lắk
56	22/10/2009	PGD	VIB Sao Đỏ	Hải Dương
57	18/11/2009	PGD	VIB Hưng Bình	Vinh
58	15/12/2009	PGD	VIB Trung Yên	Hà Nội
59	17/12/2009	PGD	VIB Lam Sơn	Thanh Hóa
60	17/12/2009	PGD	VIB Phú Yên	Hải Dương
61	04/01/2010	PGD	VIB Phan Đình Phùng	Thái Nguyên
62	25/01/2010	PGD	VIB Móng Cái	Quảng Ninh
63	17/06/2010	PGD	VIB Xa La	Hà Nội
64	23/06/2010	PGD	VIB Phạm Ngũ Lão	TP. HCM
65	05/07/2010	PGD	VIB Thanh Đa	TP. HCM
66	09/08/2010	PGD	VIB Long Khánh	Đồng Nai
67	30/08/2010	PGD	VIB Đông Ba	TT Huế
68	28/10/2010	PGD	VIB Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

STT	Ngày thành lập	CN/PGD	Tên	Tỉnh
69	11/11/2010	PGD	VIB Châu Văn Liêm	TP. HCM
70	08/12/2010	PGD	VIB Nguyễn Tri Phương	TP. HCM
71	16/12/2010	PGD	VIB Chợ Vinh	Nghệ An
72	22/07/2013	PGD	VIB Bà Triệu	Thanh Hóa
73	27/12/2010	PGD	VIB Cộng Hòa	TP. HCM
74	28/12/2010	PGD	VIB Tân Mai	Đồng Nai
75	11/01/2011	PGD	VIB Bạch Đằng	Hải Phòng
76	16/02/2011	PGD	VIB Thống Nhất	TP. HCM
77	29/06/2011	PGD	VIB Đại Kim	Hà Nội
78	21/07/2011	PGD	VIB Nguyễn Cơ Thạch	Hà Nội
79	25/07/2011	PGD	VIB Gang Thép	Thái Nguyên
80	26/07/2011	PGD	VIB Quận 9	TP. HCM
81	27/07/2011	PGD	VIB Lê Đại Hành	TP. HCM
82	29/08/2011	PGD	VIB 3 tháng 2	TP. HCM
83	30/08/2011	PGD	VIB Cái Khế	Cần Thơ
84	05/09/2011	PGD	VIB Hải An	Hải Phòng
85	06/09/2011	PGD	VIB Lê Đức Thọ	TP. HCM
86	07/09/2011	PGD	VIB Hồ Gươm	Hà Nội
87	22/09/2011	PGD	VIB Đông Hưng	Thái Bình
88	26/09/2011	PGD	VIB Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk
89	12/12/2011	PGD	VIB Minh Khai	Hà Nội
90	30/12/2011	PGD	VIB Nguyễn Hữu Cảnh	Bà Rịa-VT
91	31/12/2011	PGD	VIB Hoàng Văn Thái	TP. HCM
92	31/12/2011	PGD	VIB Thành Nam	TP. HCM
93	18/12/2012	PGD	VIB Hưng Dũng	Nghệ An
94	31/12/2011	PGD	VIB Huỳnh Tấn Phát	TP. HCM
95	31/12/2011	PGD	VIB Tân Thành	TP. HCM
96	21/11/2011	PGD	VIB Cách mạng Tháng 8	TP. HCM
97	30/12/2011	PGD	VIB Trường Sơn	TP. HCM



STT	Ngày thành lập	CN/PGD	Tên	Tỉnh
98	22/9/2010	PGD	VIB Thạch Thất	Hà Nội
99	20/12/2011	PGD	VIB Thăng Long	Hà Nội
100	30/10/2014	PGD	VIB Trần Hưng Đạo	Bà Rịa – Vũng Tàu
101	12/11/2014	PGD	VIB Sa Đéc	Đồng Tháp
102	18/11/2014	PGD	VIB Trường Thi	Thanh Hóa

(Nguồn: VIB)

### 5.2.2. Mạng lưới khách hàng

VIB hiện đang cung cấp các loại sản phẩm dịch vụ đa dạng cho các cá nhân và doanh nghiệp:

- **Doanh nghiệp:** VIB không chỉ chú trọng đến các doanh nghiệp lớn và các dự án trọng điểm mà còn rất chú trọng phát triển các sản phẩm tín dụng dành cho đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ để phù hợp với định hướng của nền kinh tế. Các khách hàng của VIB chủ yếu là loại hình công ty TNHH và cổ phần thuộc nhóm ngành thương mại, sản xuất kinh doanh, chế biến, kho bãi vận tải...
- **Các tổ chức tài chính ngân hàng:** VIB có mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tài chính ngân hàng khác trong hệ thống ngân hàng Việt Nam bao gồm các ngân hàng trong và ngoài nước, các Công ty tài chính và các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư.
- **Cá nhân:** VIB đã phát triển rộng rãi các đối tượng khách hàng cá nhân bao gồm những cá nhân, hộ gia đình có thu nhập ổn định tại các khu vực thành thị (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,...)

### 5.3. Sản phẩm/dịch vụ cung ứng

#### 5.3.1. Sản phẩm khối Ngân hàng bán lẻ

- **Vay Bất động sản**
  - **Vay mua nhà đất, căn hộ để ở:** Mua nhà/đất/căn hộ để ở, cho thuê cho chính Khách hàng, vợ/ chồng, bố mẹ ruột, bố mẹ vợ/ chồng, con ruột, anh, chị, em ruột của Khách hàng;
  - **Vay mua nhà đất, căn hộ dự án:** Mua, nhận chuyển nhượng Bất động sản dự án để ở và/hoặc tích lũy cho chính Khách hàng (KH) và/hoặc người thân (bố, mẹ ruột, bố, mẹ vợ/ chồng, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột);
  - **Vay xây dựng sửa chữa nhà:** Xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà bao gồm mua sắm trang thiết bị nội thất gia đình (nếu có) cho Khách hàng và người thân.
- **Vay kinh doanh**
  - **Vay bổ sung vốn lưu động dành cho SME:** bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh;
  - **Vay cá nhân kinh doanh:** bổ sung vốn lưu động và đầu tư tài sản cố định;
  - **Vay kinh doanh Tiểu thương chợ:** bổ sung vốn lưu động và mua sạp chợ;
  - **Vay kinh doanh chứng khoán:** Đầu tư, kinh doanh chứng khoán.
- **Vay ô tô**
  - **Vay mua ô tô mới tiêu dùng:** vay mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại cho Khách hàng và người thân;

- **Vay mua ô tô mới kinh doanh:** vay mua ô tô mới phục vụ mục đích kinh doanh cho chính Khách hàng;
- **Vay mua ô tô cũ tiêu dùng:** vay mua ô tô đã qua sử dụng phục vụ mục đích đi lại cho Khách hàng và người thân;
- **Vay mua ô tô cũ kinh doanh:** vay mua ô tô đã qua sử dụng phục vụ mục đích kinh doanh cho chính Khách hàng.
- **Vay tiêu dùng**
  - **Vay du học:** vay tài trợ chi phí du học (gồm học phí và chi phí hợp lý khác như đi lại, sinh hoạt...);
  - **Vay thấu chi;**
  - **Vay cầm cố giấy tờ có giá;**
  - **Vay tín chấp tiêu dùng:** để tiêu dùng của cá nhân và gia đình Khách hàng;
  - **Vay tiêu dùng có Tài sản bảo đảm:** để tiêu dùng, phục vụ đời sống của bản thân và/hoặc gia đình Khách hàng.
- **Bảo lãnh**
  - **Bảo lãnh dự thầu:** VIB cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo nội dung thư bảo lãnh dự thầu;
  - **Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:** VIB cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo nội dung thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
  - **Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước:** VIB cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo nội dung thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước;
  - **Bảo lãnh thanh toán:** VIB cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo nội dung thư bảo lãnh thanh toán;
  - **Bảo lãnh bảo đảm chất lượng:** VIB cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo nội dung thư bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm.
- **Thẻ**
  - **Thẻ ghi nợ nội địa VIB Values:** Sử dụng số dư tài khoản tiền gửi của chính Khách hàng để giao dịch. Khách hàng phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng trước khi đăng ký thẻ ghi nợ nội địa. Số dư khách hàng duy trì trong tài khoản được ngân hàng trả lãi;
  - **Thẻ thanh toán toàn cầu VIB MasterCard:** Sử dụng số dư tài khoản tiền gửi của chính Khách hàng để giao dịch. Khách hàng phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng trước khi đăng ký thẻ thanh toán toàn cầu. Số dư khách hàng duy trì trong tài khoản được ngân hàng trả lãi;
  - **Thẻ tín dụng VIB MasterCard:** Sử dụng hạn mức tín dụng được cấp bởi ngân hàng để giao dịch. Khách hàng phải chứng minh năng lực tài chính (tín chấp) hoặc có tài sản đảm bảo (thế chấp) để được cấp thẻ tín dụng. Hàng tháng Khách hàng phải thanh toán số tiền

đã chi tiêu cho Ngân hàng theo dư nợ thể hiện tại sao kê (có thể lựa chọn thanh toán toàn bộ hoặc thanh toán tối thiểu).

- **Tài khoản, tiền gửi và tiết kiệm**



- **Gói sản phẩm trả lương:** Tài khoản thanh toán nhận lương, Thẻ ghi nợ nội địa, Dịch vụ SMS banking, Dịch vụ Internet banking;
- **Gói sản phẩm Freedom:** Tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ nội địa VIB Values, thẻ thanh toán toàn cầu VIB MasterCard Debit, dịch vụ SMS Banking và Internet banking;
- **TCAs:** Là Chương trình hợp tác giữa Khối NHBL và Khối KHDN của VIB nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ với chính sách giá ưu đãi và kênh bán hàng thuận tiện;
- **Dịch vụ chứng thực:** Xác nhận số dư Tài khoản thanh toán; xác nhận số dư Tài khoản đặc thù; cung cấp sao kê tài khoản/sổ phụ tài khoản, giấy báo có/nợ.

### **5.3.2. Sản phẩm khối Khách hàng Doanh nghiệp**

- **Cho vay ngắn hạn**
  - **Cho vay vốn lưu động:** bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
  - **Thấu chi tài khoản:** Cho phép doanh nghiệp chi vượt số tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán mở tại VIB, đáp ứng nhu cầu vốn lưu động thiếu hụt tạm thời.
- **Cho vay trung hạn**
  - **Cho vay mua ô tô:** tài trợ chi phí mua xe ô tô làm phương tiện đi lại, vận chuyển của khách hàng. Mua bảo hiểm vật chất thân vỏ xe đối với trường hợp thế chấp xe ô tô hình thành từ vốn vay và chuyển nhượng quyền thụ hưởng bảo hiểm cho VIB;
  - **Cho vay trung dài hạn doanh nghiệp:** tài trợ nhu cầu vốn trung dài hạn của doanh nghiệp đầu tư vào tài sản cố định, dự án, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng hoạt động kinh doanh;
  - **Cho vay đầu tư dự án:** tài trợ nhu cầu vốn trung dài hạn của doanh nghiệp đầu tư vào dự án mới hoặc dự án mở rộng.
- **Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp**

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, tăng quy mô vốn hoạt động, và/hoặc cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp.
- **Bao thanh toán nội địa**

Bên bán hàng theo đó VIB mua lại khoản phải thu của bên bán hàng phát sinh từ việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho bên mua hàng.
- **Tài khoản vãng lai**

**Tiền gửi thanh toán:** gửi, rút tiền mặt, phát hành séc, thanh toán chuyển khoản, nhận chuyển khoản trực tiếp tại quầy giao dịch hoặc qua Fax/Scan/Email;
- **Tiền gửi có kỳ hạn**

Loại tiền gửi : VND, USD, EUR

Kỳ hạn gửi : Linh hoạt, theo ngày, tuần, tháng, quý, năm, tự động tái tục tiền gửi

Số tiền gửi : Linh hoạt

Lãi suất : Cạnh tranh theo kỳ hạn gửi  
Tiện ích : Được rút gốc trước hạn

- **Thanh toán trong nước**
  - **Chuyển tiền trong nước:** chuyển tiền đi và nhận tiền đến trong nước;
  - **Chi tiền mặt:** tại quầy giao dịch VIB, tại địa điểm khách hàng chỉ định và tại quầy giao dịch của ngân hàng đối tác;
  - **Thanh toán lương:** VIB trích tiền từ tài khoản doanh nghiệp và ghi có tài khoản lương của cán bộ, nhân viên theo yêu cầu của doanh nghiệp. Cán bộ, nhân viên doanh nghiệp có thể rút tiền bằng thẻ ATM tại các máy ATM trên toàn quốc hoặc tại quầy giao dịch của VIB;
  - **Thanh toán hóa đơn:** VIB trích tiền từ tài khoản của khách hàng tại VIB để thanh toán cho các đối tác theo danh sách khoản phải trả do doanh nghiệp gửi định kỳ hoặc đột xuất bao gồm các khoản phải trả theo hóa đơn tiền điện, tiền nước, cước viễn thông hoặc các khoản thanh toán tiền mua hàng hóa định kỳ;
  - **Thanh toán thuế:** thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại quầy, chuyển khoản qua hệ thống điện tử (Internet banking).
- **Chuyển tiền thanh toán quốc tế:** thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại quầy, chuyển khoản qua hệ thống điện tử (Internet banking).
- **Thu hộ**
  - **Thu hộ tiền mặt tại địa điểm chỉ định:** VIB bố trí nhân viên thu hộ tận nơi tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu để thu tiền mặt cho khách hàng và ghi có vào tài khoản của khách hàng tại VIB;
  - **Thu hộ chuyển khoản:** VIB ghi có tài khoản khách hàng khi đối tác của khách hàng nộp tiền mặt, chuyển khoản thông qua các chi nhánh, phòng giao dịch của VIB, ngân hàng đối tác của VIB, hoặc thanh toán thông qua dịch vụ ngân hàng điện tử (Internet Banking)
  - **Thu hộ tại quầy:** Hạn chế rủi ro lưu trữ, kiểm đếm tiền mặt;  
Được đáp ứng tối đa nhu cầu thu hộ. Với mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch VIB trên toàn quốc, công nghệ hiện đại và đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, dịch vụ thu hộ tiền mặt tại quầy sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi có nhu cầu nộp tiền tại quầy một cách nhanh chóng, chính xác;
  - **Thu hộ tại quầy tại địa điểm chỉ định:** VIB đặt quầy thu hộ và cử cán bộ đại diện thực hiện thu hộ tiền mặt tại địa điểm chỉ định theo yêu cầu của khách hàng.
- **Tài trợ thương mại nhập khẩu**
  - **Thư tín dụng nhập khẩu (L/C) :** L/C trả ngay và/hoặc trả chậm do VIB phát hành theo yêu cầu của khách hàng;
  - **Cho vay tài trợ nhập khẩu:** Cho vay để thanh toán hàng nhập khẩu hàng hóa theo phương thức thanh toán thư tín dụng, nhờ thu chứng từ và mở sổ, cấu trúc theo chu trình sản xuất kinh doanh và dòng tiền của doanh nghiệp;
  - **Nhờ thu chứng từ nhập khẩu:** Nhờ thu theo hình thức trả ngay (D/P) và/hoặc trả chậm (D/A); VIB nhận bộ chứng từ từ ngân hàng của nhà xuất khẩu và thông báo tới khách hàng; Thực hiện thanh toán, từ chối thanh toán theo chỉ thị của khách hàng.
- **Tài trợ thương mại xuất khẩu**

- **Thư tín dụng xuất khẩu:** VIB nhận L/C xuất khẩu từ ngân hàng phát hành và thông báo L/C tới khách hàng; Tư vấn khách hàng lập bộ chứng từ xuất khẩu theo các điều kiện của L/C, kiểm tra bộ chứng từ và gửi tới ngân hàng phát hành yêu cầu thanh toán;
  - **Nhờ thu chứng từ xuất khẩu:** VIB nhận yêu cầu, gửi bộ chứng từ xuất khẩu và yêu cầu thanh toán đến ngân hàng của nhà nhập khẩu; Nhận tiền thanh toán từ ngân hàng của nhà nhập khẩu và báo có cho khách hàng;
  - **Chiết khấu hối phiếu xuất khẩu:** VIB thực hiện chiết khấu hối phiếu xuất khẩu của khách hàng xuất khẩu khi khách hàng xuất trình bộ chứng từ hợp lệ tại VIB;
  - **Cho vay tài trợ xuất khẩu:** Cho vay trước xuất khẩu để thu mua và tồn trữ nguyên liệu phục vụ xuất khẩu; sản xuất thực hiện xuất khẩu theo hợp đồng xuất khẩu đã ký.
- **Bảo lãnh**
    - **Bảo lãnh dự thầu:** VIB cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh (khách hàng của VIB) khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo thư bảo lãnh dự thầu;
    - **Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:** VIB cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh (khách hàng của VIB) khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
    - **Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước:** VIB cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh (khách hàng của VIB) khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước;
    - **Bảo lãnh thanh toán:** VIB cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh (khách hàng của VIB) khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo thư bảo lãnh thanh toán;
    - **Bảo lãnh bảo đảm chất lượng:** VIB cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh (khách hàng của VIB) khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo thư bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm;
    - **Bảo lãnh vay vốn:** VIB cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh (khách hàng của VIB) khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo thư bảo lãnh vay vốn.
  - **Giao dịch ngoại hối**
    - **Giao dịch ngoại hối giao ngay:** Mua hoặc bán một lượng ngoại tệ theo tỷ giá cố định và thực hiện thanh toán trong ngày hoặc trong vòng hai (2) ngày làm việc tiếp theo;
    - **Giao dịch ngoại hối kỳ hạn:** Mua hoặc bán một lượng ngoại tệ theo tỷ giá được ấn định ngay tại thời điểm thỏa thuận, ngày giao/nhận ngoại tệ là một ngày xác định trong tương lai (nhưng không quá 365 ngày kể từ ngày thỏa thuận);
    - **Giao dịch ngoại hối hoán đổi:** Mua/bán một lượng ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay cố định đồng thời bán/mua lại số tiền đó vào một ngày xác định trong tương lai theo tỷ giá đã thỏa thuận.
  - **Sản phẩm phái sinh**

Là giao dịch hoán đổi lãi suất (CCS) với việc trao đổi các dòng tiền trong tương lai bằng hai loại tiền tệ khác nhau giữa hai bên. Trong giao dịch CCS luôn diễn ra việc trao đổi lãi (cố định hoặc thả nổi) của một đồng tiền sang lãi (cố định hoặc thả nổi) của một đồng tiền khác. Số tiền gốc trong giao dịch CCS có thể được hoán đổi vào đầu kỳ (nếu có), và/hoặc giảm dần trong thời hạn giao dịch, và vào cuối kỳ theo tỷ giá giao dịch được thống nhất giữa VIB và khách hàng.

### **5.3.3. Sản phẩm Khối Ngân hàng Công nghệ số**

- **Tài khoản thanh toán cá nhân**
  - Thực hiện các giao dịch tài chính: nộp tiền, rút tiền, chuyển tiền, thanh toán hóa đơn...;
  - Áp dụng lãi suất không kỳ hạn ;
  - Loại tiền: VND, USD, EUR;
  - Không áp dụng cơ chế đồng sở hữu tài khoản.
- **Tài khoản tiền gửi**
  - **Tiết kiệm điện tử có kỳ hạn:** Là tài khoản tiết kiệm điện tử được mở trên các kênh trực tuyến. Số tiền và kỳ hạn được thiết lập cố định không được phép thay đổi;
  - **Tiết kiệm điện tử linh hoạt:** Là tài khoản tiết kiệm điện tử có kỳ hạn. Cho phép nộp thêm tiền vào tài khoản với số tiền không hạn chế;
  - **Tiết kiệm mục tiêu "Goal saver":** Là tài khoản tiết kiệm linh hoạt.

- **Ngân hàng điện tử**

#### **Ngân hàng trực tuyến Internet Banking**

- Dịch vụ ngân hàng điện tử đăng nhập qua Internet website cho phép khách hàng:
- Quản lý tài khoản;
- Mở tài khoản mới;
- Chuyển tiền và nạp tiền;
- Quản lý tín dụng (khoản vay, thẻ tín dụng);
- Thanh toán hóa đơn;
- Mua sắm trực tuyến;
- Các tiện ích khác.

#### **Ngân hàng di động MyVIB**

- Ứng dụng ngân hàng di động dành cho các máy smartphone sử dụng hệ điều hành Android, iOS và Windowphone;
- Đăng nhập bằng mã PIN code được thiết lập lần đầu;
- Có đầy đủ các tính năng của dịch vụ Ngân hàng trực tuyến Internet banking và một số tiện ích khác (như thay đổi hình nền app, gửi thông báo, tìm kiếm các điểm khuyến mại, ưu đãi thẻ).

#### **Ngân hàng di động Mobile Bankplus**

Ứng dụng di động USSD dành riêng cho các thuê bao của Viettel cho phép khách hàng:

- Truy vấn số dư tài khoản;

- Chuyển tiền nội bộ, chuyển tiền tới thẻ NH khác;
- Nạp tiền điện thoại thuê bao Viettel;
- Thanh toán hóa đơn Viettel Telecom;
- Thanh toán hóa đơn Điện lực EVN HCM;
- Ngân hàng tin nhắn SMS banking: cho phép khách hàng chủ động nhắn tin truy vấn: Số dư tài khoản; Lãi suất tiết kiệm, lãi suất vay; Địa điểm chi nhánh ngân hàng và nhận thông báo biến động số dư trên tài khoản thanh toán.

## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1. Cơ cấu doanh thu

- Cơ cấu thu nhập của VIB:

**Bảng 15. Cơ cấu thu nhập của VIB năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.821.295	71,13%	4.967.883	61,75%	3.868.417	62,68%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	227.075	3,35%	266.187	3,31%	249.029	4,04%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.419.391	20,94%	2.348.438	29,19%	1.677.791	27,19%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	201.634	2,97%	95.811	1,19%	127.396	2,06%
Thu nhập từ hoạt động khác	108.872	1,61%	366.693	4,56%	248.664	4,03%
<b>Tổng</b>	<b>6.778.267</b>	<b>100,00%</b>	<b>8.045.012</b>	<b>100,00%</b>	<b>6.171.297</b>	<b>100,00%</b>

(BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

**Bảng 16. Cơ cấu thu nhập của VIB năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các	4.895.476	62,48%	4.794.299	60,55%	3.868.418	62,58%



Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>khoản thu nhập tương tự</b>						
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	226.659	2,89%	278.915	3,52%	258.430	4,18%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.419.391	18,12%	2.348.438	29,66%	1.677.791	27,14%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	265.637	3,39%	95.935	1,21%	126.747	2,05%
Thu nhập từ hoạt động khác	1.027.684	13,12%	400.962	5,06%	250.285	4,05%
<b>Tổng</b>	<b>7.834.847</b>	<b>100,00%</b>	<b>7.918.549</b>	<b>100,00%</b>	<b>6.181.671</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2016)

Thu nhập của VIB năm 2015 chỉ tăng khoảng 1,07% so với năm 2014, trong đó, chiếm tỷ trọng cao nhất là thu nhập lãi từ hoạt động cho vay khách hàng, chiếm 67% tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự và chiếm 39,7% tổng thu nhập.

Trong năm 2015, thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng 65,5% so với năm 2014. Nguyên nhân chính là do VIB đã đẩy mạnh việc giảm thiểu rủi ro bằng nhiều công cụ tài chính phái sinh như hoán đổi, giao ngay và kỳ hạn nên đẩy hoạt động ngoại hối tăng đột biến và điều đó có nghĩa là thu nhập từ hoạt động này cũng tăng mạnh. Bên cạnh đó, VIB cũng muốn giúp cho khách hàng có nhu cầu về ngoại tệ tiếp cận được với nguồn vốn giá rẻ đặc biệt là nhu cầu về Đô la Mỹ (USD) trong thời gian qua.

Ở chiều ngược lại, Thu nhập từ hoạt động khác của VIB giảm hơn 60% so với năm 2014. Thu nhập từ hoạt động khác của ngân hàng là các khoản thu nhập từ nợ đã xóa, thanh lý tài sản, doanh thu từ công cụ tài chính phái sinh khác, các khoản thu bất thường khác, khoản doanh thu từ công ty con VIBAMC.... Nguyên nhân chính của việc giảm bất thường này là VIB bán công ty con là VIB Ngô Gia Tự sở hữu tòa nhà Cornerstone 16 Phan Chu Trinh và ghi nhận hơn 800 tỷ vào thu nhập bất thường làm cho khoản này tăng đột biến trong năm 2014.

- **Cơ cấu thu nhập thuần của VIB**

**Bảng 17. Cơ cấu thu nhập thuần của VIB trong năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
----------	------------	------------	------------

	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	2.213.286	67,04%	2.501.346	82,35%	1.828.642	75,77%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	151.519	4,59%	158.027	5,20%	160.590	6,65%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(23.982)	(0,73%)	(10.503)	(0,35%)	32.039	1,33%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	74.027	2,24%	89.392	2,94%	164.401	6,81%
Lãi thuần từ hoạt động khác	83.657	2,53%	257.011	8,46%	226.759	9,40%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	802.878	24,32%	42.166	1,39%	838	0,03%
<b>Tổng</b>	<b>3.301.385</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.037.439</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.413.269</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

**Bảng 18. Cơ cấu thu nhập thuần của VIB trong năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	2.312.549	66,64%	2.344.114	80,02%	1.841.079	75,15%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	145.285	4,19%	166.103	5,67%	166.889	6,81%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(23.982)	(0,69%)	(10.503)	(0,36%)	32.039	1,31%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	92.276	2,66%	88.991	3,04%	163.752	6,68%
Lãi thuần từ hoạt động khác	942.544	27,16%	320.353	10,94%	245.302	10,01%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1.403	0,04%	20.397	0,70%	838	0,03%
<b>Tổng</b>	<b>3.470.075</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.929.455</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.449.899</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2016)

Thu nhập thuần của VIB trong năm 2015 giảm nhẹ khoảng 15,5% so với 2014, nguyên nhân do năm 2014 phát sinh khoản lãi thuần đột biến từ việc bán công ty con.

Bên cạnh đó, mặc dù có mức tăng trưởng cao tuy nhiên thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối lại ghi nhận lỗ trong năm 2014 và 2015; nguyên nhân là do hạch toán trong chi phí và doanh thu của ngân hàng có sự khác biệt, cụ thể là phần chi phí từ hoạt động tự doanh và chi phí hoán đổi ngoại tệ để tài trợ cho các khoản vay của khách hàng được ghi nhận toàn bộ vào chi phí ngoại hối (2.358,9 tỷ trong năm 2015), trong khi đó cách ghi nhận thu nhập kinh doanh ngoại hối chỉ ghi nhận doanh thu từ hoạt động tự doanh, điều này đã gây ra chênh lệch chi phí cao hơn thu nhập làm hoạt động kinh doanh ngoại hối lỗ hơn 10 tỷ năm 2015 và hơn 23 tỷ năm 2014.

Đối với hoạt động thu góp vốn, mua cổ phần, trong năm 2015, mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ khoảng 0,7% tuy nhiên, phần doanh thu này lại tăng đột biến 14,5 lần so với năm 2014 là do khoản thu góp vốn năm 2015 có khoản thu của VIB Ngô Gia Tự khoảng 17 tỷ đồng.

## 6.2. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

**Bảng 19. Danh sách các sản phẩm công nghệ hoặc tài chính trong năm 2016**

	Tên dự án thực hiện năm 2016	Thời điểm nghiên cứu	Thời điểm triển khai
1	Hệ thống đối chiếu, tra soát số liệu kế toán & hồ sơ	8/2016	9/2017
2	Xây dựng tiêu chuẩn bảo mật cho hệ thống thanh toán thẻ	1/2016	6/2017
3	Nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi 2016	5/2016	12/2016
4	Hệ thống giám sát trạng thái ATM	1/2016	4/2017
5	Cải tiến hệ thống thẻ	3/2016	3/2017
6	Cung cấp công cụ & hạ tầng quản lý bán hàng sử dụng công nghệ số	1/2016	11/2016
7	Hệ thống đăng ký mở thẻ tín dụng online	1/2016	12/2016
8	Dự án liên kết ngân hàng - bảo hiểm nhân thọ	4/2016	11/2016
9	Dự án liên kết ngân hàng - bảo hiểm phi nhân thọ	5/2016	12/2016
10	Chương trình quản lý khách hàng trung thành	6/2016	9/2016
11	Ngân hàng số cho Khách hàng cá nhân	1/2016	12/2016
12	Ngân hàng số cho Khách hàng doanh nghiệp	1/2016	12/2016

	Tên dự án thực hiện năm 2016	Thời điểm nghiên cứu	Thời điểm triển khai
13	Hệ thống tính chỉ số an toàn vốn theo tiêu chuẩn Basel II	12/2014	12/2016
14	Nâng cấp hiệu suất trung tâm dữ liệu	4/2016	12/2016
15	Hệ thống tăng cường bảo mật thông tin	1/2016	3/2017
16	Dự án tư vấn cho chuyển đổi ngân hàng số	1/2016	8/2016
17	Dự án phần mềm kiểm thử ứng dụng	2/2016	10/2016
18	Dự án hệ thống báo cáo theo thông tư 35 của NHNN	4/2016	12/2016
19	Hệ thống kho dữ liệu, phân tích báo cáo & quản trị thông tin	1/2016	3/2017
20	Kiến trúc doanh nghiệp của quy trình xử lý trong kinh doanh	2/2016	2/2017
21	Hệ thống quy trình tín dụng	6/2016	2/2017
22	Xây dựng khung quản lý rủi ro hoạt động	1/2016	6/2017
23	Quản lý và tiếp nhận nhân sự	7/2016	12/2016

(Nguồn: VIB)

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hai năm gần nhất

### 7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

**Bảng 20. Kết quả kinh doanh giai đoạn 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	9 tháng đầu năm 2016
Tổng giá trị tài sản	79.327.501	84.592.672	6,64%	88.879.645
Vốn chủ sở hữu	8.486.686	8.567.692	0,95%	8.461.215
Doanh thu (thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự)	4.821.295	4.967.883	3,04%	3.868.417
Thuế TNDN	135.422	131.389	(2,98%)	80.611

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	9 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận trước thuế	616.957	622.441	0,89%	403.894
Lợi nhuận sau thuế	481.535	491.052	1,98%	323.282
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	5,83%	5,76%	-	-
Giá trị sổ sách/cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	19.969	17.684	-	17.464

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

**Bảng 21. Kết quả kinh doanh giai đoạn 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	9 tháng đầu năm 2016
Tổng giá trị tài sản	80.660.959	84.308.832	4,52%	88.609.821
Vốn chủ sở hữu	8.500.263	8.610.809	1,30%	8.525.095
Doanh thu (thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự)	4.895.476	4.794.299	(2,07%)	3.868.418
Thuế TNDN	125.683	134.078	6,68%	81.506
Lợi nhuận trước thuế	648.353	655.144	1,05%	408.369
Lợi nhuận sau thuế	522.670	521.066	(0,31%)	326.862
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	6,34%	6,09%	-	-
Giá trị sổ sách/cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	20.001	17.773	-	17.596

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2016)

Trong năm 2015, doanh thu đạt 4.794 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 84.309 tỷ đồng tăng 5% so với năm 2014, bên cạnh đó, VIB đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trước thuế 655 tỷ mà ĐHCĐ giao năm 2015, cổ tức duy trì ở mức 9-10% tiền mặt cộng với chi trả cổ phiếu thưởng ở mức cao.

Trong năm 2015, tăng trưởng tín dụng của VIB ở mức 25% trong bối cảnh tăng trưởng của toàn thị trường ở mức 18%. Số dư tài khoản tiền gửi tăng trưởng ổn định trong đó tiền gửi thanh toán tăng tốt ở mức 21%; các sáng kiến kinh doanh giúp cho việc tăng trưởng này bao gồm các giải pháp quản trị dòng tiền tiên tiến cho hệ thống khách hàng doanh nghiệp, các chiến dịch khuyến mãi lớn, các sáng kiến ngân hàng điện tử và chương trình khai thác hệ sinh thái khách hàng. Tổng số lượng khách hàng của VIB cũng tăng 11%, đạt trên 1.6 triệu khách hàng, trong đó khách hàng của khối ngân hàng bán lẻ đạt mức tăng 21%.

## **7.2. Những thuận lợi và khó khăn trong năm báo cáo**

### **• Thuận lợi:**

- Kinh tế Việt Nam với mục tiêu tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát đã có những phục hồi nhất định trong bối cảnh kinh tế thế giới bất ổn. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP nước ta phục hồi ở mức 6,68% trong năm 2015. Lạm phát được duy trì ở mức thấp và các biến động tỷ giá trong thời gian qua vẫn đang nằm trong tầm kiểm soát của ngân hàng nhà nước;
- NHNN đã ban hành và triển khai áp dụng một số quy định mới về an toàn hoạt động, phân loại nợ, giám sát, phòng ngừa, cảnh báo sớm rủi ro cũng như tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra các tổ chức tín dụng; hỗ trợ xử lý kịp thời những tổ chức tín dụng gặp khó khăn. Năm 2015 đã không xảy ra những vụ việc gây biến động lớn về thanh khoản, về an toàn hoạt động trong ngân hàng. Lòng tin của doanh nghiệp và công chúng đối với hệ thống được củng cố hơn trước;
- Ngành Ngân hàng đang ở giai đoạn cao điểm của đề án tái cơ cấu các Tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015. Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã tiến hành tái cơ cấu, hợp nhất, mua lại với giá "0" đồng một số tổ chức tín dụng. Đến cuối năm 2015 tỷ lệ nợ xấu của các TCTD chưa bao gồm VAMC được báo cáo là đã giảm xuống dưới 3%. Tăng trưởng tín dụng toàn ngành tăng từ mức 9% của năm 2012 lên 18% năm 2015 (nguồn: NHNN);
- Ứng dụng công nghệ xử lý nghiệp vụ TTQT của VIB: hiện đại hóa các chương trình, ứng dụng nhằm đáp ứng yêu cầu công việc thông qua việc nâng cấp và khai thác các tính năng trên hệ thống Core banking, mạng Swift đáp ứng kịp thời hoạt động TTQT;
- Quản lý rủi ro của VIB hoạt động tốt: thường xuyên cập nhật các chính sách và cơ chế kiểm soát tuân thủ hoạt động phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố (AML/CTF) với các công cụ hiện đại và hiệu quả từ các nhà cung cấp nước ngoài; Xây dựng trung tâm dữ liệu và phục hồi thảm họa (DCDR) và hệ thống duy trì tính liên tục trong kinh doanh (BCP) cho kênh thanh toán quốc tế (SWIFT).

### **• Khó khăn:**

- Tỷ giá hối đoái đến cuối năm 2015 bắt đầu có áp lực theo hướng giảm giá VND, do việc Trung Quốc và các đối tác thương mại lớn nới lỏng chính sách tiền tệ, giảm giá đồng nội tệ; cũng như do USD tăng giá; thâm hụt thương mại trở lại, dự trữ ngoại hối chính thức giảm còn khoảng 9 tuần nhập khẩu; cán cân thanh toán tổng thể năm 2015 thâm hụt. Việc đưa lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngoại tệ về 0%/năm cũng ít nhiều làm giảm áp lực giảm mạnh giá VND;
- Về tình hình xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, những biện pháp thúc đẩy xử lý nợ xấu – thông qua việc VAMC tăng mua nợ; các tổ chức tín dụng tự xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro;

giảm phát sinh nợ xấu mới trong khi tổng dư nợ tín dụng tăng nhanh (18%) đã làm cho nợ xấu bình quân toàn hệ thống xuống dưới 3%, đạt mục tiêu đề ra; tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn cho việc xử lý dứt điểm nợ xấu tồn đọng, khi chưa có nguồn tài chính thực từ bên ngoài hệ thống, khi thị trường và khuôn khổ pháp lý cho mua bán nợ xấu còn nhiều vướng mắc;

- Việc thông tư 36/2014/TT-NHNN có hiệu lực cũng gây ra một số khó khăn đối với hệ thống ngân hàng; giới hạn cấp tín dụng bị thu hẹp, giới hạn đầu tư trái phiếu chính phủ, tỷ lệ về khả năng chi trả, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, việc này đòi hỏi các ngân hàng phải cấu trúc lại các danh mục tài sản có cũng như tài sản nợ của ngân hàng để tuân thủ theo quy định; việc tái cấu trúc này đã ảnh hưởng đến kết quả và chiến lược kinh doanh của các ngân hàng.

## **8. Vị thế của VIB so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành**

### **8.1. Vị thế của VIB trong ngành**

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – VIB được thành lập vào năm 1996, VIB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với tổng tài sản đạt gần 86 nghìn tỷ đồng, vốn điều lệ 5.644 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt hơn 8.500 tỷ đồng. Ngân hàng hiện có gần 4.000 cán bộ nhân viên phục vụ khách hàng tại 151 chi nhánh và phòng giao dịch tại trên 27 tỉnh/thành trọng điểm trong cả nước. Với chiến lược tăng trưởng nhất quán “Quản trị tăng trưởng – Quản trị Rủi Ro – Quản trị hiệu quả”, VIB đã có mức tăng trưởng tín dụng và huy động bền vững, an toàn qua các năm, từng bước dành được niềm tin của khách hàng và thị phần trên thị trường. Thị phần huy động của Ngân hàng chiếm khoảng 5% / thị phần huy động, thị phần cho vay chiếm khoảng 5.5% / thị phần cho vay trong nhóm các Ngân hàng TMCP. Ngoài ra, với một mạng lưới bán lẻ rộng lớn và hiệu quả, VIB đã ký kết thoả thuận đối tác với Prudential Việt Nam, trở thành đối tác cùng triển khai mô hình kinh doanh bảo hiểm nhân thọ qua ngân hàng, một thị trường tiềm năng và đầy mới mẻ khi mới chỉ có khoảng 7% trên 90 triệu dân số Việt Nam có bảo hiểm nhân thọ.

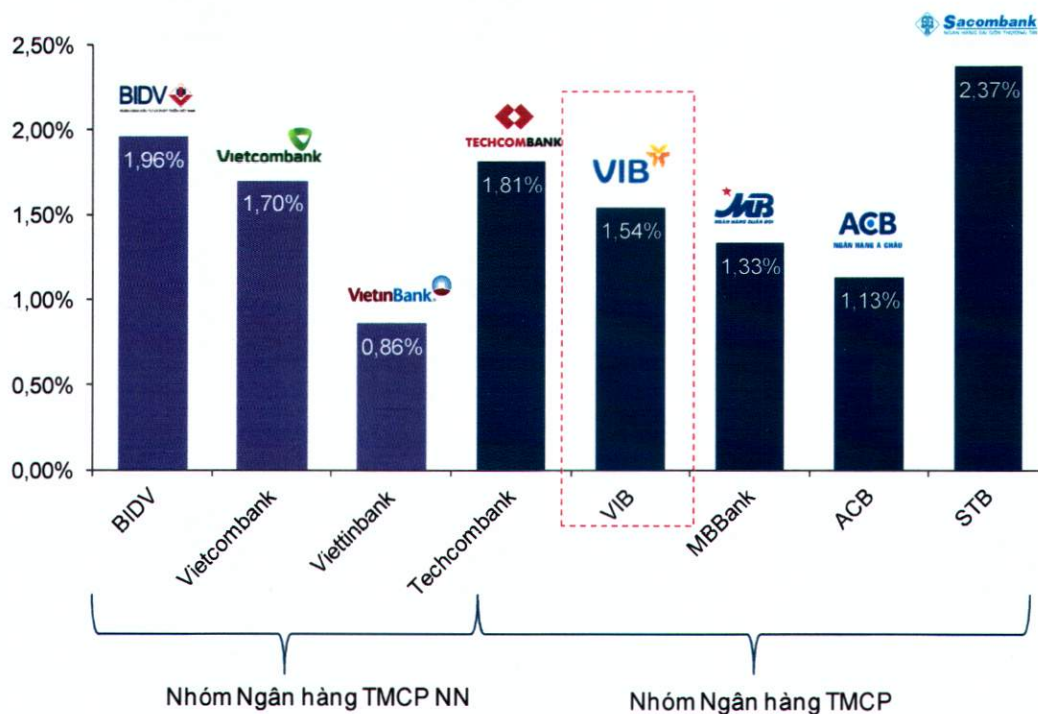
#### **8.1.1. Chất lượng lợi nhuận và khả năng sinh lời**

Việc đánh giá về lợi nhuận và khả năng sinh lời của Ngân hàng là cần thiết, giúp đánh giá tình hình hoạt động cũng như những rủi ro mà ngân hàng và nhà đầu tư có thể gặp phải, cụ thể là từ hoạt động tài trợ vốn, nếu ngân hàng đang gặp vấn đề thì chi phí đi vay trên thị trường liên ngân hàng sẽ cao hơn và khách hàng sẽ yêu cầu mức lãi suất tiền gửi cao hơn tương đương với những lo ngại về rủi ro tăng. Việc xem xét về chất lượng lợi nhuận còn giúp việc đầu tư và phân tích tài chính một cách hợp lý nhất, ngoài ra đây cũng là những chỉ tiêu để xét khả năng cho vay hoặc đi vay trên thị trường liên ngân hàng. Các chỉ tiêu tài chính thường được sử dụng để đánh giá về lợi nhuận và khả năng sinh lời của Ngân hàng là Tỷ lệ nợ xấu, chỉ tiêu khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) và trên tổng tài sản (ROA) và tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM).

##### **• Tỷ lệ nợ xấu**

Chất lượng lợi nhuận và khả năng sinh lời có thể bị ảnh hưởng từ việc cho vay quá nhiều, không có đủ nguồn tiền trả nợ và trả lãi cho khách hàng làm phát sinh nợ xấu, ngân hàng có khả năng mất vốn. Tỷ lệ nợ xấu trong 9 tháng 2016 của hệ thống ngân hàng Việt Nam là 2,66%, tăng so với mức 2,55% cuối năm 2015 do yếu tố quá khứ có một lượng lớn nợ xấu trước đây đã được cơ cấu, ngoài ra, VAMC hầu như không mua mà chủ yếu tập trung xử lý nợ xấu cũ.

**Hình 4. Tỷ lệ nợ xấu một số ngân hàng trong 9 tháng đầu năm 2016**



(Nguồn: Tính toán từ BCTC Quý III năm 2016 của các Ngân hàng)

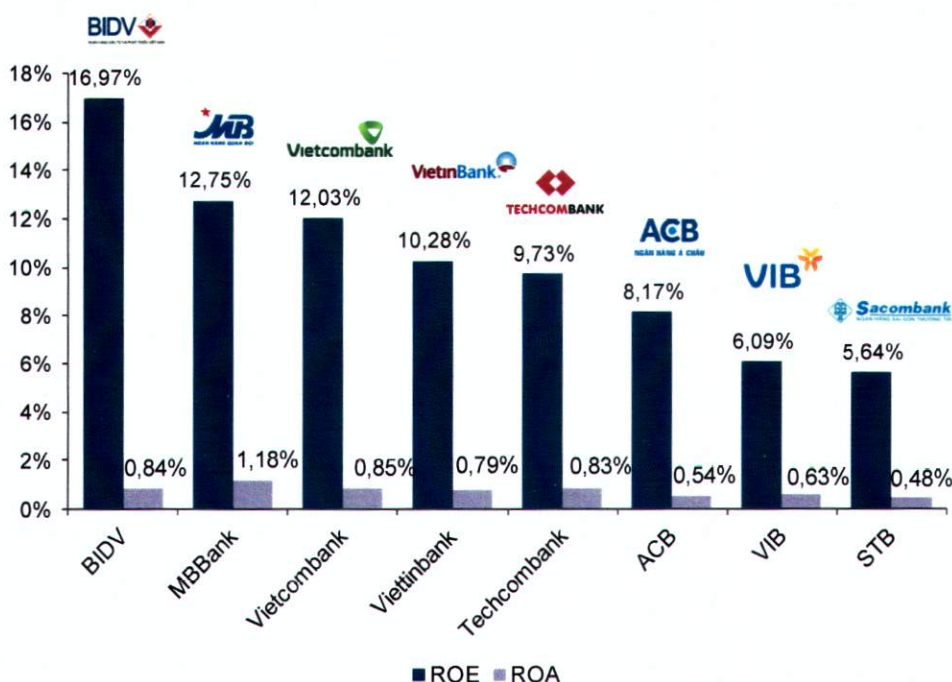
Trong 9 tháng đầu năm 2016, VIB có mức tỷ lệ nợ xấu giảm, đạt tỷ lệ 1,54%, đứng thứ ba trong nhóm Ngân hàng TMCP và đứng thứ 5 trong nhóm 8 ngân hàng lớn hiện nay, với tổng nợ xấu là 823 tỷ đồng, giảm 20,1% so với thời điểm 31/12/2015.

• **Chỉ số ROE và ROA**

ROE và ROA là 2 chỉ số tiêu biểu dùng để đánh giá lợi nhuận của ngân hàng

**Hình 5. ROE và ROA ngành ngân hàng năm 2015**





(Nguồn: Tính toán từ BCTC hợp nhất năm 2015 của các Ngân hàng)

So sánh theo chỉ tiêu khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) và trên tổng tài sản (ROA), VIB thuộc nhóm các ngân hàng có ROE nhỏ hơn 10%, ghi nhận 6,09%.

Đối với chỉ số ROA, tại thị trường ngân hàng Việt Nam hiện nay, chỉ số ROA chủ yếu nằm trong ngưỡng từ 0,5% đến 1 %, trong đó có VIB, với ROA là 0,63%. Với nhóm ngân hàng có chỉ số ROA từ 1% đến 2% cho thấy hiệu quả của ngân hàng tốt, lợi nhuận cao tuy nhiên cần lưu ý đến những mô hình bất thường trong hoạt động hoặc ngân hàng tham gia vào các nghiệp vụ cho lợi nhuận cao, đi kèm rủi ro cao.

• **Chỉ số NIM**

Chỉ số NIM là chỉ số đặc trưng đánh giá khả năng sinh lời của ngân hàng. Thực tế là khi hoạt động chính của một ngân hàng thương mại là cho vay, sau sẽ phát sinh thêm một số hoạt động khác như kinh doanh chứng khoán, các công cụ phái sinh, dịch vụ bảo lãnh, giao dịch ngoài hối...để tăng khả năng sinh lời của ngân hàng. Tuy nhiên hoạt động tiền gửi và cho vay vẫn chiếm phần lớn doanh thu của các ngân hàng.

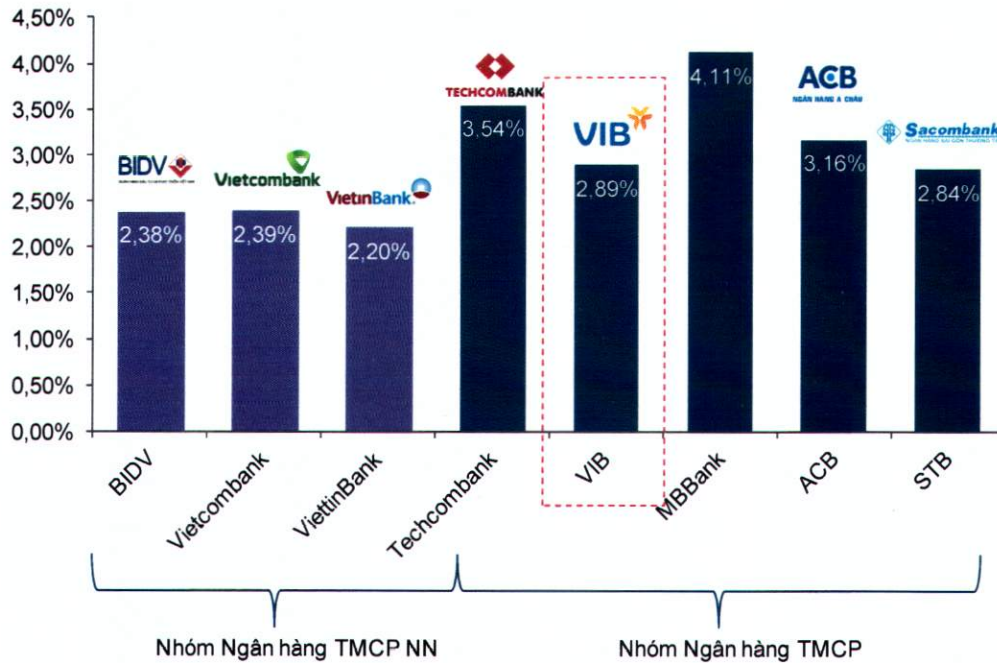
Công thức tính chỉ số NIM như sau:

$$\text{Chỉ số NIM} = \frac{\text{Thu nhập lãi thuần}}{\text{Tổng tài sản sinh lời bình quân}^{(*)}}$$

(\*) Trong đó tổng tài sản sinh lời bình quân bao gồm tiền gửi tại NHNN, tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng, Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác, cho vay khách hàng và chứng khoán đầu tư.

Khi xét chỉ số NIM, Một ngân hàng có khả năng phân bổ tài sản vào các tài sản sinh lãi tốt nhất, cho thu nhập ròng lãi vay trong kỳ tốt nhất sẽ cho chỉ số NIM cao.

**Hình 6. Chỉ số biên lợi nhuận lãi vay ròng năm 2015**



(Nguồn: Tính toán từ BCTC hợp nhất năm 2015 của các Ngân hàng)

Đối với chỉ tiêu NIM, một ngân hàng có khả năng phân bổ tài sản vào các tài sản sinh lãi tốt nhất, cho thu nhập ròng lãi vay trong kỳ tốt nhất do hoạt động huy động và cho vay hiệu quả, phân bổ nguồn vốn hiệu quả sẽ có chỉ số NIM cao. Tùy thuộc vào chu kỳ tín dụng và các chính sách điều tiết của Ngân hàng Nhà Nước hoặc do chính sách cho vay của từng ngân hàng sẽ có các chỉ số NIM ở các thời kỳ khác nhau giữa các thời kỳ và giữa các ngân hàng.

Trong năm 2015, chỉ số NIM của VIB nằm ở mức trung bình.

### 8.1.2. Hệ thống quản trị rủi ro

VIB là một trong 10 ngân hàng được NHNN lựa chọn, là nhóm ngân hàng đầu tiên để tuân thủ Basel II. Việc giới thiệu Basel II là một bước tiến tích cực đối với ngành ngân hàng Việt Nam. Basel II sẽ giúp dịch chuyển ngành ngân hàng Việt Nam sang tiêu chuẩn quốc tế đối với việc tính toán vốn, thực tiễn quản trị rủi ro và thuyết quản trị thị trường. Là một trong những ngân hàng được chọn cho tuân thủ Basel II, VIB đang phối hợp chặt chẽ với NHNN trong suốt quá trình triển khai nhằm đảm bảo rằng khuôn khổ Basel II ở Việt Nam phù hợp với thị trường Việt Nam. Chương trình Basel II tại VIB được sự hỗ trợ trực tiếp của cố đồng chiến lược, Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia (CBA) - một trong 10 ngân hàng lớn nhất thế giới tính theo vốn hóa thị trường. Ngoài ra, CBA cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên trên thế giới tuân thủ Basel II và III, đây là một trong những điều kiện hết sức thuận lợi giúp VIB tiếp cận với những điểm mạnh, kiến thức và các kỹ năng trong quá trình thực hiện dự án. Bên cạnh đó, VIB có vị trí vốn lành mạnh, khẩu vị rủi ro và chính sách dự phòng minh bạch cộng với một nền tảng công nghệ ổn định để thực hiện Basel II.

### 8.1.3. Xếp hạng tín nhiệm Quốc tế

Trong năm 2015, VIB được Moody's tiếp tục xếp hạng tín nhiệm cao nhất trong số 10 ngân hàng lớn ở Việt Nam được Moody's xếp hạng về chỉ số sức mạnh tài chính và nâng triển vọng từ mức "Ổn định" lên "Tích cực". Đến hết quý III/2016, VIB được Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm cơ sở ở mức B2 và tiếp tục nằm trong nhóm ngân hàng có chỉ số tín nhiệm dẫn đầu thị trường; căn cứ để nâng xếp hạng:

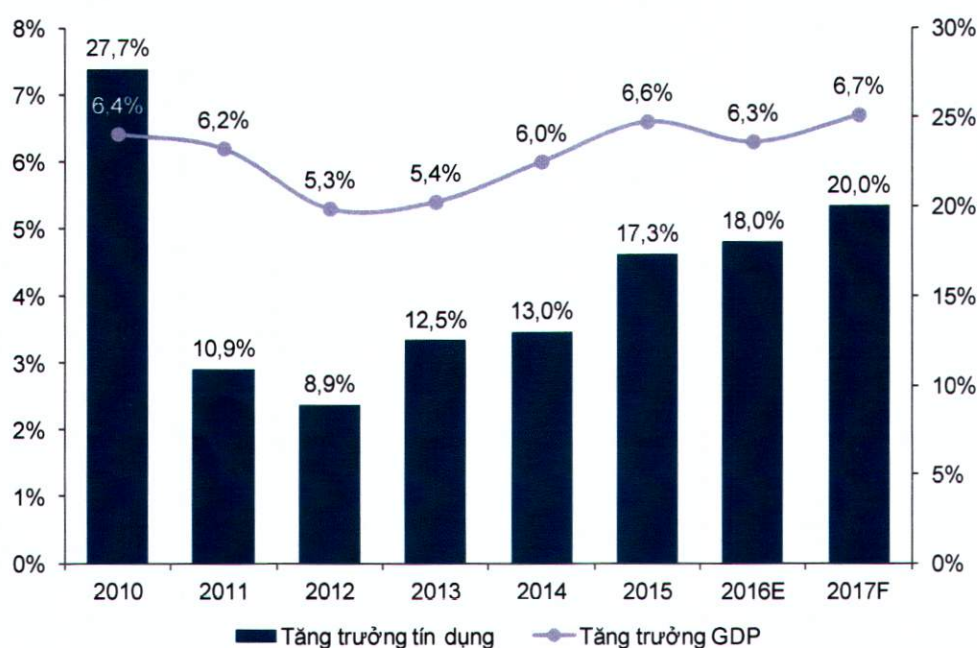
- Chất lượng vốn chủ sở hữu tốt với hệ số an toàn vốn nằm trong nhóm cao nhất thị trường;
- Hạn chế cho vay khách hàng rủi ro, tích cực trong việc tăng cường chất lượng tài sản và trích lập dự phòng cao;
- Bảng tổng kết tài sản có tính thanh khoản cao;
- Quản trị doanh nghiệp tốt với việc xây dựng và áp dụng các chuẩn mực quốc tế và sự tham gia hỗ trợ của cổ đông chiến lược CBA (đang sở hữu 20% vốn tại VIB).

### 8.2. Triển vọng phát triển của ngành Ngân hàng

#### • Tăng trưởng tín dụng và thanh khoản thị trường

Trong thời gian qua, ngành ngân hàng đã có được mức tăng trưởng đáng kể cả về quy mô cũng như số lượng. Tính đến nay, Việt Nam có khoảng 30 ngân hàng hoạt động dưới hình thức thương mại cổ phần, 4 ngân hàng TMHH MTV do nhà nước quản lý, và nhiều ngân hàng nước ngoài là liên doanh khác. Việc gia tăng quy mô hoạt động của các ngân hàng cho thấy sức hấp dẫn của ngành Ngân hàng Việt Nam đối với các nhà đầu tư cũng như các tổ chức tài chính quốc tế.

**Hình 7. Tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng GDP qua các năm**



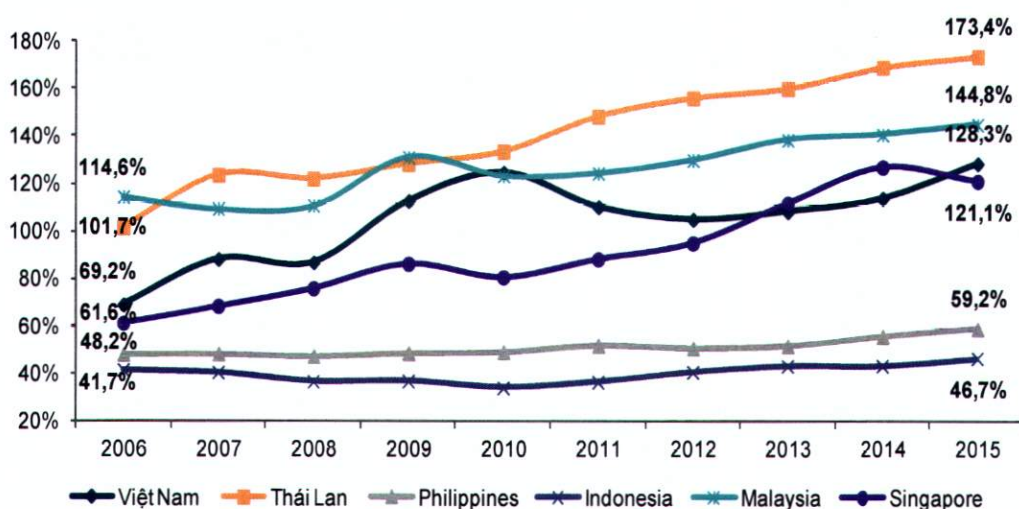
(Nguồn: GSO và WorldBank)

Bên cạnh những tăng trưởng về quy mô, hoạt động ngân hàng cũng tăng trưởng mạnh mẽ, tăng trưởng tín dụng tính đến hết năm 2015 đạt 17,3%, gấp 2,6 lần GDP là mức cao nhất kể từ năm

2011 đến nay. Mức tăng chung phản ánh tích cực về nhu cầu vốn trên diện rộng, trong đó có sự đóng góp của yếu tố lãi suất. Theo Ngân hàng Nhà nước, lãi suất cho vay giảm từ 20 đến 35 điểm cơ bản, xuống mức khoảng 7,8% với ngắn hạn và 9,9% đối với vay trung và dài hạn.

Năm 2016 là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020, trong bối cảnh Việt Nam đã gia nhập cộng đồng kinh tế Asean (AEC), tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) và thực hiện Hiệp định thương mại tự do FTA với liên minh Á – Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản. Hội nhập sâu rộng mở ra nhiều cơ hội phát triển trong năm 2016, từ đó giúp thúc đẩy tăng trưởng các hoạt động cho vay của toàn hệ thống cũng như tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Dự báo tốc độ tăng trưởng hoạt động tín dụng sẽ đạt 18% - 20% trong 2 năm tới, cao gấp 3 lần dự báo tăng trưởng kinh tế. Tính đến hết quý III năm 2016, tăng trưởng tín dụng đạt 11,74% so với đầu năm, theo NHNN, tín dụng có tính mùa vụ vào quý cuối năm, ước tính mỗi tháng quý cuối sẽ tăng 2% tín dụng, do đó khả năng tăng trưởng tín dụng sẽ hoàn thành kế hoạch đã đề ra trong năm 2016.

**Hình 8. Tỷ lệ tín dụng nền kinh tế so với GDP (%) của một số quốc gia Đông Nam Á**



(Nguồn: WorldBank)

So sánh tỷ lệ tăng trưởng tín dụng trên GDP của Việt Nam với các nước trong khu vực Đông Nam Á; giai đoạn 2007-2008 là thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu, tuy nhiên mức độ tác động đến ngành ngân hàng trong khu vực là không nhiều; ngoại trừ tỷ lệ của Singapore tiếp tục tăng đều, các quốc gia khác đều có tỷ lệ giảm không đáng kể. Kể từ sau năm 2008, tỷ lệ tín dụng nền kinh tế so với GDP đang tăng dần qua các năm; hiện tại, tỷ lệ này của Việt Nam (128,3%) đang đứng thứ 3 trong số các nước ASEAN, chỉ đứng sau Thái Lan (173,4%) và Malaysia (144,8%). Tỷ lệ tín dụng/GDP cho thấy hệ thống Ngân hàng Việt Nam vẫn có tiềm năng tăng trưởng trong giai đoạn tới; ngoài 2 mảng hoạt động truyền thống là tín dụng và huy động vốn, mảng hoạt động dịch vụ cũng có sự phát triển mạnh mẽ. Các ngân hàng đang đầu tư nhiều vào công nghệ, giảm thiểu rủi ro nhằm tăng tính minh bạch và ổn định hướng đến chuẩn mực Basel II và III.

Về thanh khoản, thị trường liên ngân hàng liên tục ghi nhận trạng thái dư thừa thanh khoản của các TCTD, thể hiện mạnh nhất qua việc giảm lãi suất trong nửa sau năm 2016. Trong năm 2015,

mặc dù hoạt động tín dụng cho vay tăng trưởng cao nhưng thanh khoản các thị trường vẫn duy trì ổn định, lãi suất thị trường liên ngân hàng dao động từ khoảng 2-4%. Tuy nhiên, việc ban hành thông tư 06/2016/TT-NHNN vào tháng 5 năm 2016 đã nói lỏng hơn về tỷ lệ an toàn của các TCTD giúp giảm sức ép thanh khoản đối với các ngân hàng; từ đó, lãi suất liên ngân hàng liên tục giảm mạnh, cụ thể lãi suất liên ngân hàng qua đêm tại thời điểm 08/11/2016 chỉ ghi nhận 0,7% trong khi đầu năm, mức lãi suất là 4,9%.

**Hình 9. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm của Việt Nam qua các năm**



(Nguồn: Bloomberg và SBV)

Dự báo trong năm 2017, lãi suất liên ngân hàng sẽ tăng thêm do lạm phát năm 2017 dự kiến sẽ cao hơn 2016 và 2015 và do nhu cầu tăng vốn huy động của hệ thống TCTD nhằm đáp ứng thông tư 06 mới. Bên cạnh đó, dự báo lãi suất cho vay sẽ vẫn trong mức kiểm soát để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

**• Yếu tố chính sách**

Thông tư 06/2016/TT-NHNN được ban hành ngày 27/05/2016 sửa đổi thông tư 36/2014/TT-NHNN được ban hành ngày 20/11/2014 có một số điều chỉnh nhằm hướng đến chuẩn mực Basel II sau:

- Thứ nhất, Thông tư 06 giữ nguyên quy định tỷ lệ an toàn vốn và vẫn siết chặt các tài sản có độ rủi ro lớn để nâng cao chất lượng tài sản cho hệ thống ngân hàng, mà cụ thể ở đây là các khoản phải đòi từ kinh doanh bất động sản (thực hiện có lộ trình). Điều này không chỉ giúp ngân hàng tăng cường năng lực đề kháng rủi ro, mà còn đạt được hiệu quả về ngăn chặn hành vi kinh doanh mạo hiểm, tránh các chiến lược kinh doanh tăng trưởng nóng;
- Thứ hai, Thông tư 06 tiến đến giảm tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn theo lộ trình. Đây là một quyết định đúng đắn nhằm cho các ngân hàng có thời gian chuyển đổi cơ cấu kỳ hạn giữa tài sản Có và tài sản Nợ, đồng thời tránh hiện tượng gây sốc. Ngoài ra, về lâu dài, quy định này sẽ giúp hệ thống ngân hàng trở về bản chất là một chủ thể hoạt động trên thị trường tiền tệ và phòng tránh nhiều rủi ro hệ thống tác động;

- Thứ ba, Thông tư 06 được ban hành dựa trên sự lắng nghe, tiếp thu từ nhiều ý kiến khác nhau. Vì vậy, Thông tư vừa giải quyết được lợi ích của các nhóm kinh doanh và vừa hòa hợp với mục tiêu hoạch định chính sách của NHNN.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai các giải pháp tái cơ cấu ngành ngân hàng giai đoạn 2016 – 2020 theo đề án tái cơ cấu các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giao đoạn 2016 – 2020, trên cơ sở tổng kết đề án số 254/QĐ-TTg ngày 01/03/2012.

- Mục tiêu của đề án này là tiếp tục cơ cấu lại căn bản hệ thống các TCTD. Một số giải pháp trọng tâm dự kiến nêu tại Đề án này là tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp cơ cấu lại các TCTD theo mục tiêu, định hướng phát triển hệ thống các TCTD đến năm 2020; xử lý kiên quyết, dứt điểm các TCTD yếu kém, đặc biệt chú trọng nghiên cứu, đề xuất các biện pháp quản lý, giám sát, cơ chế hỗ trợ cơ cấu lại các NHTM được NHNN mua lại; triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nêu tại Đề án xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD nhằm duy trì bền vững tỷ lệ nợ xấu dưới 3%; kết hợp xử lý nợ xấu với triển khai các biện pháp phòng ngừa, hạn chế nợ xấu mới phát sinh và nâng cao chất lượng tín dụng của các TCTD;
- Năm 2016, NHNN vẫn tiếp tục chủ động triển khai các giải pháp cơ cấu lại các TCTD, xử lý nợ xấu gắn với việc triển khai Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế; đẩy mạnh xử lý nợ xấu theo cơ chế thị trường; thực hiện phân loại các khoản nợ đã mua từ TCTD để có biện pháp xử lý nợ xấu một cách hiệu quả.

**9. Chính sách đối với người lao động**

**9.1 Số lượng người lao động trong Ngân hàng**

**Bảng 22. Số lượng lao động tại ngày 30/09/2016**

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I. Phân theo giới tính</b>	<b>4025</b>	<b>100%</b>
Nam	1672	42%
Nữ	2353	58%
<b>II. Phân loại theo trình độ</b>	<b>4025</b>	<b>100%</b>
Cán bộ có trình độ trên đại học	260	6%
Cán bộ có trình độ đại học	3328	83%
Cán bộ có trình độ cao đẳng	250	6%
Cán bộ có trình độ trung cấp, sơ cấp	101	3%
Cán bộ có trình độ phổ thông	86	2%
<b>III. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>4025</b>	<b>100%</b>
Cán bộ quản lý	551	14%
Chuyên viên/ Nhân viên	3474	86%

(Nguồn: VIB)

## **9.2 Chính sách với người lao động**

### **• Chế độ làm việc**

- Thời gian làm việc: 44h/tuần, 6 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, Ngân hàng có thể yêu cầu CBNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.
- Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên Ngân hàng được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước. Những CBNV có thời gian làm việc tại Ngân hàng từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những CBNV có thời gian làm việc tại Ngân hàng chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.
- Nghỉ ốm, thai sản: CBNV Ngân hàng khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động
- Điều kiện làm việc: Ngân hàng luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Ngân hàng trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

### **• Chính sách tuyển dụng**

Nguồn nhân lực là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với bất kỳ doanh nghiệp nào. Nhận thức được điều này, VIB xác định mục tiêu tuyển dụng của Ngân hàng là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, năng lực, đáp ứng được yêu cầu công việc và góp phần vào chiến lược phát triển lâu dài của Ngân hàng. Việc tuyển dụng được dựa trên nhu cầu lao động. Ngân hàng tiến hành thi tuyển với những tiêu chuẩn nhất định mà Ngân hàng đã đặt ra. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên tố chất, năng lực, kinh nghiệm và thái độ làm việc của mỗi ứng viên.

### **• Chính sách phúc lợi và đãi ngộ**

- VIB áp dụng chế độ đãi ngộ cạnh tranh theo định hướng gắn với mức độ đóng góp và hiệu quả làm việc cao của CBNV, bao gồm: cơ chế lương thưởng cạnh tranh; môi trường dân chủ để mỗi CBNV được phát triển bản thân; Môi trường hiện đại để CBNV học hỏi được những kiến thức theo chuẩn quốc tế; Nơi làm việc khang trang, hiện đại; xây dựng chế độ thưởng cổ phiếu gắn kết CBNV;
- Tất cả nhân viên chính thức của VIB đều được hưởng các chế độ phụ cấp và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, tùy theo công việc đảm nhận, CBNV còn nhận được các phụ cấp khác: phụ cấp rủi ro tiền mặt, phụ cấp đi lại, phụ cấp kiêm nhiệm...vv;
- Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, VIB còn áp dụng các chương trình phúc lợi riêng cho nhân viên: chế độ nhân dịp các ngày lễ lớn (Tết dương lịch, Tết Nguyên đán, 30/4, 01/5, 02/9), chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện, phụ cấp ăn trưa, phụ cấp điện thoại, cho vay lãi suất ưu đãi, chương trình khen thưởng nhân viên xuất sắc.

### **• Môi trường, điều kiện làm việc**

Nhân viên của Ngân hàng được bảo đảm làm việc trong một môi trường làm việc tiện nghi, vệ sinh và an toàn lao động. Toàn bộ nhân viên được cung cấp đủ các thiết bị văn phòng cần thiết.

## 10. Chính sách cổ tức

Ngân hàng thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Ngân hàng và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở:

- Lợi nhuận sau thuế mà Ngân hàng thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Ngân hàng;
- Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý;
- Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây nhất của VIB như sau:

**Bảng 23. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần nhất**

Năm	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	Phương thức chia cổ tức
2014	9%	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2015	8,5%	Trả cổ tức bằng tiền mặt

(Nguồn: VIB)

## 11. Tình hình tài chính

### 11.1. Trích khấu hao TSCĐ

VIB tiến hành trích khấu hao theo đúng quy định của nguyên tắc kế toán. Tài sản cố định được VIB khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tình hình khấu hao TSCĐ tại Ngân hàng như sau:

- |   |                    |
|---|--------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc:                     | 05 - 50 năm        |
| - Máy móc, thiết bị:                          | 05 - 07 năm        |
| - Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn: | 08 - 10 năm        |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý:                   | 04 - 05 năm        |
| - Tài sản cố định hữu hình khác:              | 04 - 05 năm        |
| - Quyền sử dụng đất (*):                      | theo thời hạn thuê |
| - Phần mềm máy tính:                          | 04 - 05 năm        |
| - Tài sản cố định vô hình khác:               | 04 năm             |

### 11.2. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân năm 2015 của cán bộ nhân viên tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam là: **19.088.011 đồng/người/tháng** (đã bao gồm thưởng).

### 11.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng

**Bảng 24. Chỉ tiêu tài chính của Ngân hàng (Ngân hàng mẹ)**



Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm so với 2014	9 tháng 2016
<b>1. Quy mô vốn</b>					
+ Vốn điều lệ	triệu đồng	4.250.000	4.845.000	14,0%	4.845.000
+ Tổng tài sản có	triệu đồng	79.327.501	84.592.672	6,6%	88.879.645
+ Hệ số an toàn vốn	%	18,5%	17,8%	-	15,3%
<b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
+ Doanh số huy động tiền gửi	triệu đồng	5.812.481	4.252.055	(26,8%)	6.475.341
+ Doanh số cho vay	triệu đồng	66.604.910	72.104.680	8,3%	55.632.472
+ Doanh số thu nợ	triệu đồng	64.318.299	62.627.753	(2,6%)	49.007.124
+ Nợ quá hạn	triệu đồng	1.580.409	1.373.936	(13,1%)	1.308.567
+ Nợ khó đòi	triệu đồng	959.887	989.176	3,1%	823.456
+ Hệ số sử dụng vốn	%	0,78%	0,90%	-	0,89%
+ Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/tổng số dư bảo lãnh	%	4,1%	2,9%	-	2,5%
+ Tỷ lệ nợ khó đòi/tổng dư nợ	%	2,5%	2,1%	-	1,5%
<b>3. Khả năng thanh toán</b>					
+ Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung và dài hạn	%	27,7%	39,3%	-	51,5%
+ Tỷ lệ khả năng chi trả	%	42% <sup>(1)</sup>	57% <sup>(2)</sup>	-	68,01% <sup>(2)</sup>

(Nguồn: Tính toán từ BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

(1) Tỷ lệ khả năng chi trả ngay áp dụng theo thông tư 13/2010/TT-NHNN

(2) Tỷ lệ khả năng chi trả trong vòng 30 ngày áp dụng theo thông tư 36/2014/TT-NHNN

**Bảng 25. Chỉ tiêu tài chính của Ngân hàng (Hợp nhất)**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm so với 2014	9 tháng 2016
<b>1. Quy mô vốn</b>					
+ Vốn điều lệ	triệu đồng	4.250.000	4.845.000	14,00%	4.845.000
+ Tổng tài sản có	triệu đồng	80.660.959	84.308.832	4,52%	88.609.821
+ Hệ số an toàn vốn	%	17,71%	18,04%	-	15,6%

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm so với 2014	9 tháng 2016
<b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
+ Doanh số huy động tiền gửi	triệu đồng	5.812.481	4.252.055	(26,8%)	6.475.341
+ Doanh số cho vay	triệu đồng	66.604.910	72.104.680	8,3%	55.632.472
+ Doanh số thu nợ	triệu đồng	64.318.299	62.627.753	(2,6%)	49.007.124
+ Nợ quá hạn	triệu đồng	1.580.409	1.373.936	(13,1%)	1.308.567
+ Nợ khó đòi	triệu đồng	959.887	989.176	3,1%	823.456
+ Hệ số sử dụng vốn	%	0,78%	0,90%	-	0,89%
+ Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/tổng số dư bảo lãnh	%	4,1%	2,9%	-	2,5%
+ Tỷ lệ nợ khó đòi/tổng dư nợ	%	2,5%	2,1%	-	1,5%
<b>3. Khả năng thanh toán</b>					
+ Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung và dài hạn	%	27,7%	39,3%	-	51,5%
+ Tỷ lệ khả năng chi trả	%	42% <sup>(1)</sup>	57% <sup>(2)</sup>	-	68,01% <sup>(2)</sup>

(Nguồn: Tính toán từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2016)

(1) Tỷ lệ khả năng chi trả ngay trong vòng 7 ngày áp dụng theo thông tư 13/2010/TT-NHNN

(2) Tỷ lệ khả năng chi trả trong vòng 30 ngày áp dụng theo thông tư 36/2014/TT-NHNN

## 12. Tài sản

**Bảng 26. Cơ cấu tài sản tại ngày 30/09/2016 (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>1</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>728.184</b>	<b>484.910</b>	<b>243.274</b>
	Nhà cửa, vật kiến trúc	103.666	37.904	65.762
	Máy móc thiết bị	420.640	307.473	113.166
	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	62.240	50.481	11.759
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	41.941	24.486	17.455
	TSCĐ hữu hình khác	99.698	64.565	35.133

<b>2</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>289.419</b>	<b>174.163</b>	<b>115.256</b>
	Quyền sử dụng đất	-	-	-
	Phần mềm máy vi tính	277.635	165.409	112.226
	TSCĐ vô hình khác	11.786	8.755	3.031

(Nguồn: BCTC riêng Quý III năm 2016)

**Bảng 27. Cơ cấu tài sản tại ngày 30/09/2016 (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>1</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>730.134</b>	<b>486.682</b>	<b>243.452</b>
	Nhà cửa, vật kiến trúc	103.666	37.904	65.762
	Máy móc thiết bị	420.640	307.473	113.166
	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	64.157	52.221	11.936
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	41.973	24.519	17.455
	TSCĐ hữu hình khác	99.698	64.565	35.133
<b>2</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>329.662</b>	<b>174.377</b>	<b>155.285</b>
	Quyền sử dụng đất	39.859	-	39.859
	Phần mềm máy vi tính	278.018	165.623	112.396
	TSCĐ vô hình khác	11.786	8.755	3.031

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III năm 2016)

**13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam dự kiến kế hoạch năm 2016 và 2017 như sau:

- Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:

**Bảng 28. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017 <sup>(2)</sup>	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2015	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2016
Doanh thu thuần <sup>(1)</sup>	2.344.114	-	-	-	-

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017 <sup>(2)</sup>	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2015	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2016
Lợi nhuận sau thuế	521.066	540.000	3,63%	-	-
Vốn điều lệ	4.845.000	5.644.000	16,49%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	22,22%	-	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VĐL	10,75%	9,57%	-	-	-
Cổ tức	8,5%	10%	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên năm 2016 của VIB)

(1) VIB không đặt kế hoạch về doanh thu thuần năm 2016

(2) VIB chưa họp ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch năm 2017

• **Căn cứ đạt Kế hoạch và lợi nhuận đề ra**

Năm 2016 mở đầu cho một giai đoạn mới với nhiều thay đổi về chính trị và kinh tế xã hội. Đây được đánh giá là giai đoạn có nhiều cơ hội hơn là thách thức. Cụ thể Việt Nam hội nhập sâu hơn vào thị trường thế giới qua các hiệp định hợp tác lớn. Luồng vốn dự kiến sẽ vào Việt Nam nhiều hơn, tạo điều kiện cho việc tăng trưởng đầu tư, đặc biệt là khu vực FDI. Theo dự báo mới nhất của các tổ chức và chuyên gia kinh tế, tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam sẽ vẫn nằm trong top đầu trong khu vực, ở mức 6%-6,6%. Tái cấu trúc ngành ngân hàng sẽ tiếp diễn, với các vấn đề đã được bộc lộ rõ hơn, minh bạch hơn từ đó có thể thiết kế các giải pháp nhằm giải quyết thấu đáo các vấn đề trọng yếu của ngành như nợ xấu, sở hữu chéo, quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp.

Năm 2016 là năm đánh dấu chặng đường 20 năm thành lập và phát triển của VIB. Kế hoạch hoạt động của VIB sẽ vẫn chú trọng bám sát các mục tiêu chiến lược, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông 2016 đã thông qua.

**Tăng trưởng khách hàng để mở rộng thị phần và nâng cao doanh số**

VIB xác định tăng trưởng khách hàng thực chất sẽ không chỉ ở số lượng khách hàng mà là số khách hàng chất lượng, tức là khách hàng có giao dịch và mang lại lợi nhuận cho ngân hàng. Các nhóm giải pháp để tăng trưởng khách hàng mới chất lượng bao gồm:

- Đi ra thị trường để tiếp cận khách hàng (Route to market excellence);
- Thu hút và hấp dẫn khách hàng đến chi nhánh (Customer Walk-in);
- Các chương trình liên kết và giới thiệu khách hàng (Customer Referral).

Các định hướng khác giúp cho việc tăng trưởng khách hàng hiệu quả bao gồm Digital banking, một phương thức kinh doanh đang ngày càng trở nên gần gũi, quen thuộc với khách hàng và trở thành xu hướng phát triển của dịch vụ ngân hàng tương lai, cũng sẽ được VIB tập trung nguồn lực để triển khai mạnh mẽ.

#### **Xây dựng Mô hình vận hành**

VIB sẽ tiếp tục hướng tới cơ cấu tổ chức phẳng và gọn nhẹ, có Hệ thống chính sách, quy trình sản phẩm và quy trình vận hành mạch lạc, dễ hiểu, ngắn gọn, và được tự động hóa cao, chế độ phân cấp phân quyền hợp lý và nền tảng thông tin MIS/BI tốt nhất.

#### **Quản trị rủi ro**

Năm 2016, Khối QTRR sẽ tiếp tục giải quyết danh mục nợ xấu, rủi ro cao còn tồn đọng, củng cố nhận diện rủi ro. Bên cạnh đó, Khối sẽ hỗ trợ đắc lực các mục tiêu tăng trưởng của khối KHDN và KHCN một cách thận trọng và bền vững, đặc biệt xem xét “từ khâu đầu đến khâu cuối” đối với quy trình tín dụng bán lẻ sẽ được tiến hành để có hiệu quả. Quản lý rủi ro hoạt động sẽ vẫn là một điểm nhấn quan trọng khi tiếp tục đưa ra một hệ thống bảo vệ mạnh mẽ được xây dựng trên ba tầng bảo vệ

#### **Công nghệ**

Xu hướng tất yếu của ngân hàng công nghệ số (digital banking) và các công ty tài chính-điện tử (Fintech) tạo ra nhiều lựa chọn và tiện ích cho khách hàng và bắt buộc các ngân hàng phải đầu tư công nghệ mạnh mẽ, vận dụng các mô hình sáng tạo để cạnh tranh, nếu muốn tồn tại. Xu thế này sẽ tạo một sân chơi bình đẳng và lành mạnh cho các ngân hàng.

Theo BCTC hợp nhất của VIB, sau 9 tháng đầu năm 2016, VIB đã đạt 326,9 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hoàn thành 60,53% kế hoạch năm 2016. Như vậy, VIB khó có khả năng hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trong năm 2016. Tuy nhiên, chất lượng lợi nhuận của VIB luôn được các cơ quan chức năng và các đối tác đánh giá cao, tỷ lệ nợ xấu của VIB dự kiến đến 31/12/2016 là 1,54% nằm trong số các ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ...

#### **14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Ngân hàng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất...)**

Đến thời điểm công bố thông tin, VIB không có những cam kết nhưng chưa thực hiện như: trái phiếu chuyển đổi, tiền sử dụng đất theo hợp đồng thuê đất chưa được thanh toán.

#### **15. Chiến lược định hướng phát triển kinh doanh của Ngân hàng**

VIB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2016 cho từng phân khúc khách hàng, từng sản phẩm tín dụng, mục tiêu chiến lược kinh doanh của ngân hàng, phù hợp với định hướng của Chính phủ và chỉ đạo của NHNN.

- **Đối với đối tượng khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME):** mở rộng các Trung tâm kinh doanh phục vụ các khách hàng SME tại các tỉnh, thành phố lớn như Tp Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Vũng Tàu, Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Dương, Nha Trang, Vinh, Thanh Hóa, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình với kế hoạch sẽ tăng trưởng mạnh tín dụng tại phân khúc khách hàng này.
- **Đối với đối tượng khách hàng cá nhân:** các chương trình dành cho khách hàng cá nhân do VIB đưa ra không chỉ gói gọn trong các sản phẩm huy động và cho vay mà còn được mở rộng sang

các sản phẩm khác như thẻ Master, thẻ ATM, thanh toán hóa đơn qua ebank.... Năm 2015, VIB đã chính thức triển khai My VIB trên ứng dụng smart phone và nhận được sự phản hồi tích cực của khách hàng.

- **Đối với đối tượng khách hàng doanh nghiệp lớn:** VIB tiếp tục triển khai các gói sản phẩm tín dụng phục vụ cho các Doanh nghiệp, Tổng công ty lớn có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định thuộc các ngành hàng trọng tâm theo định hướng của Chính phủ. Bên cạnh đó, VIB dự kiến sẽ triển khai thêm các gói sản phẩm riêng cho các công ty trực thuộc các doanh nghiệp và Tổng công ty lớn - các gói sản phẩm này được kỳ vọng vừa giúp cho ngân hàng tăng được số lượng khách hàng lớn có chất lượng tốt vừa đem tới sự tiện ích cho các khách hàng.
- **Đối với các lĩnh vực ưu tiên:** khi xây dựng trong kế hoạch tăng trưởng tín dụng, VIB luôn chú trọng vào việc tăng trưởng tín dụng đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh được Chính phủ ưu tiên phát triển, mang lại lợi ích tốt cho nền kinh tế. VIB tập trung tín dụng cho các khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu, công nghiệp hỗ trợ và lĩnh vực phát triển nông nghiệp nông thôn.

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng**

Không có.

## **II. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG**

### **1. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

#### **1.1 Danh sách HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát**

<b>STT</b>	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>
<b>I. Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
1	Ông Đặng Khắc Vỹ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Đặng Vũ Sơn	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Ông Đỗ Xuân Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Hàn Ngọc Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
5	Ông Michael John Venter	Thành viên Hội đồng quản trị
6	Ông Coenraad Johannes Jonker	Thành viên Hội đồng quản trị
7	Ông Ian Park	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
8	Ông Trần Tuấn Phong	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
<b>II. Ban Điều hành</b>		
1	Ông Hàn Ngọc Vũ	Tổng Giám đốc
2	Ông Trần Nhất Minh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Công nghệ số
3	Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp nước ngoài và Giám đốc Khối Nguồn vốn và Ngoại hối
4	Ông Ân Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Ban Pháp chế và quản trị doanh nghiệp
5	Ông Phan Viết Cường	Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ kiêm Quyền Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ
6	Bà Vương Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp
7	Ông Loic Faussier	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro
8	Ông Hồ Văn Long	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Phát triển năng lực
9	Ông Hoàng Linh	Quyền Giám đốc Ban Dịch vụ tài chính
10	Ông Brendan Wade Green	Giám đốc Khối Công nghệ Ngân hàng
11	Bà Đặng Thị Phương Diễm	Giám đốc Khối Nghiệp vụ tổng hợp

STT	Tên	Chức vụ
12	Ông Kieran Edward Mulloy	Giám đốc Ban Nhân sự
13	Ông Dương Ngọc Dũng	Giám đốc Trung tâm Marketing và Truyền thông
<b>III. Thành viên ban kiểm soát</b>		
1	Ông Trịnh Thanh Bình	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách
2	Bà Nguyễn Lương Thị Bích Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách
3	Ông Anthony Michael Greenhill	Thành viên Ban Kiểm soát

### 1.2 Hội đồng quản trị

#### **Ông Đặng Khắc Vỹ**

Giới tính

Ngày tháng năm sinh

Nơi sinh

Số Chứng minh nhân dân

Dân tộc

Quốc tịch

Địa chỉ thường trú

Điện thoại

Trình độ văn hóa

Trình độ chuyên môn

Quá trình công tác

- Từ năm 2013 đến nay

- Từ năm 2011 đến nay

- Từ năm 1996 đến 2013

- Từ năm 1992 đến 1995

Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại VIB

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác

Số cổ phần nắm giữ

Số cổ phần đại diện sở hữu

#### **Chủ tịch HĐQT**

Nam

07/06/1968

Nghệ An

012345821, cấp ngày 27/05/2008 tại Công an TP. Hà Nội

Kinh

Việt Nam

53 phố Tiểu Nam, khu Nam Đô, S7, khu phố 6, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh

04.62760068

12/12

Kỹ sư mỏ địa chất, Trường Đại học Thăm dò địa chất Moscow S.Ordzhonikidze;

Tiến sỹ kinh tế, Viện Nghiên cứu kinh tế và chính trị quốc tế của Viện khoa học Nga.

Chủ tịch HĐQT của VIB.

Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Mareven Food Holdings, Cộng hòa Síp

Thành viên HĐQT của VIB

Doanh nghiệp tư nhân, Liên bang Nga

Chủ tịch HĐQT của VIB

Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Mareven Food Holdings, Cộng hòa Síp

28.163.152 cổ phần, tương ứng với 4,99% VDL

0 cổ phần



Số cổ phần người liên quan nắm giữ	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ với VIB	Không
Lợi ích liên quan đối với VIB	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích VIB	Không

**Ông Đặng Văn Sơn**

**Thành viên HĐQT**

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	24/10/1967
Nơi sinh	Nam Định
Số Chứng minh nhân dân	012919233, cấp ngày: 25/09/2009 tại Công an TP. Hà Nội
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	02 đường Nội khu Nam Thông III, khu phố Nam Thông III (S14), phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	04.62760068
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Khoa học kinh tế, Viện Hàn lâm Quốc tế về Khoa học và Nghệ thuật, Liên bang Nga. Chứng chỉ Mini-MBA về Chương trình Quản lý nâng cao, Hiệp hội Công nghệ và Quản trị Hoa kỳ.
Quá trình công tác	
- Từ năm 2013 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT, VIB.
- Từ năm 2007 đến 2013	Thành viên HĐQT VIB; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hệ thống Quốc tế. Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy điện Hương Điền.
- Từ năm 2003 đến 2007	Giám đốc điều hành Công ty InterMark, Liên bang Nga; Đại diện Công ty FPT tại Moscow; Chủ tịch Công ty Valma-M, Liên bang Nga.
- Từ năm 1989 đến 2003	
Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại VIB	Phó Chủ tịch HĐQT VIB
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ tại VIB	2.037.344 cổ phần, tương ứng với 0,36% VDL
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần người liên quan nắm giữ	Vợ Đặng Thị Thu Hà, CMND số 011753385 do Công an Hà Nội cấp ngày 10/05/2007 sở hữu 19.529.163 cổ

	phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ với VIB	Không
Lợi ích liên quan đối với VIB	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích VIB	Không
<b>Ông Đỗ Xuân Hoàng</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/08/1968
Nơi sinh	Hà Nội
Số Chứng minh nhân dân	012564520, cấp ngày 23/12/2002 tại Công an TP. Hà Nội
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	16 ngõ 45A phố Võng Thị, Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	04.62760068
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kỹ thuật, Chuyên ngành Kỹ thuật vô tuyến điện, Đại học Bách khoa Vinnitsa, Ukraina Tiến sỹ Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học Nga
Quá trình công tác	
- Từ năm 2005 đến nay	Thành viên HĐQT VIB
- Từ năm 1993 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mareven Food Central, Liên bang Nga
- Từ năm 1991 đến 1993	Kỹ sư Liên hiệp "khoa học sản xuất Polis", Vinnitsa, Ukraina
Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại VIB	Thành viên HĐQT VIB
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mareven Food Central, Liên bang Nga
Số cổ phần nắm giữ tại VIB	28.164.763 cổ phần, tương ứng với 4,99% VDL
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần người liên quan nắm giữ	Bố đẻ Đỗ Xuân Thụy, CMND số 010410896 do Công an Hà Nội cấp ngày 28/10/2003, sở hữu 22.397.803 cổ phần.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Các khoản nợ với VIB	Không
Lợi ích liên quan đối với VIB	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích VIB	Không
<b>Ông Hàn Ngọc Vũ</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	19/05/1965
Nơi sinh	Hà Nội
Số Chứng minh nhân dân	011175133 cấp ngày: 10/05/2010 tại Công an TP. Hà Nội
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	P5 Tập thể Bộ tư lệnh Thông tin, Tổ 59 Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại	04.62760068
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Ngoại giao, Chuyên ngành Quan hệ quốc tế, Đại học Ngoại Giao. Cử nhân Tiếng Anh Kinh doanh, Đại học Quản trị Kinh doanh Metropolitan, Australia. Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Liberty Bruxelles Bỉ. Chứng chỉ Kỹ năng Quản trị tổng hợp, Đại học Harvard, Hoa Kỳ
Quá trình công tác	
- Từ năm 2013 đến nay	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT của VIB.
- Từ năm 2008 đến 2013	Chủ tịch HĐQT của VIB.
- Từ năm 2006 đến 2008	Tổng Giám đốc của VIB.
- Từ năm 2004 đến 2006	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội kiêm Giám đốc Khối KHDN toàn quốc, Citibank Việt Nam.
- Từ năm 2001 đến 2004	Giám đốc Chi nhánh TP. HCM kiêm Giám đốc kinh doanh Việt Nam, Ngân hàng Credit Lyonnais.
- Từ năm 1999 đến 2004	Giám đốc kinh doanh Việt Nam, Ngân hàng Credit Lyonnais.
Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại VIB	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT VIB
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ tại VIB	1.071.920 cổ phần, tương ứng với 0,19% VĐL

Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần người liên quan nắm giữ	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ với VIB	Không
Lợi ích liên quan đối với VIB	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích VIB	Không

**Ông Michael John Venter**

Giới tính

Ngày tháng năm sinh

Nơi sinh

Số Chứng minh nhân dân/

Số hộ chiếu

Quốc tịch

Địa chỉ thường trú

Điện thoại

Trình độ văn hóa

Trình độ chuyên môn

Quá trình công tác

- Từ năm 2015 đến nay

- Từ năm 2014 đến nay

- Từ năm 2004 đến nay

- Từ năm 2011 đến 2015

- Từ năm 2006 đến 2011

**Thành viên HĐQT**

Nam

28/03/1963

Úc

N7347412, cấp ngày 29/07/2013 tại Úc, có giá trị đến:  
29/07/2023.

Úc

210, Block A, Queen's Garden, 9 Old Peak Road,  
Hongkong

04.62760068

12/12

Cử nhân Kế toán, Đại học Stellenbosch, South  
Africa

Thành viên HĐQT Colonial First State Infrastructure  
Managers Pty Ltd., Australia.

Thành viên HĐQT Bocommlife Insurance Company  
Limited, China.

Thành viên HĐQT New self 1314 Proprietary  
Limited, South Africa.

Thành viên HĐQT New self 1314 Proprietary  
Limited, South Africa.

Giám đốc tài chính – Dịch vụ tài chính quốc tế, CBA  
International Financial Services Ltd.

Thành viên HĐQT của VIB.

Thành viên HĐQT CMG Asia Pty Ltd., Australia.

Thành viên HĐQT CMG Asia Life Holding Ltd.,  
Bermuda.

Giám đốc Tài chính – Dịch vụ tài chính quốc tế và  
Quản lý tài sản, CBA.

Phó Giám đốc Tài chính, CBA.

Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo về tình hình

- Từ năm 2004 đến 2006	hoạt động.
- Từ năm 2001 đến 2003	Trưởng bộ phận báo cáo quản trị tập đoàn, AMP Ltd.
	Trưởng bộ phận Quản lý rủi ro, Nedcor Investment Bank Ltd.
- Từ năm 1999 đến 2001	Thành viên HĐQT VIB
Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại VIB	Thành viên HĐQT Colonial First State Infrastructure Managers Pty Ltd., Australia.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Bocommlife Insurance Company Limited, China.
	Thành viên HĐQT New self 1314 Proprietary Limited, South Africa.
	Thành viên HĐQT New self 1314 Proprietary Limited, South Africa.
	Giám đốc tài chính – Dịch vụ tài chính quốc tế, CBA International Financial Services Ltd.
	Thành viên HĐQT CMG Asia Pty Ltd., Australia.
	Thành viên HĐQT CMG Asia Life Holding Ltd., Bermuda.
Số cổ phần nắm giữ tại VIB	o cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	o cổ phần
Số cổ phần người liên quan nắm giữ	o cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ với VIB	Không
Lợi ích liên quan đối với VIB	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích VIB	Không

**Ông Coenraad Johannes Jonker**

Giới tính

Ngày tháng năm sinh

Nơi sinh

Số Chứng minh nhân dân/

Số hộ chiếu

Quốc tịch

Địa chỉ thường trú

Điện thoại

Trình độ văn hóa

**Thành viên HĐQT**

Nam

22/11/1968

Nam Phi

M00115199, cấp ngày 13/05/2014 tại Nam Phi. Có giá trị đến: 12/05/2024

Nam Phi

5A, Block 3, The Mount Austin, 8 Austin Road, The Peak, Hongkong.

04.62760068

12/12

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật, Đại học Free State, South Africa. Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Pretoria, South Africa.
Quá trình công tác	
- Từ tháng 4/2016 đến nay	Thành viên HĐQT của VIB Tổng Giám đốc điều hành, Digital Banking, CBA International Financial Services Ltd., Hongkong; Thành viên HĐQT TYME Investment Proprietary Ltd;
- Từ năm 2015 đến nay	Thành viên HĐQT TYME Technical Solutions Proprietary Ltd., South Africa; Thành viên HĐQT TYME Capital Proprietary Ltd., South Africa; Thành viên HĐQT TYME Infield Proprietary Ltd., South Africa; Thành viên HĐQT Vatoscan Proprietary Ltd., South Africa;
- Từ năm 2013 đến nay	Giám đốc điều hành TYME, South Africa. Giám đốc Kinh doanh, Standard Bank, South Africa. Giám đốc điều hành, Edward Nathan Sonnenbergs, South Africa.
- Từ năm 2012 đến 2015	Cố đồng kiêm Trưởng phòng Luật lao động, Edward Nathan Sonnenbergs, South Africa.
- Từ năm 2005 đến 2011	Luật sư, Edward Nathan Sonnenbergs, South Africa.
- Từ năm 2000 đến 2005	Thành viên HĐQT VIB Tổng Giám đốc điều hành, Digital Banking, CBA International Financial Services Ltd., Hongkong; Thành viên HĐQT TYME Investment Proprietary Ltd;
- Từ năm 1998 đến 2000	Thành viên HĐQT TYME Technical Solutions Proprietary Ltd., South Africa; Thành viên HĐQT TYME Capital Proprietary Ltd., South Africa; Thành viên HĐQT TYME Infield Proprietary Ltd., South Africa;
- Từ năm 1995 đến 1998	o cổ phần o cổ phần o cổ phần
Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại VIB	Không
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	
Số cổ phần nắm giữ tại VIB	
Số cổ phần đại diện sở hữu	
Số cổ phần người liên quan nắm giữ	
Hành vi vi phạm pháp luật	

Các khoản nợ với VIB	Không
Lợi ích liên quan đối với VIB	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích VIB	Không

**Ông Ian Park**

**Thành viên HĐQT độc lập**

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	24/02/1952
Nơi sinh	New Zealand
Số Chứng minh nhân dân/ Số hộ chiếu	LH167963, cấp ngày 22/08/2013 tại Wellington, New Zealand. Có giá trị đến 22/08/2018
Quốc tịch	New Zealand
Địa chỉ thường trú	5A, Block 3, The Mount Austin, 8 Austin Road, The Peak, Hongkong.
Điện thoại	04.62760068
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Tốt nghiệp trường Trinity, Carlisle England.
Quá trình công tác	Thành viên HĐQT của VIB
- Từ 04/2016 đến nay	Tổng Giám đốc điều hành - Nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng và bán lẻ, Ngân hàng ASB.
- Từ năm 2011 đến nay	Quyền Giám đốc điều hành, Ngân hàng ASB.
- Từ năm 2010 đến 2011	Giám đốc Ngân hàng bán lẻ, Ngân hàng ASB.
- Từ năm 2006 đến 2010	Giám đốc Dịch vụ ngân hàng cá nhân, Ngân hàng ASB.
- Từ năm 2001 đến 2006	Trưởng phòng Dịch vụ ngân hàng cá nhân, Ngân hàng ASB.
- Từ năm 1997 đến 2000	Giám đốc Vùng, Ngân hàng ASB
- Từ năm 1987 đến 1996	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại VIB	Tổng Giám đốc điều hành - Nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng và bán lẻ, Ngân hàng ASB
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	
Số cổ phần nắm giữ tại VIB	0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần người liên quan nắm giữ	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ với VIB	Không
Lợi ích liên quan đối với VIB	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích VIB	Không

Ngày tháng năm sinh	07/08/1973
Nơi sinh	Úc
Số Chứng minh nhân dân	E4118356, cấp ngày 06/03/2014 tại Sydney, Úc. Có giá trị đến 06/03/2024.
Quốc tịch	Úc
Địa chỉ thường trú	2 The Crescent Vaucluse, NSW 2030, Úc.
Điện thoại	04.62760068
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Công nghệ thông tin, Đại học Bond, Australia Thạc sỹ Thương mại, Đại học New South Wales, Australia
Quá trình công tác	
- Từ năm 2013 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát VIB
- Từ năm 2002 đến nay	Giám đốc Kiểm toán, CBA.
- Từ năm 1998 đến 2002	Trợ lý Phó chủ tịch Kiểm toán, Credit Suisse (London).
- Từ năm 1997 đến 1998	Nhà phân tích kinh doanh, Qantas Ltd.
- Từ năm 1995 đến 1997	Tư vấn cao cấp, Pricewaterhouse Coopers.
Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại VIB	Thành viên Ban Kiểm soát VIB
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Kiểm toán, CBA
Số cổ phần nắm giữ tại VIB	0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần người liên quan nắm giữ	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ với VIB	Không
Lợi ích liên quan đối với VIB	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích VIB	Không

## **2. Kế hoạch tăng cường quản trị Ngân hàng**

VIB đã và đang áp dụng quy trình quản trị chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế và vận dụng linh hoạt vào thực tế với những đặc thù của hệ thống chính sách pháp luật và những đặc thù về kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam.

Quản trị doanh nghiệp vững mạnh tại VIB được xây dựng một cách nhất quán, hướng theo chuẩn mực quốc tế với sự tách bạch rõ ràng giữa các chức năng quản trị, kiểm soát và điều hành, dựa trên tính trách nhiệm và tính minh bạch cao của cả tập thể HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành. VIB



xây dựng và luôn duy trì một môi trường làm việc dân chủ, một cấu trúc quản trị doanh nghiệp tiên tiến và đảm bảo phù hợp với điều kiện hoạt động của thị trường Việt Nam. Đội ngũ nhân sự quản trị, điều hành, kiểm soát được tăng cường cả về lượng và chất, bao gồm các thành viên thông thường và thành viên độc lập của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành là những người có nhiều năm kinh nghiệm quản lý điều hành các tổ chức tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp trong nước, nước ngoài và những thành viên là người nước ngoài. Tổ chức vận hành của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành có hiệu quả cao cùng với sự tham gia của các thành viên có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm quốc tế.

Các hoạt động kinh doanh, dịch vụ và vận hành đều được tổ chức trên cơ sở điều lệ, các khung quản lý, quy chế, quy định, quy trình và áp dụng mô hình vận hành, tương tác giữa các đơn vị chức năng gần với các chuẩn mực tiên tiến của quốc tế. Hoạt động quản lý hệ thống không ngừng được hoàn thiện với những chính sách, quy định, quy trình rõ ràng và được áp dụng ngày càng hiệu quả hơn tại các Đơn vị kinh doanh.

VIB đã triển khai thành công mô hình kinh doanh và dịch vụ mới trên toàn hệ thống các Chi nhánh, mang đến những thay đổi tích cực rõ rệt trong việc nâng cao hiệu quả bán hàng, cải thiện chất lượng dịch vụ và tăng cường quản lý rủi ro cho hệ thống các đơn vị kinh doanh. VIB đã triển khai thành công chương trình quản lý hiệu suất làm việc và quản lý nhân tài với hệ thống tiêu chí KPIs rõ ràng và mục tiêu cụ thể được thiết kế đến từng cán bộ nhân viên. Hệ thống này được hỗ trợ quản lý bởi hệ thống MIS tự động và các cơ chế thưởng hợp lý. Chiến lược của Ngân hàng là tiếp tục đầu tư đẩy mạnh chất lượng phục vụ khách hàng của đội ngũ nhân viên để hiện thực hóa tầm nhìn “sáng tạo và hướng tới khách hàng” thông qua mô hình dịch vụ khách hàng hiệu quả trên toàn hệ thống.

Công tác quản lý rủi ro được tập trung đầu tư mạnh trong thời gian qua, với việc xây dựng hệ thống phê duyệt tín dụng tập trung, hệ thống xếp hạng tín dụng khách hàng, áp dụng khẩu vị rủi ro và những chính sách, quy trình quản lý rủi ro mới, tập trung hóa công tác thu hồi nợ và xử lý rủi ro, tăng cường đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ cho CBNV toàn hệ thống. Thời gian qua, VIB đã liên tục cải tiến và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo hướng hiện đại hóa và tiến dần tới các chuẩn mực quốc tế. Hiện tại, về cơ bản VIB đã có đủ năng lực quản trị rủi ro để có thể đạt được mục tiêu tăng trưởng an toàn. VIB đã triển khai hệ thống phê duyệt tín dụng tập trung cho hầu hết 151 đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống. Hệ thống phê duyệt tín dụng tập trung sẽ giúp giảm thiểu thời gian phục vụ khách hàng, nâng cao hiệu quả trong kinh doanh và quản trị rủi ro.

Bên cạnh đó, hệ thống kiểm soát – kiểm toán nội bộ của VIB cũng được tăng cường về nguồn lực, hoàn thiện về cơ chế, hệ thống quy trình để có thể đáp ứng được các yêu cầu về quản trị và giám sát toàn diện các hoạt động kinh doanh cũng như hoạt động quản trị, điều hành chính sách tín dụng

Việc kiểm toán độc lập định kỳ đã, đang và sẽ được thực hiện theo quy định với sự tham gia kiểm toán của các hãng kiểm toán lớn như PWC, KPMG, E&Y, Deloitte. VIB luôn đảm bảo Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên được kiểm toán độc lập trình cơ quan quản lý và cổ đông đảm bảo đúng kế hoạch và quy định về mặt thời gian và chất lượng.

Ngoài ra, Ngân hàng đã thực hiện chỉnh sửa, bổ sung điều lệ hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp 2014, xây dựng các quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các ủy ban, hội đồng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và

tạo nền tảng pháp lý cho hoạt động quản trị, kiểm soát, điều hành Ngân hàng. Thời gian tới, VIB cam kết tiếp tục hoàn thiện quy chế quản trị tuân thủ quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC về quản trị công ty áp dụng các công ty Đại chúng.

Có thể nói, VIB được luôn được đánh giá cao về tính minh bạch, lành mạnh và cấu trúc quản trị hiện đại, hiệu quả trên thị trường ngân hàng, những đánh giá và ghi nhận này đến từ Ngân hàng Nhà nước, các hãng kiểm toán độc lập KPMG và Ernst & Young, cổ đông - trong đó có CBA, Moody's và các định chế tài chính quốc tế như World bank, IFC và ADB và từ các tổ chức có uy tín trong nước và quốc tế khác.

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trong Bản công bố thông tin là đầy đủ và chính xác với tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật với các thông tin này.

Ngày tháng 12 năm 2016

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



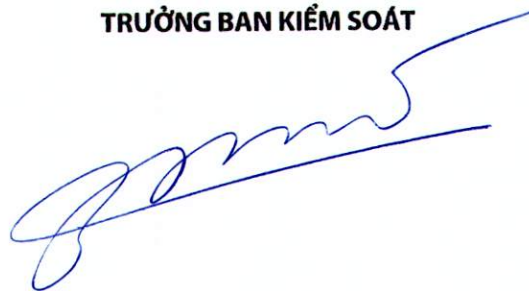
**Hàn Ngọc Vũ**

**QUYÊN GIÁM ĐỐC**  
**BAN DỊCH VỤ TÀI CHÍNH**



**Hoàng Linh**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**Trịnh Thanh Bình**

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hoàng Giang**